

VĂN HỌC

HOẠT SAN VĂN HÓA XÃ HỘI NGHỆ THUẬT
ĐỂN ĐÀN SINH VIÊN VIỆT NAM TỰ DO



HOÀNG VĂN OỨC — VŨ HOÀNG CHƯÔNG — ĐOÀN
QUỐC SỸ — NGUYỄN ĐÌNH TOÀN — ĐẶNG THẾ
LĂNG — NGUYỄN TẠO LÂM — DƯƠNG CỬ — PHONG
GIÀO — DƯƠNG NHẤT NHAN — PHAN KIM THINH
DƯƠNG KIẾN — LÊ ĐƠN KHOAN — VIỆT DẦU
THẦN VĂN NGÔ — LÝNH — NGUYỄN HẢI GIÀO

NỘI DUNG SỐ NÀY

VĂN - HỌC

HOÀNG VĂN - ĐỨC

DƯƠNG NHẤT - NHÂN

LÊ ĐÓN - KHOAN

PHAN KIM - THỊNH

DOÃN QUỐC - SỸ

VŨ HOÀNG - CHƯƠNG

DƯƠNG - KIẾN

DƯƠNG - CỰ

NGUYỄN - ĐÌNH - TOÀN

NGUYỄN - HẢI - GIAO

HẠNH

PHONG - GIAO

VIÊM - ĐÀU

NGUYỄN THỊ - VINH

NGUYỄN - NGUYỄN

THANH UÔNG

NGUYỄN TẠO - LÂM

THỨ - LANG

TRẦN VĂN - NGÔ

NGUYỄN - ĐỨC

Trào gửi

Thư bàn về sự liên lạc

Vài tâm trạng nghịch thường

Cảm nghĩ của người Sinh-viên

Vấn đề của chúng ta

Tự do linh hồn

Tiền bạc

Củ rúc đêm khuya

Thu ca

Hình ảnh

Người cầm bút và....

Có những lúc tôi buồn

Ngày cô đơn

Gian nhà búp-bê

Cô độc.

Đoàn văn

Đẹp xưa

Điểm sách: Dieu est né en exil

Ba sinh Hương lửa.

Sinh-hoạt Sinh-Viên

Sinh-hoạt Văn-hóa

Bài vở xin gửi: DƯƠNG THỨ - LANG

Thư từ giao dịch, tiền bạc, ngân phiếu xin gửi: PHAN KIM - THỊNH

VĂN - HỌC

NGUYỆT - SAN VĂN - HÓA - XÃ - HỘI - NGHỆ - THUẬT
DIỄN-ĐÀN SINH-VIÊN VIỆT-NAM TỰ-DO

THÁNG 11-1962

NĂM THỨ NHẤT — SỐ 1

trao gửi

Thế-hệ của chúng ta luôn luôn mang trên vai những ưu tư nặng trĩu, ưu tư khiến chúng ta sớm già cỗi trong khi thế-giới bên ngoài đang trẻ lại cùng với những bước tiến bộ không lờ.

Nhưng giờ phút này không còn là lúc để chúng ta hối tiếc, oán trách hay phàn nàn than thở. Chúng ta chỉ còn một con đường, hoặc tiến lên để vĩnh-viễn dựa mình vào dãy Trường-Sơn là điểm tựa của giải đất dài trên 2 000 cây số ; hoặc lùi bước, và chỉ có nghĩa là lùi xuống biển cả.

Thanh-niên chúng ta đã vượt qua bao nhiêu thử thách, đã được đào luyện bởi bao nhiêu kinh-nghiệm, thành-công có và thất-bại cũng có. Những lớp này chưa nằm xuống, lớp khác đã sẵn sàng đứng dậy. Đó là một niềm phấn-khởi không ai phủ-nhận được. Chúng ta sẵn sàng gánh vác trách-nhiệm. Trong tình-thế cực-kỳ tế-nhị và khó khăn hiện nay, chúng ta đã và đang làm bổn-phận một cách đầy hào hứng và hăng-diện.

Nhưng xác-nhận một ý-chí không phải là tất-cả và không tất nhiên đưa tới thành-công. Chúng ta chiến đấu nhưng không đơn-thuần là một thứ võ-khí chiến đấu một cách vô-tri. Giá-trị cuộc chiến-đấu của chúng ta sẽ được phán-đoán trong tương-lai, nhưng cái gì chúng ta phải làm trong hiện-tại là xác-định một thái-độ và trung-thành với thái-độ ấy như một lý-tưởng. Thời kỳ « Hein Hitler » không còn nữa trong lịch sử, ít nhất đối với các quốc gia trong thế-giới Tự-do. Và đó cũng là niềm hy-vọng độc nhất trong khi chúng ta phải hy-sinh tất cả, kể cả hạnh phúc bản thân cũng như sinh mạng thiêng liêng của mình.

Xác-định thái độ chung không phải là công-việc của một người hay một nhóm người, có thể làm trong một ngày hay một giờ. Nó phải do một sự trao đổi thành thật và quả cảm, đôi khi nó còn đòi hỏi cả sự hy-sinh bền bỉ và lớn lao. Không một thành quả nào lại có thể đạt được bằng sự lười biếng của những tâm hồn hoen ỉ.

VĂN-HỌC tới với các Bạn với mục-dích trao đổi và bắc nhịp cầu thông-cảm ấy. Kỳ vọng nhiều, phương tiện ít ; chúng tôi không dám hứa hẹn mà chỉ ước mong làm được một trong muôn vàn những gì phải làm của thế-hệ chúng ta.

VĂN-HỌC sẽ là diễn-đàn chung của mọi tầng lớp Sinh viên và Thanh-niên, nơi đây những tiếng nói chân thành sẽ hợp thành một đoản-khúc trong bản trường ca của dân-tộc, của lòng người.

Nếu lịch-sử là một thứ định-mạng, thì nhất-định phải là một định-mạng ở trong tay con người, ở trong tay chúng ta.

Và giờ đây, xin trao gửi . . .

TỪ TRIẾT-HỌC, Y-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG ĐẾN SỰ PHỤC-HƯNG NỀN VĂN-HÓA DÂN-TỘC

B. S. HOÀNG VĂN-ĐỨC

CHỮ-THÍCH.— Bài này do tác-giả định tám viết và thu-thập tài-liệu từ lâu, nên mặc dầu được đăng-tải sau vụ náo-động dư-luận về việc cấm dùng danh-hiệu "Đông-y-sĩ, Đông-dược-sĩ", bài này không thể được coi như có tác-dụng tham-gia cuộc bút chiến vừa nói. Xin lưu-ý quý vị độc-giá.

Tác-giả

I. VẤN-ĐỀ TƯ-TƯỞNG ĐÔNG-PHƯƠNG ĐỐI VỚI THẾ-GIỚI

Sự thật, không phải chỉ ở Việt-Nam ta mới có những cuộc thảo-luận sôi-nổi về giá-trị tuyệt-đối của nền y-học Đông-phương, và về giá-trị tương-đối của y-học Đông-phương so-sánh với y-học Tây-phương. Theo tài-liệu có-thể tìm thấy một cách dễ-dàng, người Tây-phương nói chung vẫn có phần nửa kinh-phục nửa sợ-hãi đối với những thứ gì có thể gọi là « thuốc » của Đông-phương, hai chữ Đông-phương ở đây bao-quát cả một khu-vực mênh-mông từ Thổ-nhĩ-Kỳ, Ba-Tư, đến Trung Hoa, Nhật-Bản.

Người Tây-phương, phần nhiều thuộc giới trí-thức, thường cho rằng người Đông-phương biết hưởng-thụ những lạc-thủ của đời sống hơn họ. Chữ « nhân » của một số dân-tộc Á-Đông được coi là một thứ triết-lý hết sức cao-cả về nhân-sinh. Những món ăn như tô yến, trứng ấp giở là những thứ tầm-bô rất tốt. Cũng như nhân-sâm làm tăng sức sinh-lý, thuốc phiện hay haschisch làm cho người đau-khổ nhẹ những nỗi sầu-đau quá nặng-nề. . . Người Tây-phương còn có tin-tưởng rằng

những dân-tộc ở phía Đông có những thứ thuốc độc ghê-gớm, cùng những khả-năng nửa khoa-học nửa huyền-hoặc về thôi-miên, về chài-bùa pháp-thuật v.v. (ví-dụ : đi chân không trên một cái hồ đồ đầy than hồng).

Nhưng số người hiểu-biết về Đông-phương quá ít-ỏi. Những câu truyện họ kể lại, khi đi xa về, khó lòng thoát khỏi ý muốn khoe-khoang giả-dối. Họ lại không có bằng-chứng cụ-thể nào hết. Cho nên Tây-phương vừa phục lại vừa khinh Đông-phương chỉ là một vùng đất-đai với đời sống lạc-hậu đến nỗi dân-chúng còn « *vì quá tin-tưởng mà gây được những hiện-tượng siêu-phàm* ». Đó có-thể gọi là ý-kiến đúng-đắn nhất, mực thước nhất trong số người hoài-nghi.

Số người hoài-nghi càng ngày càng bớt dần. Bắt đầu tính-ngộ từ năm 1905 khi thấy Nhật-Bản thắng Nga, người Tây-phương phải đợi đến thời-kỳ 1945 — 1955 mới tin hẳn rằng Đông-phương — đặc-biệt là Á-châu — là cội gốc của một nguồn sinh-lực vô cùng mãnh-liệt và của nhiều trào-lưu tư-tưởng cao-siêu nếu không hơn thì ít ra cũng không kém những trào-lưu tư-tưởng sâu-sắc nhất của Tây-phương. Sự học-hỏi trước kia có một chiều, đến bây-giờ đã có hai chiều đi lại. Các nhà khảo-cổ, các nhà dịch-thuật đua nhau tìm đề-tài ở Đông-phương.

Thế rồi đến những khám-phá mới nhất về vi-ty-vật-lý và thiên-văn-vật-lý-học (micro-physique và astro-physique) mở mắt cho các nhà bác-học thấy giá-trị lạ lùng của quan-niệm của Khổng-tử về sự cấu-tạo của căn-khôn : « *Thái-cực sinh lưỡng-nghi, lưỡng-nghi sinh tứ-tượng, tứ-tượng biến-hóa vô-cùng...* », nhờ triển-vọng mà các nhà bác-học có thể tìm thấy nay mai : « *âm-dương có thể thống-nhất thành một khối nguyên-thủy* ». Nhà bác-học cũng đồng-thời nhận thấy giá-trị của sự so-sánh : « *thần-thể con người là một tiểu vũ-trụ* ». Bên cạnh những quan-niệm « cổ-hủ » của Đông-phương — bởi vì đã có từ ngoài 2000 năm nay rồi — những quan-niệm « tối-tân » của Tây-phương càng ngày càng lộ thêm về ấu-trĩ.

II. NÓI RIÊNG VỀ Y-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG

« *Thần-thể con người là một tiểu vũ-trụ* » nhà triết-học có lẽ là người đầu-tiên có ý-nghĩ này ở Á-Đông. Con người Á-Đông làm bất-cứ một công-việc gì về văn-hóa đều trước hết phải được học-tập về triết-lý. Hàng nghìn năm nay rồi, người Á-Đông đương-nhiên coi công-việc « kinh-sử » là cần-thiết để mở cửa vào bất-cứ một ngành hoạt-động nào thuộc phạm-vi chữ-nghĩa. Nói một cách giản-dị hơn, là muốn làm thầy thuốc, muốn làm chỉ-huy quân-sự hay muốn làm quan tòa xử án, người ta muốn được tôn-trọng tất phải tni đỗ về văn-học. Trong khi đó có-thể nói cơ-sở ưu-tiên của nền văn-học Á-Đông là cái quan-niệm triết-lý « *Thái-cực sinh lưỡng-nghi...* » nói trên.

Vi thế chúng-ta không lấy làm lạ, khi chúng-ta thấy tất-cả nền y-học Á-Đông được đặt trên căn-bản đó. Chỉ nói riêng một phương-pháp « chuẩn mạch » của một nhà chuyên-môn của nền y-học này cũng đã là một phur-ug-pháp suy-tư, biện-chứng theo đúng nguyên-tắc triết-học. Bỏ ra ngoài sự phân-biệt giữa bốn việc phải làm để tìm hiểu chứng-bệnh (1) chỉ một việc xem mạch cũng đã đòi-hỏi một y-sĩ phải chia mỗi cổ tay — ở một chỗ đã được ấn-định — làm 3 điểm gọi là *quan*, *xích*, *thốn* (2) mạch có *phủ*, *trung*, *trầm* (3) có *thực*, có *hư* (4), đã là những điểm cần đến sự phân-biệt rất tế-nhị.

Nhưng tế-nhị như thế chưa thấm vào đâu hết, nếu chúng-ta còn nói thêm về sự định-bệnh theo âm-dương (lưỡng-nghi), âm-dương sinh ra *Đông*, *Tây*, *Nam*, *Bắc*, *Trung* (giữa), mỗi vị-trí chỉ-huy một màu *xanh*, *đỏ*, *trắng*, *đen*, *vàng*, mỗi màu tượng-trưng một mùa *Xuân*, *Hạ*, *Thu*, *Đông* và *Tứ-Quý* (màu vàng riêng chỉ mấy tháng 3, 6, 9, 12 âm-lịch), và có-nhiên, điều-hành năm chất : *mộc*, *hỏa*, *kim*, *thủy*, *thổ*, mà trong đó can (gan) thuộc mộc, tâm (tim) thuộc hỏa, phế (phổi) thuộc kim, thận thuộc thủy, và sau hết, tỳ thuộc thổ.

Tất-cả sự định-bệnh, chọn vị thuốc (chữa bệnh) phải tùy theo sự liên-hệ *thuận* hay *ngịch* và *hư* hay *thực* đối với thời-tiết, màu sắc, mà ấn-định vị đắng, cay, ngọt, mặn . . . , là thực-chất của vị thuốc. Người thầy thuốc không được phép chỉ biết có bệnh-nhân, mà còn phải đặt bệnh-nhân (với chứng-bệnh) vào giữa ngoại-cảnh và ngoại-vật.

III. NHỮNG NHƯỢC-ĐIỂM KHÔNG THỂ TRÁNH

Nhưng không phải lúc nào y-học Đông-phương cũng thành-công như vậy. Câu hỏi đầu-tiên mà người-ta có-thể đặt ra là bấy nhiêu khó khăn, có bao nhiêu thầy thuốc có thể hiểu được và áp-dụng được thật đúng? Sự thật là một nhà Nho-học uyên-bác — đậu đến bằng Tiến-sĩ chữ Hán — có lần đã nói với người viết những dòng này một câu chí-tình rằng : « *Học thì thế, nhưng đến khi thực-hành, người vào hạng khá cũng chỉ có thể áp-dụng được bốn, năm phần sở-học mà thôi* ».

(1) Bốn việc phải làm này là : *vọng*, *vin*, *vấn*, *thiết*. Ba danh-từ trên có nghĩa là quan-sát (quan-hình, sát-sắc), là nghe tiếng động (nói, thở, . . .) vấn (hỏi bệnh-nhân), chỉ riêng chữ « *thiết* » có nghĩa là xem mạch.

(2) Ghi-chú dành riêng cho các bạn đọc muốn hiểu rõ hơn : Ba điểm mạch *quan*, *xích*, *thốn*, ở cổ tay phải chỉ vào phôi với ruột già, dạ dày với lá lách, mạng (sống chết) với các thứ màng mỏng trong cơ-thể. Ba điểm này ở cổ tay trái chỉ vào tim với ruột non, gan với mật, thận với bàng quang. Lễ có-nhiên khi học xem mạch phải được học thế nào là mạch ăn về tim hay về ruột non v.v...

(3) *phủ*, *trung*, *trầm* là nổi, vừa phải và chìm.

(4) Ví dụ người yếu mà nóng là nóng giả; khát nước, thêm nước mà ngâm nước vào miệng lại không muốn nuốt đi là nóng giả, v.v...

Sự nhận-định chân-thành này đã làm có cho hầu hết những điều chê-trách khác. Sự học-hỏi đã cần đến mười, mười lăm năm mới thấu-triệt được phần triết-lý, vậy phải học bao nhiêu năm mới có-thể đạt tới thực-hành? Và bao nhiêu thầy thuốc theo y-học Đông-phương đã có công-phu học được như vậy.

Trả lời những câu hỏi này là kết án tử-hình nền y-học Đông-phương. Vì, thật thế, trong năm, mười năm nữa, nước Việt-Nam sẽ không còn một vị khoa- cử Hán-học nào. Đến lúc đó, ai là người dám xưng mình là người biết nghề chữa bệnh theo « triết-học và y-học » Đông-phương? Đến lúc đó, sẽ chỉ còn những người học lõm hay học thuộc lòng được một số bài thuốc, rồi *giả vờ chuẩn mạch* mà sự thật chỉ xem chứng-bệnh bên-ngoài mà cho uống thuốc theo bài có sẵn, không gia-giảm. Những người này cố-nhiên không bằng những người thợ trồng rừng, dù sao cũng được học nhiều hơn — về nghề-nghiệp.

VI. NHỮNG CHÍNH CÁC NHÀ BÁC-HỌC TÂY-PHƯƠNG...

Chính các nhà bác-học Tây-phương, sau khi biết có kho-tàng y-học Đông-phương, đã không nỡ bỏ mặc cho kho-tàng đó bị « bụi thời-gian » phủ-kín mọi dấu-vết. Chính các nhà bác-học Tây-phương đã sang tận Thượng-Hải, Hương-Cảng để nghiên-cứu vấn-đề. Rồi đến các nhà bác-học Nhật-Bản, Trung-Hoa, sau khi du-học thành-tài ở Ba-Lê, Bá-Linh Luân-đôn v.v..., đã trở về học lại sách vở của tổ-phụ.

Điều lạ-lùng nhất mà họ tìm thấy là hai nền y-học, với quan-niệm nguyên-thủy trái hẳn nhau, mà thật-sự chỉ đưa đến những đường-lối thực-hành trái ngược nhau ở bề ngoài, còn bên trong không những *phù-hợp* nhau mà còn *bổ-khuyết* lẫn cho nhau. Khoa vi-trùng-học mới nhận thấy vi-trùng có loại hợp màu đỏ, có loại kỳ màu vàng. Các bác-sĩ chữa bệnh lao phổi đã biết từ lâu gửi con bệnh đến những nơi khô ráo, ấm áp (phế thuộc kim, hợp với màu trắng và mùa thu!). Một số bệnh-nhân ở thần-kinh-hệ bắt đầu được chữa-chạy trong những căn phòng sơn màu hợp với căn bệnh (hay hợp với ngũ-hành?).

Khám-phá quan-trọng nhất của các nhà bác-học Tây-phương là làm sống lại khoa *châm-chích*. Hoàn-toàn chi-phối hệ-thần-kinh, khoa châm-chích, ngay bây-giờ, đã có-thể nói là giúp cho nền y-học Tây-phương tiến vượt bậc. Bởi một lẽ khoa-học thực-nghiệm chỉ có-thể nhận thấy biến-chứng mà không đi sâu vào được sự sống của thần-kinh-hệ (dùng biện-pháp quang-tuyến không nhìn thấy; mỗi khi được mổ tìm đến giây thần-kinh là con bệnh đã chết — thì cố-nhiên thần-kinh cũng đã ngừng hoạt-động). Y-học Đông-phương có-lẽ cũng không nhìn thấy thần-kinh-hệ. Nhưng nhờ sự suy-luận nào, hay nhờ kinh-nghiệm từ bao-giờ, mà biết rằng cắm cây kim nhỏ như sợi tóc « vào sâu một ngón tay cái, ở một điểm thuộc phía ngoài ống chân phải, ở dưới đầu xương bánh-chè

3 lần đổi thứ 2 ngón tay trở của bệnh-nhân », cầm kim như thế có-thể chữa được 85 phần trăm bệnh sưng khúc ruột thừa (ruột chưa thủng) trong thời-gian từ 6 tiếng (nhANH NHẤT) đến 2 ngày (chậm nhất).

Phép chữa bệnh sưng-khúc-ruột-thừa một cách rất đặc-biệt này đã được báo-cáo trước Viện Hàn-lâm Giải-phẫu của Pháp bởi giáo-sư B. Azerad — một giáo-sư chuyên về giải-phẫu có tiếng tăm trên đất Pháp. Giáo-sư Azerad cùng hai bạn đồng-nghiệp, giáo-sư J. Lefebvre và H. Le Brigand, cũng lại viết bài tường-thuật những điều mắt-thấy tai-nghe về một số thực-hiện của các thầy thuốc Á-Đông. Uy-tín của các tác-giả không cho phép chúng ta hoài-nghi những điều nhận-định về chuyên-môn của họ : Hai nền y-học có thể phát-triển song-hành, ngoài cái lợi về xã-hội, cái lợi về kiến-thức cũng hết sức rõ-rệt.

Sự bỏ-khuyết lẫn cho nhau còn quan-trọng một cách rất đặc-biệt về sự tìm-kiếm được-liệu. Báo NEWSWEEK số 27 tháng 8 nhân nói về y-học Đông-phương, có nhắc lại rằng người Tàu ăn tụy-tạng lợn (có nhiều chất insuline) đỡ bệnh tiểu-đường, người Ấn-Độ biết từ ngàn xưa cây Serpentaria (có chất réserpine) chữa bệnh huyết-áp cao và cây Ephedria-Vulgaris (có chất éphédrine) chữa đỡ được bệnh suyễn. Đó là chưa kể đến các chất mới được dùng như mã-tiên, cam-thảo, phụ-tử, dương-quy v.v. Cuốn Dược-thư của người Tàu còn đề dành hàng ngàn vị thuốc cho công-cuộc nghiên-cứu của các nhà Bác-học.

V. — VẤN-ĐỀ Ở VIỆT-NAM.

Thật là một điều vô cùng đáng tiếc : một câu chuyện nhỏ, bị xé thành lớn, đã làm cho một vấn-đề rất lớn bị gạt ra ngoài lề quá sớm. Vấn-đề thảo-luận, mới đây ở Saigon, đã gây nên một sự hiểu-lầm lẫn nhau rất tai-hại. Tai-hại ở sự tức-giận gây ra cho cả đôi bên, trong một lãnh-vực có hệ-trọng đến sức khỏe và sinh-mạng của một số đồng-đồng-bào, đã khiến cho người ta quên vấn-đề khai-thác nền y-học Đông-phương cùng những nhà chuyên-môn trị-bệnh theo nền y-học đó.

Nội-dung không phải là vấn-đề danh-từ đã được đặt quá nặng. Bên này cũng như bên kia, vấn-đề thật là : Đông-y phải được xem như một di-sản quý-báu nhất cần phải được định-giá cho đúng và khai-thác, trau-dồi. Ở ngoài sự tranh-chấp, những ai quan-tâm đến nền y-học xứ-nhà đều thấy việc làm cần-thiết và cấp-bách hiện-tại là :

1. — Quy-pháp (codifier) nền Đông-y và ấn-định những nguyên-tắc rõ-rệt hơn cho sự đối-xử với những người hành-nghề Đông-y.

Điều này rất cần-thiết về phương diện xã-hội, để ổn-định tinh-thần và đời sống của 8 000 (tám nghìn) thầy thuốc đồng-y.

2. — Phục-hưng khoa-mục nền y-học Đông-phương.

Sự nhận-định chân-thành này đã làm có cho hầu hết những điều chề-trách khác. Sự học-hỏi đã cần đến mười, mười lăm năm mới thấu-triệt được phần triết-lý, vậy phải học bao nhiêu năm mới có-thể đạt tới thực-hành ? Và bao nhiêu thầy thuốc theo y-học Đông-phương đã có công-phu học được như vậy.

Trả lời những câu hỏi này là kết án tử-hình nền y-học Đông-phương. Vì, thật thế, trong năm, mười năm nữa, nước Việt-Nam sẽ không còn một vị khoa- cử Hán-học nào. Đến lúc đó, ai là người dám xưng mình là người biết nghề chữa bệnh theo « triết-học và y-học » Đông-phương ? Đến lúc đó, sẽ chỉ còn những người học lõm hay học thuộc lòng được một số bài thuốc, rồi *giả vờ chuẩn mạch* mà sự thật chỉ xem chừng-bệnh bên-ngoài mà cho uống thuốc theo bài có sẵn, không gia-giảm. Những người này cố-nhiên không bằng những người thợ trồng rừng, dù sao cũng được học nhiều hơn — về nghề-nghiep.

VI. NHỮNG CHÍNH CÁC NHÀ BÁC-HỌC TÂY-PHƯƠNG...

Chính các nhà bác-học Tây-phương, sau khi biết có kho-tàng y-học Đông-phương, đã không nỡ bỏ mặc cho kho-tàng đó bị « bụi thời-gian » phủ-kín mọi dấu-vết. Chính các nhà bác-học Tây-phương đã sang tận Thượng-Hải, Hương-Cảng để nghiên-cứu vấn-đề. Rồi đến các nhà bác-học Nhật-Bản, Trung-Hoa, sau khi du-học thành-tài ở Ba-Lê, Bá-Linh Luân-đôn v.v..., đã trở về học lại sách vở của tổ-phụ.

Điều lạ-lùng nhất mà họ tìm thấy là hai nền y-học, với quan-niệm nguyên-thủy trái hẳn nhau, mà thật-sự chỉ đưa đến những đường-lối thực-hành trái ngược nhau ở bề ngoài, còn bên trong không những *phù-hợp* nhau mà còn *bổ-khuyết* lẫn cho nhau. Khoa vi-trùng-học mới nhận thấy vi-trùng có loại hợp màu đỏ, có loại kỳ màu vàng. Các bác-sĩ chữa bệnh lao phổi đã biết từ lâu gửi con bệnh đến những nơi khô ráo, ẩm áp (phế thuộc kim, hợp với màu trắng và mùa thu !). Một số bệnh-nhân ở thần-kinh-hệ bắt đầu được chữa-chạy trong những căn phòng sơn màu hợp với căn bệnh (hay hợp với ngũ-hành ?).

Khám-phá quan-trọng nhất của các nhà bác-học Tây-phương là làm sống lại khoa *châm-chích*. Hoàn-toàn chi-phối hệ-thần-kinh, khoa châm-chích, ngay bây-giờ, đã có-thể nói là giúp cho nền y-học Tây-phương tiến vượt bậc. Bởi một lẽ khoa-học thực-nghiệm chỉ có-thể nhận thấy biến-chứng mà không đi sâu vào được sự sống của thần-kinh-hệ (dùng biện-pháp quang-tuyến không nhìn thấy; mỗi khi được mổ tìm đến giây thần-kinh là con bệnh đã chết — thì cố-nhiên thần-kinh cũng đã ngừng hoạt-động). Y-học Đông-phương có-lẽ cũng không nhìn thấy thần-kinh-hệ. Nhưng nhờ sự suy-luận nào, hay nhờ kinh-nghiệm từ bao-giờ, mà biết rằng cắm cây kim nhỏ như sợi tóc « vào sáu một ngón tay cái, ở một điểm thuộc phía ngoài ống chân phải, ở dưới đầu xương bánh-chè

3 lần đốt thứ 2 ngón tay trở của bệnh-nhân », cảm kim như thế có-thể chữa được 85 phần trăm bệnh sưng khúc ruột thừa (ruột chưa thủng) trong thời-gian từ 6 tiếng (nhANH NHẤT) đến 2 ngày (chẬM NHẤT).

Phép chữa bệnh sưng-khúc-ruột-thừa một cách rất đặc-biệt này đã được báo-cáo trước Viện Hàn-lâm Giải-phẫu của Pháp bởi giáo-sư B. Azerad — một giáo-sư chuyên về giải-phẫu có tiếng tăm trên đất Pháp. Giáo-sư Azerad cùng hai bạn đồng-nghiệp, giáo-sư J. Lefebvre và H. Le Brigand, cũng lại viết bài tường-thuật những điều mắt-thấy tai-nghe về một số thực-biện của các thầy thuốc Á-Đông. Uy-tín của các tác-giả không cho phép chúng ta hoài-ngĩ những điều nhận-định về chuyên-môn của họ : Hai nền y-học có thể phát-triển song-hành, ngoài cái lợi về xã-hội, cái lợi về kiến-thức cũng hết sức rõ-rệt.

Sự bỏ-khuyết lẫn cho nhau còn quan-trọng một cách rất đặc-biệt về sự tìm-kiếm được-liệu. Báo NEWSWEEK số 27 tháng 8 nhân nói về y-học Đông-phương, có nhắc lại rằng người Tàu ăn tụy-tạng lợn (có nhiều chất insuline) đỡ bệnh tiểu-đường, người Ấn-Độ biết từ ngàn xưa cây Serpentaria (có chất réserpine) chữa bệnh huyết-áp cao và cây Ephedria-Vulgaris (có chất éphédrine) chữa đỡ được bệnh suyễn. Đó là chưa kể đến các chất mới được dùng như mã-tiên, cam-thảo, phụ-tử, dương-quy v.v. Cuốn Dược-thư của người Tàu còn đề dành hàng ngàn vị thuốc cho công-cuộc nghiên-cứu của các nhà Bác-học.

V. — VẤN-ĐỀ Ở VIỆT-NAM.

Thật là một điều vô cùng đáng tiếc : một câu chuyện nhỏ, bị xé thành lớn, đã làm cho một vấn-đề rất lớn bị gạt ra ngoài lề quá sớm. Vấn-đề thảo-luận, mới đây ở Saigon, đã gây nên một sự hiểu-lầm lẫn nhau rất tai-hại. Tai-hại ở sự tức-giận gây ra cho cả đôi bên, trong một lãnh-vực có hệ-trọng đến sức khỏe và sinh-mạng của một số đồng-đồng-bào, đã khiến cho người ta quên vấn-đề khai-thác nền y-học Đông-phương cùng những nhà chuyên-môn trị-bệnh theo nền y-học đó.

Nội-dung không phải là vấn-đề danh-từ đã được đặt quá nặng. Bên này cũng như bên kia, vấn-đề thật là : Đông-y phải được xem như một di-sản quý-báu nhất cần phải được định-giá cho đúng và khai-thác, trau-đổi. Ở ngoài sự tranh-chấp, những ai quan-tâm đến nền y-học xứ-nhà đều thấy việc làm cần-thiết và cấp-bách hiện-tại là :

1. — Quy-pháp (codifier) nền Đông-y và ấn-định những nguyên-tắc rõ-rệt hơn cho sự đối-xử với những người hành-nghề Đông-y.

Điều này rất cần-thiết về phương diện xã-hội, để ổn-định tinh-thần và đời sống của 8 000 (tám nghìn) thầy thuốc đồng-y.

2. — Phục-hưng khoa-mục nền y-học Đông-phương.

VÀI TÂM - TRẠNG NGHỊCH-THƯỜNG

CỦA THANH-NIÊN TRƯỚC NHỮNG GIÁ-TRỊ XÃ-HỘI

DƯƠNG NHẬT-NHÂN

Mở đầu.

Làm sao thẩm-định được thế nào là bình-thường, nội-dung cùng lãnh-vực của nó, ngõ hầu biện-biệt với cảnh-giới và bàn về sự nghịch-thường trong tâm-trạng, mà bản-chất là biến-chuyển không ngừng, của thanh-niên, cái đã sống đang triển-diễn ở mức độ dũng-mãnh nhất ?

Lại nữa, ngoài những « khuôn mẫu » lỗi-thời được dung-dưỡng bởi những phần-tử lạc-hậu hay ngoan-cổ, hoặc còn tồn-tại nhờ lặn sâu vào tiềm-thức và tập quán dưới áp-lực thời-gian ; xã-hội liệu có thật đã tìm ra những tiêu-chuẩn ít bị hoài-nghi, phù-hợp với thời-đại — chứ không phải giai-đoạn — và khát-vọng mới để sắp xếp một bức thang giá-trị, khả-dĩ cho đa-số thanh-niên tuân-thuận ?

Những vấn-nạn tiên-khởi đó có vẻ phù-hợp với lý-trí, nhưng nếu chỉ căn-cứ vào những suy-luận trừu-tượng thì không có lời giải-đáp thỏa-đáng trước những quan-niệm nhân-sinh, vốn thay đổi theo sự giáo-dục, hoàn-cảnh và thái-độ chủ-quan của mỗi người.

Ở đất đứng này, một tâm-trạng, hành-vi được coi là bình-thường nhưng nhìn từ biên-vực kia, dưới một lăng-kính khác, nó trở nên nghịch-thường và ngược lại. Giá-trị cũng vậy, không có một phân-mẫu chung để cân-phân đầu là hơn kém một cách tuyệt đối.

Thêm vào đó, sự huyền-hoặc của ngữ-tự có thể gây những mặc-cảm luân-lý làm sai hướng nhận-định vì phạm-từ « thường, nghịch-thường » trong nhiều trường-hợp khác nhau, hàm-ngụ sự tốt, xấu, nên hay không nên ; và hình-dung-từ « thang giá trị » gợi ý-niệm cao, thấp, đáng hay không đáng mong ước.

Thực ra, không hẳn thế. Tốt xấu, cao thấp chỉ là những hư-số, những sự mệnh-danh chưa bao giờ thực có hằng-cửu, tuy rằng nó có thực, xuất-phát như một đòi hỏi của tổ-chức, cố gán ép vào mỗi cơ-chế dù sao cũng khó tránh ít nhiều giả-tạo nhưng tiện-lợi cho một đa-số (hay thiểu số ?) nào đó.

Như vậy, thực-tế và giai-đoạn nạp-kết giá-trị rồi thời-gian làm giá-trị ấy chuyển-biến đi, tiếp đó lại phân-tán trên tấm gương xã-hội, phản-hướng lên nhân-tâm. Ở đây thấp-thoảng những mảnh sáng chói-chang và cũng ở đây vẫn đục những đám sương mù dày đặc.

Thanh-niên, trước ngưỡng cửa cuộc thế, lý-tưởng còn nguyên- vẹn, tình-cảm tràn đầy trong cái tư-duy đang-dỏ, xao-xuyến với bản-thân và thiết-tha với đời sống liệu tìm gặp được gì khi soi mình trước tấm gương phân-tán kia, những ước-mong của họ được làm sáng lên hay sẽ bị lu-mờ, tan lạc trong sương mù ?

Khởi đầu bằng một cảm-tưởng bỡ-ngỡ vì những giao-động tự-qui, vừa bắt gặp lý-tưởng — những hình-tượng tận-thiên, tận-mỹ — trong mỗi khoảng-khắc của tâm-thức, vừa mơ-hồ cảm biết thực-tế không sao ứng-hợp với mỗi khoảng-khắc ấy. Tuy họ chưa có kinh-nghiệm trực-tiếp về bản-thân và cuộc đời, nhưng sức mạnh và sự hăng say tuổi trẻ vẫn thúc-đẩy ý-hướng vượt cái thường-tại mà áp-ủ những hoài-bảo to lớn trong dự-phóng tương-lai. Vượt cái thường-tại là một cố-gắng nội-tâm rất trung-thực để tiến tới một cái gì cao đẹp hơn, và hoài-bảo là một sinh-lực hữu-hậu của thanh-niên chứ không phải là kết-quả của tri-thức vốn bị các bậc đàn anh coi là non nớt vẩn-vơ, mù-quáng. Đó là niềm tin-tưởng, mối cảm-xúc, sống động theo dòng tâm-linh chảy xiết, đối-lập với những phân-tách, suy-luận theo một chiều hướng cố-định đã được vạch sẵn.

Thế, rồi, đáp lời mời gọi của giá-trị, một giá-trị tiên-niệm, tạo dựng trong một khuôn danh-lý hạn hẹp, đóng khung trong một quan-điểm thời-thượng, họ tham-dự vào tập-thể, có cơ-hội và bắt-buộc phải thử-thách, so chiếu những điều mình tưởng và những điều có thực thì sự lữ-trương cách-biệt mới rõ-ràng, thấm-thía. Chưa và không « phản-tỉnh » ngay được, khó cảm-thông với tha-nhân, — là những chó sói của người ? khó hòa-diệu với cộng-đồng, — cái cộng-đồng nghiệt-ngã ? họ cô-đơn với chính mình, ý-hướng dường như bị băng-hoại, hoài-vọng thành hoang-ảo, chợt hiện rồi vụt tan như bọt nổi và lý-tưởng phải chăng là huyền-mộng.

Tình-trạng ấy dễ đưa đến sự « nghịch-thường » với những phản- ứng ngược hẳn lại những toan-tính của xã-hội nhưng có lẽ rất bình-thường về phương-diện tâm-lý.

VÀI TÂM-TRẠNG NGHỊCH-THƯỜNG CỦA THANH-NIÊN TRƯỚC NHỮNG GIÁ-TRỊ XÃ-HỘI

DƯƠNG NHẬT-NHÂN

Mở đầu.

Làm sao thâm-định được thế nào là bình-thường, nội-dung cùng lãnh-vực của nó, ngõ hầu biệ-n-biệt với cảnh-giới và bàn về sự nghịch-thường trong tâm-trạng, mà bản-chất là biế-n-chuyển không ngừng, của thanh-niên, cái đà sống đang triề-n-diễn ở mức độ dũ-ng-mãnh nhất ?

Lại nữa, ngoài những « khuôn mẫu » lỗi-thời được dung-dưỡng bởi những phần-tử lạc-hậu hay ngoan-cổ, hoặc còn tồn-tại nhờ lặn sâu vào tiềm-thức và tập quán dưới áp-lực thời-gian ; xã-hội liệu có thật đã tìm ra những tiêu-chuẩn ít bị hoài-nghi, phù-hợp với thời-đại — chứ không phải giai-đoạn — và khát-vọng mới để sắp xếp một bậc thang giá-trị, khả-dĩ cho đa-số thanh-niên tuân-thuận ?

Những vấn-nạn tiên-khởi đó có vẻ phù-hợp với lý-trí, nhưng nếu chỉ căn-cứ vào những suy-luận trừu-tượng thì không có lời giải-đáp thỏa-đáng trước những quan-niệm nhân-sinh, vốn thay đổi theo sự giáo-dục, hoàn-cảnh và thái-độ chủ-quan của mỗi người.

Ở đất đứng này, một tâm-trạng, hành-vi được coi là bình-thường nhưng nhìn từ biên-vực kia, dưới một lăng-kính khác, nó trở nên nghịch-thường và ngược lại. Giá-trị cũng vậy, không có một phan-mẫu chung để cân-phân đầu là hơn kém một cách tuyệt đối.

Thêm vào đó, sự huyền-hoặc của ngữ-tự có thể gây những mặc-cảm luân-lý làm sai hướng nhận-định vì phạm-từ « thường, nghịch-thường » trong nhiều trường-hợp khác nhau, hàm-ngụ sự tốt, xấu, nên hay không nên ; và hình-dung-từ « thang giá trị » gợi ý-niệm cao, thấp, đáng hay không đáng mong ước.

Thực ra, không hẳn thế. Tốt xấu, cao thấp chỉ là những hư-số, những sự mệnh-danh chưa bao giờ thực có hằng-cửu, tuy rằng nó có thực, xuất-phát như một đòi hỏi của tổ-chức, cố gán ép vào mỗi cơ-chế dù sao cũng khó tránh ít nhiều giả-tạo nhưng tiện-lợi cho một đa-số (hay thiểu số ?) nào đó.

Như vậy, thực-tế và giai-đoạn nạp-kết giá-trị rồi thời-gian làm giá-trị ấy chuyển-biến đi, tiếp đó lại phân-tán trên tấm gương xã-hội phản-hưởng lên nhân-tâm. Ở đây thấp-thoảng những mảnh sáng chói-chang và cũng ở đây vẫn đục những đám sương mù dày đặc.

Thanh-niên, trước ngưỡng cửa cuộc thế, lý-tưởng còn nguyên- vẹn, tình-cảm tràn đầy trong cái tư-duy đang-dỏ, xao-xuyến với bản-thân và thiết-tha với đời sống liệu tìm gặp được gì khi soi mình trước tấm gương phân-tán kia, những ước-mong của họ được làm sáng lên hay sẽ bị lu-mờ, tan lạc trong sương mù ?

Khởi đầu bằng một cảm-tưởng bỡ-ngỡ vì những giao-động tự-quí, vừa bắt gặp lý-tưởng — những hình-tượng tận-thiên, tận-mỹ — trong mỗi khoảng-khắc của tâm-thức, vừa mơ-hồ cảm biết thực-tế không sao ứng-hợp với mỗi khoảng-khắc ấy. Tuy họ chưa có kinh-nghiệm trực-tiếp về bản-thân và cuộc đời, nhưng sức mạnh và sự hăng say tuổi trẻ vẫn thúc-dẩy ý-hướng vượt cái thường-tại mà áp-ủ những hoài-bảo to lớn trong dự-phóng tương-lai. Vượt cái thường-tại là một cố-gắng nội-tâm rất trung-thực để tiến tới một cái gì cao đẹp hơn, và hoài-bảo là một sinh-lực hồn-hậu của thanh-niên chứ không phải là kết-quả của tri-thức vốn bị các bậc đàn anh coi là non nớt vẩn-vơ, mù-quáng. Đó là niềm tin-tưởng, mối cảm-xúc, sống động theo dòng tâm-linh chảy xiết, đối-lập với những phân-tách, suy-luận theo một chiều hướng cố-định đã được vạch sẵn.

Thế, rồi, đáp lời mời gọi của giá-trị, một giá-trị tiên-niệm, tạo dựng trong một khuôn danh-lý hạn hẹp, đóng khung trong một quan-điểm thời-thượng, họ tham-dự vào tập-thể, có cơ-hội và bắt-buộc phải thử-thách, so chiếu những điều mình tưởng và những điều có thực thì sự lữ-trương cách-biệt mới rõ-ràng, thấm-thía. Chưa và không « phản-tĩnh » ngay được, khó cảm-thông với tha-nhân, — là những chó sói của người ? khó hòa-điệu với cộng-đồng, — cái cộng-đồng nghiệt-ngã ? họ cô-đơn với chính mình, ý-hướng dường như bị băng-hoại, hoài-vọng thành hoang-ảo, chợt hiện rồi vụt tan như bọt nổi và lý-tưởng phách chằng là huyền-mộng.

Tình-trạng ấy đề đưa đến sự « nghịch-thường » với những phản- ứng ngược hẳn lại những toan-tính của xã-hội nhưng có lẽ rất bình-thường về phương-diện tâm-lý.

Người nói đã khô cổ, người nghe cũng đã nhàm tai và âm-thanh cũng đã tan vào hơi gió, không đủ gây một niềm xao-xuyến như tác-dụng của tiếng còi phòng-thủ thụ-động thuở nào chiến-tranh ! Hôm nay phải khơi lại vấn-đề, kẻ viết không tránh khỏi ngại-ngùng. Đặt vấn-đề để khảo-sát một cách tỉ-mỉ và khoa-học như khi nghiên-cứu bất-cứ một hiện-tượng xã-hội nào thì xin nhận là chưa đủ phương-tiện và chưa có *hoàn-cảnh*, mà chỉ đem những kinh-nghiệm, những nhận-xét riêng tư ra trình-bày một cách vu-vơ thì lại e không khỏi mang tiếng là ăn móc nói mò.

Sau nữa, vấn-đề tự nó đã mang đủ tính-chất « động chạm » mà sự thật thì lại hay mất lòng !

Song trông nghĩ, tuổi trẻ không có quyền suy hơn tính thiệt nên cũng đành lấy hết can đảm mà xin góp một lời.

*
* *

Còn nhớ, trước đây ít lâu, trong một bài bình-luận về vấn-đề thanh-niên, đài phát-thanh Sài-gòn đã truyền đi nhận-xét đại-khái như sau : « Nền giáo-dục ngày nay đã tạo ra lớp thanh-niên khinh người trước và ngò-vực người sau ».

Chưa vội phê-bình nhận-xét này, chúng ta hãy trở về với những tiếng nói đề-cập tới vấn-đề thanh-niên, sinh-viên từ ít lâu nay. Ta thấy dù người nói thuộc thành-phần nào, dù tiếng nói thẳng-thắn hay có dụng-ý nào, và dù là thái-độ vô-tư hay có tính-cách moi-móc, đồ vấy trách-nhiệm thì hầu hết đã đồng-ý ở một điểm : sự hoang-mang, mất tin-tưởng của thanh-niên hôm nay.

Đem so-sánh hai sự-kiện vừa ghi nhận ta thấy rằng cái trước chỉ là hậu-quả tất-nhiên của cái sau. Nhưng không phải chỉ có thế.

Sự mất tin-tưởng còn đưa tới nhiều hậu-quả vô cùng phức-tạp mà những người lạc-quan nhất cũng không khỏi có đôi chút xao-xuyến khi nghĩ tới. Không đối người, không đối mình, ta phải thẳng-thắn mà nhận rằng nhận-xét đã nêu ở trên không phải là thiếu xác-đáng.

Nhưng, đối với người trước và người sau đã như vậy còn đối với người đồng lứa thì sao ? Ta có thể ghi thêm : coi rõ !

Bất-cứ ai cũng có thể hiểu rằng thanh-niên là tuổi hăng-hái, nồng-nhiệt, say-mê lý-tưởng, khát-khao một thần-tượng, thèm muốn sự cảm-thông. Vậy mà phải có thái-độ trên thì ta có thể tưởng-tượng là họ đã trải qua một tâm-trạng bi-thảm đến mực nào ?

Với nguyên-vẹn tấm-lòng trong sạch, với cái nhìn tràn-trề hy-vọng về cuộc đời, người thanh-niên bắt đầu ra ngoài khung cảnh gia-đình và học đường để rơi vào thực-tế, nhất là thử thực-tế phũ-phàng, thì xúc-động nhất-định phải vô cùng mạnh-mẽ !

Va-chạm với cuộc sống, đối đầu với bao nhiêu vấn-đề thực-tại với tham-vọng lấp biển vá trời, người thanh niên thấy bừng lên trong huyết-quản một niềm công-phấn, một nỗi đau xót, và với bàn tay sạch sẽ của mình, họ muốn san bằng mọi bất-công, tiêu-diệt khổ-ải, muốn đưa đồng-loại tới thiên-đường ! Nhưng, chỉ lớn tài sớ ! Người thanh-niên thấy rằng mình lúng-túng, không tìm được lối thoát. Họ tự cảm thấy bất-lực trước thực-tại mà họ cho là bất hoàn-hảo.

Họ muốn có một chỗ để cầu-cứu. Và đã rất tự-nhiên, họ quay về nhìn huynh-trưởng của mình. Song họ đã thấy gì ?

Chúng ta hãy để ý đến người thanh-niên Việt-Nam hôm nay. Luân-lý đã dạy họ biết bao nhiêu nguyên-tắc cần-bản vô cùng đẹp-đẽ : tự-do, bình-đẳng v.v. . . Mà họ vô cùng say-mê. Khoa-học đã dạy họ những hiểu biết mà tư-tưởng vốn vô cùng phong-phú của tuổi trẻ cũng chưa hề đạt tới. Họ tin-tưởng và sung-sướng trước những tiến-bộ của nhân-loại.

Nhưng khi rơi vào thực-tế, họ ngỡ-ngàng trước những sự thực trần trụi. Trước giai-đoạn này họ cũng đã từng nghe nói tới thực-tế phũ-phàng nhưng chưa bao giờ họ nghĩ rằng nó có thể phũ phàng đến như vậy. Trước hoàn-cảnh, họ thấy cần phải hành-động và tất nhiên là theo chiều hướng lý-tưởng mà họ cho là đẹp đẽ nhất. Nhưng thực-tế đã đập vào mặt họ phũ-phàng đến mức có lúc họ tự hỏi : phải chăng muốn sống thì phải rũ bỏ lý-tưởng ? Họ bắt đầu nghi-ngờ những điều đã học được. « Uy vũ bất-năng-khuất » là cái gì mới được chứ ? Họ bắt đầu khinh bạc, nhìn khi tiết của cổ nhân như một thái-độ « quân-tử tâu » khờ-khạo.

Trở về với cái thực tại gần gũi nhất là nếp sinh-hoạt thường nhật, người thanh-niên không khỏi đau lòng khi thấy giữa thời-đại hỏa-tiến, vệ-tinh mà anh em mình vẫn è cổ kéo cày thay trâu và tất cả nguyện vọng của kiếp người dường như vẫn chưa vượt qua lời cầu khẩn :

« Lay trời mưa xuống

.....

Lấy đây bát cơm » !

Rồi trước kinh-nghiệm lịch-sử họ cũng không khỏi bùi ngùi xót xa thấy máu của cha, anh đổ xuống đã nhiều mà kết-quả thì vô cùng chua chát.

Nhìn ra nước ngoài, những tấm gương Nhật-Bản, Đức-Quốc buộc họ phải băn khoăn.

Chỉ mới động-chạm một vài vấn-đề nhỏ bé như vậy thôi họ đã thấy bầy ra trước mắt mình cả một trời công việc phải làm. Với tấm lòng nhiệt-thành, họ không ngại mang tiếng là diếc không sợ súng, họ cũng loay-hoay cời nút. Nhưng rồi dù với lòng tự tin mãnh-liệt họ cũng cảm thấy chết đuối trong vấn đề. Họ thấy cần được dìu dắt. Họ trông đợi ở đàn anh.

Đó mới chỉ là một trường-hợp. Còn những trường-hợp khác người thanh-niên thấy bối rối trước sắc màu cuồng-loạn của thời-đại, bơ vơ giữa rừng-rậm của cuộc đời, họ cũng thành-khẩn mong mỗi có một ánh đuốc soi đường. Và tất nhiên họ cũng hướng về phía trước.

Nhưng nghe ngóng hoài công. Tất cả vẫn lặng thinh ! Nóng ruột, họ đôn đáo tìm tới đề rồi ngã ngửa ! Họ chẳng thấy được gì hơn hay có thấy thì lại là những điều làm tăng thêm bối rối hoặc càng thêm bơ vơ. Chúng ta hãy đề ý tới cái khung cảnh gần gũi nhất là gia-đình. Ta thấy rằng đã là huynh-trưởng ai chẳng thương yêu con em. Song chính vì vậy mà hầu như người ta chỉ sợ con em mình phải chịu thiệt-thòi. Với kinh-nghiệm thực-tế, người ta thấy cần phải hướng dẫn con em theo chiều hướng lợi-lộc nhất. Ai chẳng muốn con em mình sung-sướng, an nhàn ?

Nền giáo-dục gia-đình vì vậy đã nặng tính-chất ích-kỷ. Chúng ta không phủ-nhận là vẫn có những gia-đình có một nền giáo-dục rất sáng-suốt, song phải nhận rằng những trường-hợp này khá-hiếm.

Giáo-dục con em như vậy các vị huynh-trưởng đã quên mất một điều quan-trọng là cái tâm-trạng đặc-biệt của thanh-niên. Đang ở trong thời kỳ mà lý-tưởng còn nguyên vẹn, người thanh-niên rất dễ khinh-thường lợi-lộc, thù ghét lòng ích-kỷ. Bởi vậy họ không thể thông cảm với các vị huynh-trưởng vốn đã va chạm nhiều và thực-tế hơn. Do đó họ cũng dễ nghi ngờ lòng khâm-phục xưa rày của mình đối với các huynh-trưởng.

Có thể chỉ vì tự ái họ đã đặt câu hỏi : Tại sao mọi người chỉ thích mình sống theo lẽ lối tầm thường ? Tại sao ai cũng chỉ muốn mình trở thành một loài lợn béo ? Tâm hồn các huynh-trưởng của mình cũng chỉ « cao đẹp » có ngần ấy thôi sao ? Biết bao nhiêu câu hỏi tương tự đã nảy ra trong trí ? không ai đáp lại thắc mắc của họ mà nhiều khi còn tỏ một thái-độ nghiệt-ngã rất thiếu hiểu biết. Niềm cảm thông dường như đứt đoạn !

Ngoài xã-hội họ cũng không tìm được nguồn an-ủi nào hơn. Trước những « mức thang giá trị » của thời-đại họ thấy mình lạc lõng hay hơn nữa bị dè bấu. Họ phản ứng lại bằng cách khinh rẻ mọi giá trị. Từ đó nảy sinh một mặc cảm tự tôn.

Sau hết còn một chỗ mà họ tin-tưởng nhất và chắc có thể bậm víu được. Đó là các bậc thầy. Nhưng nhiều khi cũng chỉ là một đám bọt ! Mỗi năm một tuổi, trí óc người thanh-niên mỗi ngày một đòi hỏi được thỏa mãn hơn. Nhưng họ đã chỉ được đáp lại bằng những hiểu biết dùng để dạy họ từ thuở còn học sơ-dã ! Những điều đó đã được nhai đi nhai lại đến phát ngấy và dường như đã chết cứng như một xác ướp giữa cuộc đời luôn luôn đổi mới.

Một đôi lúc họ thắc-mắc và muốn tìm hiểu về những vấn-đề chính của dân-tộc mình. Họ cảm thấy chưa chát khi thấy người ta chỉ khur khur ôm lấy bốn ngàn năm văn-hiến với bộ mặt tự mãn đôn-độn để vô tình biến thành một thứ đười ươi giữ ống. Trong khi nhìn vào cái tối mò của bốn, năm ngàn năm đó chỉ thấy một vài đốm lửa lập-loè của những khách phương xa. Tuy họ vẫn phải mừng rỡ chạy theo các đốm lửa đó nhưng cũng không nên được một niềm tử hờ, một chút bực-bội với chính mình, với anh em mình, với cha chú mình. Họ cảm thấy cứ như thế này thì mãi mãi mình vẫn chỉ là một kẻ chạy theo, chạy đến đồ đom-đóm mắt cũng vẫn lẻo-đẻo theo sau thiên hạ. Tự ái bị xúc phạm. Họ lại đi tìm nguyên-cớ để mà quy trách.

Chẳng phải họ không biết rằng sức người có hạn; chẳng phải họ không nghĩ tới những khó-khăn, tủ nhục của cha, anh. Song thực-tế trước mắt đã buộc họ phải nghĩ rằng huynh - trưởng của mình chưa đủ cố-găng.

Không thỏa mãn ở phương-diện này, người thanh-niên sẽ nhìn sang một phương-diện khác để mong tìm thấy một điểm nào có thể làm dịu lòng khao khát tôn-kính của họ: một nhân cách đẹp-để chẳng hạn.

Không đếm xỉa đến những kẻ vẫn luôn luôn tự vỗ ngực là sĩ-phu, là trí-thức mà đốt đuốc bảy ngày cũng không tìm thấy một chút nho phong, sĩ khí; người thanh-niên có một lúc cũng thấy ngỡ-ngàng trước thái-độ của các bậc thầy.

Đành rằng các bậc thầy cũng chỉ là những con người với tất cả cái cao cả và thấp hèn của nó. Nhưng người thanh-niên không thể chấp nhận ở những người này một thái-độ quá tầm-thường hay ấu trĩ không kém họ.

Có một lúc người thanh-niên đã phải ngậm ngùi cùng với Tản-Đà :

« Nước bốn ngàn năm vẫn trẻ con » !

Có người sẽ cho những ý-kiến trên đây là quá khích v.v... Đó là quyền của mỗi người.

Người viết chỉ xin một ân huệ là được miễn nói lên các thí-dụ cụ-thể vì chỉ nghĩ tới cũng đã đủ đau lòng ! Cũng xin xác-định là không bao giờ kẻ viết có ý vu đũa cả nắm vì với lòng tin-tưởng của tuổi trẻ vào những cái cao đẹp của cuộc đời, chúng tôi nghĩ rằng trong các vị huynh-trưởng của mình không thiếu gì những người đáng tôn-thờ mà lớp thanh-niên hôm nay đã không có điểm-phúc được gặp. Nếu quả thực như lòng tin-tưởng của chúng tôi thì người thanh-niên cũng không khỏi bàng-khuâng, thắc-mắc trước thái-độ khiêm nhường đến mực không để ai biết tới sự hiện-diện của mình ấy.

Tuy rằng trên đây mới chỉ nêu lên một vài nhận-xét rất hơi hợt, một vài khía-cạnh vô cùng đơn-giản song cũng xin ngừng lại để trọn lòng tôn-kính người trước.

Như trên đã trình-bày, giữa lớp thanh-niên hôm nay và lớp người đi trước, nhịp cầu cảm thông đã mong manh lại càng thêm nứt rạn.

Người thanh-niên trong lúc không biết bám víu vào đâu thì nhớ tới lời dạy người xưa : « hãy đốt đuốc lấy mà đi ». Họ đành trở về mò mẫm một mình.

Yếu đuối và cô độc, họ thấy cần bạn đường. Song nhìn sang những kẻ đồng hành, tất cả đều lăm lũi, khép kín ! Người thanh-niên vẫn luôn luôn trở về với bạn bè mình. Song có nhiều lúc họ cảm thấy chua chát vì bạn bè thì nhiều và đủ loại mà hình như vẫn vô cùng cô độc. *Nhiều khi chính lớp người này cứ thấy mỗi ngày một xa nhau hơn.* Cũng có những trường-hợp họ bất chợt gặp nhau. Đó là những lúc sung-sướng nhất. Điều đó đủ tỏ người thanh-niên khao khát được thông cảm đến thế nào.

Chúng ta tự hỏi, cùng một hoàn-cảnh, cùng một thể-hệ, cùng chung một niềm đau đớn lẽ ra những người thanh-niên phải dễ cảm-thông với nhau lắm chứ ? Xin thưa : điều đó rất hợp lý-luận song thực-tế phức tạp vô cùng.

Điều làm cho lớp người này đau đớn hơn nữa là khi ý-thức về tình-trạng thực-tế của chính mình.

Đám thanh-niên tuy đông đảo và phức tạp song đại khái có thể chia làm ba loại, theo hoàn-cảnh sinh sống của họ.

Một loại nhờ hoàn-cảnh gia-đình khá giả, có một đời sống vật-chất khá sung-túc. Những người thuộc loại này có những phương-tiện dễ-dàng để kiến-tạo tri-thức. Họ có đủ thì giờ để học hỏi, có hoàn-cảnh thuận-tiện để làm việc. Nói chung, có đủ phương-tiện để hoàn-bị kiến-thức.

Đó là nói về hoàn-cảnh để thành-công. Nhưng còn chính loại người này ra sao ? Trong thực-tế người ta thấy có thể có những trường-hợp sau này :

Người thanh-niên trong hoàn-cảnh vừa nói đã biết lợi-dụng điểm thuận-tiện ấy để kiến-tạo đời sống của mình. Có những người đã ý-thức được trách-nhiệm của mình, cố-gắng học-hỏi mong sau này có thể phụng-sự dân-tộc

Song số này hiếm hoi quá vì xin thú-thực là chính kẻ viết không dám chắc là mình đã gặp được ai chưa hay chỉ là tưởng tượng ra để cho nó đẹp. Nếu quả vậy thì xin thành thực trông đợi lòng đại lượng của người đọc vì người viết yêu đời quá nên muốn rằng cái gì cũng đẹp. Nhưng muốn là một chuyện, người viết cũng không thể dối người, dối mình. Vậy xin nói tiếp những điều trông thấy.

Một số người khác, khá đông, thì lại vì hoàn-cảnh, sống quá ngăn cách với tập-thể là cái đoàn-thể đã sản-sinh ra cha mẹ họ. Có thể họ

cũng có nghe nói tới dân-tộc họ nghèo khổ. Song cái biết nếu có thì cũng mơ hồ, không để lại trong lòng một ấn-tượng nào.

Nếu có lần nào đi tắm biển hay đi nghỉ mát Dalat chẳng hạn mà họ phải qua những ruộng đồng với những nông-dân khom lưng cuốc đất dưới nắng hay thấy những-ghe chài mong manh với những ngư-phủ đen như củ súng gục đầu vá lúi thì những cảnh đó cũng chỉ là một đề-tài để họ ghi vào ống kính làm kỷ-niệm hoặc để gửi cho mấy cô, mấy cậu bạn người Mỹ, người Pháp v.v... để khoe cảnh đẹp quê-hương! Hoặc nếu có một niềm xúc-động thì cũng chỉ là cái loại *lòng trắc ẩn* rất *trịch-thượng* như khi trông thấy kẻ ăn mày đi qua cửa xin ăn. Và niềm xúc-động ấy quả thực có bùng lên thì cũng như lớp bụi cuốn theo bánh xe hơi của họ rồi chụp xuống nón người phu làm đường!

Trình bày như vậy để có thể hiểu rằng ngoài công việc ăn chơi cho đúng thời trang, ngoài công việc sống cho kịp đà các nước tân tiến bằng cách tổ-chức những hội (club) để phổ biến nền văn-hóa « tiến bộ » nhất của nhân-loại là rock, là twist... là những cuốn tiểu thuyết « hiện sinh » mà họ chỉ cần biết tới những động tác và không hiểu hay không cần hiểu tới ý nghĩa bên trong. Họ cũng có đi học. Đi học để được tiếng là tri-thức. Đi học để tiếp nối cái hy-vọng mà người ta gọi là « ăn trên ngồi chốc ». Bởi vậy người ta không lấy làm lạ khi thấy những trường hợp chỉ cần học để lấy bằng. Cốt sao đồ được cử-nhân, tiến-sĩ là đủ! Mía mai hơn nữa là chính một trong những nghề cần có thực tài, cần có học-hành kỹ-lưỡng vì nguy hiểm ngay đến mạng sống người khác là nghề thuốc người ta cũng thấy những trường-hợp, mong rằng rất ít, chỉ cốt sao đồ được bằng bác sĩ y khoa cho có vẻ sang trọng!

Lối sống ngăn cách đó nếu cần một chừng cỡ thì chỉ xin mời đến sân mấy trường Đại-học.

Vốn chủ-trương yêu hết mọi tinh-hoa, và cũng không muốn nhắc tới một chuyện quá cũ là *cái tình-thần nó-lệ ngấm trong máu của một thiểu số người Việt-Nam* từ bao giờ đến nay song cũng phải nhắc tới một sự thực tuy mang nhiều tính cách di truyền song cũng mang nhiều tính chất mới mẻ.

Xin hãy bớt chút tò mò lắng nghe những thanh-niên thiếu nữ gặp nhau tay bắt mặt mừng đang chuyện trò hớn-hở. Người ta tự hỏi: Đại học Việt Nam có nhiều sinh-viên Trung-Hoa, Thái Lan, Cambodge du-học thế sao? Thưa không! Tuy cũng đa vàng mũi tẹt phụng không phải! Những người này đều mang chút « máu Indonésien » trong người cả đấy! — Nghĩa là...? — Vàng, chính là người Việt chúng tôi, song vì tiếng Việt « thô sơ hủ-hậu » nên người ta phải nhờ ngôn ngữ khác để trò chuyện vậy thôi!

Đề khỏi bị ngộ nhận là kể chuyện cổ tích, xin xác định: chúng tôi đang sống ở Việt Nam Cộng Hòa năm 1962. Một thí dụ nhỏ đó cũng

đã cho ta thấy ở đây vô số mặc cảm. Và người ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy nhịp cầu thông cảm giữa mọi người thật là khó bắc. Người ta cũng không còn khó hiểu khi thấy những người có thể gọi là trí thức chỉ là một bọn người bị « lấp óc » suốt đời chỉ biết tư tưởng nhờ mượn. Những gì họ học được quả thực chỉ là một món thức ăn, không tiêu, nhiều khi chỉ làm đau bụng!

Ngoài ra người ta cũng cảm thấy tiếc rẻ khi nghĩ tới những thanh-niên có đủ hoàn cảnh như trên đây mà *lãng phí tuổi hoa trong những trò du hí đủ loại*. Đối với họ, khoái lạc là cùng đích của đời sống hay đúng hơn chẳng bao giờ họ cần thắc mắc về cuộc sống. Nhưng hãy xin để loại người này ở đây để đề sang một loại khác, kéo cứ đi lan man mãi chẳng bao giờ dừng lại được.

Một loại khác thì lại ở một hoàn-cảnh trái ngược không mấy thuận-tiện cho việc học hỏi. Những người này mất quá nhiều thì giờ và sức lực để mưu-sinh.

Chúng tôi có được nghe nói tới tài liệu của một hội-nghị giáo-dục quốc-tế cho biết mức sinh-hoạt của học-sinh, sinh-viên Việt-Nam tương-đối là cao so với một vài nước ở Đông-Nam-Á. Không có được tài-liệu về các nước ngoài nên không được rõ, nhưng có thể chắc rằng loại người mà chúng tôi muốn đề-cập tới đây sống khá chật-vật. Người ta có thể nhìn thấy nghị-lực của những thanh-niên này khi đi vào các xóm « lao-động » tìm tới những căn nhà nhỏ như bao diêm, chen chúc nhau, mái tôn gay-gắt dưới nắng Sài-gòn hay mái tranh âm thấp, bùn ngập ngựa tới cửa vào vụ mưa.

Chủ-đích của bài này không phải là tìm hiểu căn-kế nếp sinh-hoạt của các thanh-niên học-sinh, sinh-viên nên chỉ xin nêu lên một vài nét điển hình như vậy để có một ý-niệm. Chúng ta thấy rằng loại thanh-niên này có được cái « may mắn » là sống trong một hoàn-cảnh như vậy nên rất dễ cảm-thông với tập-thể. Đã có một lúc họ thấy chưa-chất khi nghĩ về thân phận mình. Họ đã đối đầu với những vấn-đề tầm thường nhưng lại gay gắt nhất : cơm áo ! Kinh-nghiệm đã dạy họ nhìn và hiểu được phần nào dân-tộc mình và từ đó nảy sinh những hoài-bão. Nhưng, như đã nói, họ thiếu mọi phương-tiện. Thực-tế gay gắt nhiều khi đã bắt họ không có quyền chọn lựa. Đôi lần họ đã phải đau đớn mà khước từ nhiều thứ, kể cả những thứ mà họ mê-say nhất.

Chúng tôi phải nhận rằng có những cá-nhân đầy nghị-lực, khắc-phục được hoàn-cảnh để thực hiện lý-tưởng. Những người này quả đáng để ta hy-vọng. Nhưng sự thành-công không chắc chắn lắm vì kiệt sức nửa đường, có khi họ gục ngã, có khi họ phải bỏ cuộc.

Ngoài ra còn đa số, thì vì cái kinh-nghiệm thực-tế chưa chất nên chỉ mong mỗi làm sao thoát được tình-trạng hiện tại. Và họ đã nghĩ tới mảnh bằng làm phương-tiện giải quyết. *Cái học tự nó đã mất ý-nghĩa đi rồi !* Khi có được rồi thì lại phải cố-gắng thì vào một

trường chuyên môn nào, kiếm một việc nào để có một địa vị chắc chắn. Chỉ nhằm có thể, khi đạt được họ coi là đã đủ. Rùng mình khi nghĩ lại hoàn-cảnh vừa trải qua, họ hưởng-thụ cho hồ lúc « phong trần » !

Tất nhiên là nếu còn hơi sức để nghĩ tới chuyện tiến-thủ thì có lẽ cũng chỉ là sự thăng tiến về địa-vị, về lợi-lộc... Nhiều người ban đầu cũng có hoài-bảo này nọ song bây giờ hoàn cảnh cho phép lười biếng nên cũng để nghĩ rằng hơi đâu mà hành hạ thân xác mình cho khổ.

Rồi những kẻ thành-công thì trở nên một lớp người hành tiến. Còn những kẻ không may mắn mà thất bại mãi thì mất dần lòng tự tin hoặc ngụp lặn trong niềm bất mãn.

Ở loại người này cũng không phải là thiếu mặc cảm. Cũng cùng hoàn-cảnh này có người thấy một mặc cảm tự ti đối với bạn bè song có khi lại là một mặc cảm tự tôn. Người thanh-niên này cảm thấy là mình đã từng trải, đã nếm nhiều cay đắng nên dễ coi những kẻ không có hoàn-cảnh giống mình là trẻ con.

Ở tình-trạng như vậy sự thông-cảm cũng khó có thể thiết-lập được giữa lớp thanh-niên.

Đã nhìn sơ-lược hai đầu, bây giờ chúng ta trở về đoạn giữa. Đây là những người có một hoàn cảnh trung bình, không quá khó-khăn cũng không quá dễ-dãi.

Dù không có ý chủ-trương Trung-dung hay như gần đây, người ta đã quan-niệm về một giai-cấp trung-lưu song phải nhận rằng những người này được cái may là ở trong một hoàn-cảnh dễ cảm-thông với đa số và tương-đối có điều-kiện để tiến bộ.

Tuy nhiên trường-hợp này cũng không phải là đơn-giản. Có những người đã một vài lần chạm trán với những vấn-đề thực-tế khiến họ ý thức được trách-nhiệm của mình, ý-thức được sự thiếu sót của mình. Không bị thực-tế chà-sát quá đáng, họ còn đủ sức-lực để hoạt-động, cũng không quá cách xa thực-tế để đến nỗi mơ màng như sống ở cung trăng. Khi đã ý-thức, với một phương-tiện tuy không quá dễ dãi để có thể sa-ngã song cũng tạm đủ để làm việc hay hơi khó khăn một chút để có thể nảy nở sáng-kiến và thúc đẩy cố-gắng, người thanh-niên đã có đủ may mắn để làm được những việc đáng kể. Tuy nhiên trường hợp vừa kể cũng mang nhiều-tính-cách lý-tưởng. Trong thực-tế người ta thấy rằng cái trường-hợp « trung-dung » này cũng không làm người ta lạc-quan bao nhiêu.

Người ta nhận thấy rằng về nhân số thì thành phần này rất đáng kể trong tập thể học-sinh, sinh-viên. Ở trong một hoàn cảnh trung bình, người ta được tiếp xúc với những tiện nghi, những lạc thú vv., nói chung, họ được nếm những « thực-phẩm » vô cùng cám dỗ nhưng không được thỏa-mãn — Những thềm thường cứ chồng chất mãi và họ luôn luôn ở trong một trạng thái « ảm-ức » lúc nào cũng hướng về sự đòi hỏi

được thỏa mãn. Vì không đủ điều kiện, họ phải dồn cả năng-lực vào cuộc tìm kiếm không đáng khích lệ đó.

Người ta thấy vô số thanh-niên chỉ cố-gắng xoay-sở để có đủ tiện nghi « cho bằng anh bằng em » trong các cuộc chơi vui hơn là trau dồi trí thức và nhân cách.

Với những nhu-cầu rất cảm-dỗ, với một bậc thang giá trị của thời đại, với sự yếu đuối của chính con người, người ta sẽ không lạ lòng khi thấy đa số những thanh-niên này không coi sự học là *kiến tạo bản thân để phục-vụ sau này, mà chỉ là để làm phương tiện thỏa mãn những đòi hỏi riêng tư*. Mảnh bằng trong tay là đủ vì nó thỏa mãn được những đòi hỏi vật chất và đồng thời mang lại vô số địa-vị và một chút hư danh ! Chúng ta thấy nhan-nhãn những trường-học « đầu tư » này ; thiết-tưởng xin miễn kể ra thêm nhảm tai người nghe. Chỉ xin nhắc một điều là hiện tượng này phổ cập đến độ có người đã mệnh danh cho nó là « cái học nhà lâu xe hơi » tuy nhiên lời diễn tả này cũng chưa nói được hết sự thực.

Trừ những người hãnh diện vì nhà lâu xe hơi, coi đó như kết quả cụ thể của sự « hành » sau khi đã « tri » ta cũng còn thấy những người tỏ ra hãnh-diện với cái kinh nghiệm ăn chơi, với cái nếp sống hợp thời trang của mình.

Họ tự cho là tất cả những thứ đó cộng thêm một chút động chạm với thực tế chứng tỏ họ đã sống nhiều và điều này đáng được kéo lên cao trên « bậc thang giá trị » ! Và cứ thế, họ coi những người thuộc loại thứ nhất là trẻ con, chẳng hiểu gì đời và điều này mới là đặc biệt : những người thuộc loại thứ hai dưới mắt họ trở thành một thứ « giai cấp bản cổ » !

Chúng ta vừa phân tích vài loại thanh niên dựa theo hoàn cảnh sinh hoạt của mỗi người. Khi sắp đặt như trên chúng tôi không hề nghĩ rằng kinh tế là căn bản của mọi hoạt động mà chỉ cho rằng nó đã ảnh hưởng phần nào tới cá nhân. Hơn nữa lối sắp đặt ấy cũng chỉ là để tiện việc trình bày mà thôi.

Nhìn chung ta thấy rằng sau khi nhিপ cầu thông cảm giữa lớp thanh niên và những người đi trước đã rạn nứt, họ trở về với nhau, song càng bị thăm hơn vì tất cả chỉ là một đám đông rời rạc như cơm nguội nếu không nói là mâu thuẫn nhau. Nếu có một sự quây quần chẳng nữa thì là sự kết hợp từng đám chống đối nhau sắc mùi bẻ phái.

Với những mặc cảm bao trùm lớp không khí, với chất nò lệ ngấm trong máu, lớp thanh niên chúng tôi vốn chỉ biết có một dòng nhỏ rất dễ trở thành một thứ ếch ngồi đáy giếng. Những kẻ ngồi ở đáy giếng Tây thì chỉ thấy vòm trời là ngọn tháp Eiffel. Kẻ ngồi đáy giếng Mỹ thì chỉ thấy những nhà đang vươn lên mà gãi da trời. Kẻ ngồi đáy giếng Tàu thì chỉ thấy mây trắng phất phơ như chòm râu Không-Tử. Còn kẻ ngồi đáy giếng Ta thì chùa Một Cột che kín màu trời xanh.

Từ đó đi tới chỗ mỗi kẻ nhìn kẻ khác bằng con mắt rẻ rúng. Một nhìn thức của sự tự tôn. Rồi sau khi đã tự nâng mình lên chót vót, người thanh-niên chợt có cảm-tưởng rằng mình quan-trọng đề rồi *mỗi kẻ biến thành một thứ lãnh tụ trong sự tưởng tượng của chính mình.*

Một tình trạng như vậy không thể dung dưỡng một công việc chung. Không thể có một cuộc đồng lao cộng-tác để thực-hiện được cái gì.

Có người đã than rằng thanh-niên ngày nay thờ ơ với công việc chung và đã giải-thích rằng vì họ chỉ nhìn tới cái lợi riêng tư. Cũng có người đã trả lời rằng «chìm bị đạn thì ngán làn cây con», tại họ bị lừa, bị lợi dụng mãi rồi ! Trả lời như vậy không phải là vô căn-cứ song chúng ta có thể nói rằng ngoài những chán nản khác, cái đầu óc lãnh tụ cũng là một duyên cớ quan-trọng.

Cũng cần đề ý một điều là sự tự tôn kẻ trên nếu có thỏa mãn được tự ái của họ thì chỉ rất hời hợt, giả tạo. *Còn trong thâm tâm nhiều lúc họ cảm thấy một niềm chua chát sâu xa.* Họ cũng cảm thấy đau đớn vì cô độc và cũng buồn vì tự biết rằng thái-độ của mình không tốt đẹp gì mà rồi không làm sao hơn được.

Tuy nhiên, với kinh - nghiệm bản thân, một số người cũng đã ý thức được trách nhiệm của mình khi nhìn thấy lớp đàn em ngày thơ. Nhất là khi thấy những khuôn mặt sáng sủa ấy đang nhìn mình mà bắt chước.

Người thanh niên cảm thấy lúng túng trước lòng tin cậy đó. Họ càng bứt rứt hơn khi thấy những xấu xa lại dễ được bắt chước hơn. Nhưng thân mình cũng còn lo chưa xong thì biết làm sao ?

Người thanh niên bị rơi vào một tâm trạng bi-thảm. Nhưng cũng chính tình trạng này đã thúc đẩy họ nỗ-lực.

Người ta thấy phải tự lực giải quyết các vấn-đề của chính mình. Muốn vậy người ta đã thấy phải trở về thành thật tìm hiểu mình. Và không phải chỉ nói suông, chúng ta đã thấy những dấu hiệu của sự cố-gắng này từ ít lâu nay.*

Tuy rằng công việc mới khởi đầu và không phải không gặp nhiều khó khăn và tuy kết quả chưa có gì nhưng chúng ta cũng có quyền tin tưởng. Vì dù đường thiên lý có xa xôi và vắng vẻ nhưng vẫn còn những người âm thầm mà hàng hái bước đi

Với niềm tin tưởng ấy người viết mong mỏi rằng vấn đề cần được khảo sát một cách kỹ lưỡng và khoa học để khỏi có những phương pháp giải quyết vu vơ chỉ thêm mất thì giờ, phí sức lực và làm tăng thêm rối rêu.

vấn đề của chúng ta

PHÒNG-VĂN « ANH CHỦ-TỊCH TỔNG
HỘI SINH-VIÊN VIỆT-NAM QUỐC-GIA »

Với mục đích tìm hiểu và cống hiến bạn đọc một vài vấn đề liên quan đến Tổng-hội Sinh-viên Việt-nam Quốc-gia, cũng như toàn-thể giới Sinh-viên, chúng tôi đã tìm gặp anh Đoàn-hữu-Khánh, Chủ-tịch Tổng-hội Sinh-viên Việt-nam Quốc-gia tại nhà riêng, một buổi tối giữa mùa mưa nhưng trời lại trong sáng tuy không trăng nhưng rất nhiều sao.

Cuộc hội kiến khá bất ngờ đối với anh Khánh vì chúng tôi không báo trước, nhưng với tất cả sự niềm-nở mặc-dù có đôi chút dè dặt anh cho biết sẵn lòng trả lời các câu hỏi của chúng tôi, trong phạm vi có thể được.

Và chúng tôi bắt đầu.

HỎI : Thưa anh, mời đây anh có hướng-dẫn phái đoàn Sinh-viên Việt-nam đi dự hội-nhị Sinh-viên Quốc-tế tại Gia-nã-đại. Anh có thể cho biết thành-phần phái-đoàn và thời-gian nhóm-hợp ?

ĐÁP : Phái-đoàn Việt-nam gồm có tôi và anh Nguyễn-đức-Gian, Chủ-tịch Hiệp Hội Sinh-viên Huế. Hội-nghị nhóm họp từ 27 tháng 6 đến 10 tháng 7 năm 1962 tại Quebec.

HỎI : Xin anh vui lòng cho biết các chi tiết về hội nghị nói trên

ĐÁP : Hội-nghị được mệnh danh chính-thức là « HỘI-NGHỊ SINH-VIÊN QUỐC-TẾ » (Conférence Internationale des Etudiants và tắt C.I.E. International Student Conference viết tắt I.S.C.) Nhiều ngư

dịch là « ĐÀI-HỘI SINH-VIÊN QUỐC-TẾ » nhưng theo tôi chữ « ĐÀI-HỘI » nên dành riêng để dịch chữ Festival thì đúng hơn. Tổ chức này là một tổ chức khác với Union International des Etudiants (Liên-hiệp Sinh-viên Quốc-tế) là một tổ-chức một chiều có tính-cách chính-trị do Liên-sô chỉ-huy, đặt trụ-sở tại Prague (Tiệp-khắc) Liên-hiệp Sinh-viên Quốc-tế có một ban chấp-hành Trung-ương ra mọi chỉ thị buộc hội-viên phải tuân theo.

Nhận thấy tính-cách chính-trị này, hai mươi Tổng-hội sinh-viên của các nước Âu-châu năm 1951 đã họp tại Stockholm để tổ chức « HỘI-NGHỊ SINH-VIÊN QUỐC-TẾ ». Trái với tổ-chức trên, Hội-ng nghị không có ban chấp-hành Trung-ương, tôn trọng chủ-quyền của các Tổng-hội quốc-gia hội-viên, chỉ có mục-đích liên kết sinh viên khắp nơi trên thế giới để tìm hiểu và hợp tác. Tới nay hội nghị đã có 82 Tổng hội quốc gia hội viên rải rác trên khắp các lục địa.

HỎI Trong các quốc gia hội viên này, có quốc gia nào thuộc khối Cộng sản hay không ?

ĐÁP : Có, Nam tư.

HỎI : Thưa anh, đề tài chính trong cuộc hội nghị vừa rồi là gì ?

ĐÁP : Đề tài chính để thảo luận là « Hợp tác trong hòa bình »

HỎI : Cuộc thảo luận tại hội nghị có đưa đến những kết quả và quyết định gì hay không ?

ĐÁP : Mục-đích của hội nghị là thảo luận một cách rộng rãi chứ không nhất thiết phải đi đến một kết luận chắc chắn nào. Tuy nhiên nó cũng nhằm vào công cuộc phát triển sự hợp tác trong hòa bình.

Ngoài ra hội nghị cũng quyết định tổ chức những cuộc hội thảo có tính cách địa phương ví dụ như Hội nghị đã chấp thuận bảo trợ một cuộc hội thảo sẽ mở ở Việt Nam do tôi đề nghị. Tuy nhiên tới nay cũng chưa có quyết định gì về phương thức tổ chức và đề tài thảo luận.

Một hội thảo khác là « Hội thảo địa phương các tổng hội Á Châu » (Séminaire régional de corporation des Asies) cũng chưa quyết định sẽ họp ở đâu.

Một cuộc hội thảo đề thảo luận về vấn đề cải cách và dân chủ hóa nền Đại học sẽ họp vào cuối năm 1963 và cũng chưa ấn định địa điểm.

Hội nghị cũng thảo luận đề quyết định về một số dự án ví dụ như dự án lập phòng báo chí Á Châu đặt tại Nam Dương, Việt Nam sẽ góp một phần vào công cuộc này bằng cách cung cấp tài liệu; dự án giúp đỡ Sinh viên tỵ nạn tại Hồng Kông..

HỎI : Ngoài các công tác thường xuyên, phái đoàn Việt Nam còn có hoạt động nào đặc biệt ở hội nghị hay không ?

ĐÁP: Một công tác đặc biệt và quan trọng của phái đoàn Việt-Nam là lấy lại uy tín mà Tổng hội đã mất trước năm 1960. Kết quả thu lượm được quá cả sự mong mỏi của chúng tôi. Bản báo cáo của Ủy ban điều tra về Việt Nam rất chính xác, có ảnh hưởng lớn tới hội nghị. Tất cả các hội viên đều bỏ phiếu chấp nhận Việt Nam là Tổng hội có quy chế đặc biệt của Tổng hội Quốc tế trừ ba phái đoàn: Nam Tư, Cộng hòa Ả Rập thống nhất và Tây Ấn (Indes Occidentales). Tôi cần nói thêm rằng ba phái đoàn này đều có chân trong Liên Hiệp Sinh viên Quốc tế và chịu ảnh hưởng của quyết định do Ban chấp hành tổ chức này ban hành.

HỎI: Trong dịp tham dự hội nghị, anh có dịp tiếp xúc với Sinh viên Việt Nam du học ở Gia Nã Đại hay không?

ĐÁP: Có, tôi có gặp rất nhiều sinh viên Việt Nam ở Viện Đại học Laval, có chừng 30 sinh viên Việt Nam theo học viện này và như vậy có thể coi là số sinh viên ngoại quốc đông nhất tại đây.

HỎI: Theo anh nhận xét, các sinh viên này có theo dõi và am hiểu tình hình nước nhà hay không?

ĐÁP: Theo tôi thì các sinh viên ở đây một phần vì mới sang chừng một, hai năm nay, một phần vì xuất ngoại với học bổng nên rất am hiểu tình hình nước nhà và có tinh thần khá cao, khác với các sinh viên Việt Nam ở Pháp, Hoa Kỳ... Tôi cần nói thêm là họ học rất xuất sắc, có lẽ vì tại Viện này đa số các môn dạy bằng tiếng Pháp.

HỎI: Anh vừa nói các sinh viên của chúng ta ở Gia Nã Đại khác với sinh viên ở Pháp. Anh có thể cho biết khác như thế nào và lý do của tình trạng này?

ĐÁP: Các sinh viên Việt Nam ở Pháp gồm nhiều thành phần và rất phức tạp. Có người được học bổng, có người tự túc, lại có người sang đã lâu, chịu ảnh hưởng của đối phương qua các hoạt động của Việt cộng ở Pháp, mà lại không được sự lưu tâm của chúng ta. Vì vậy tôi thiết tưởng một số lớn đã không có được một tinh thần quốc gia cần thiết.

HỎI: Trong phạm vi của Tổng hội, các anh đã có biện pháp gì để cải tiến tình trạng này hay không?

ĐÁP: Như tôi đã nói, vấn đề này quá rộng lớn và phức tạp nên Tổng hội chưa thể đề ra một biện pháp tích cực. Tuy nhiên, Tổng hội sinh viên Việt Nam quốc gia tại Pháp vẫn thường xuyên liên lạc cá nhân với các sinh viên. Tôi tưởng muốn giải quyết vấn đề này cần phải có sự cộng tác của Tòa Đại sứ, của Bộ Quốc gia Giáo dục và của Tổng hội sinh viên Pháp nữa.

HỎI: Sau khi đã cùng anh đi chu du, xin anh cho phép được quay trở lại các vấn đề tại nước nhà. Anh vui lòng cho biết đích xác con số hội viên của Tổng hội hiện nay.

ĐÁP : Con số chính thức là 3029. Con số này thay đổi luôn vì mỗi năm hội viên phải đổi thẻ mới, vì thế có thể có sự tăng giảm luôn.

HỎI : Con số này có bao gồm các sinh viên tại hai viện Đại học Huế và Đà Lạt hay không ? Tổng hội có phải là đại diện chính thức sinh viên hai viện này về mọi phương diện hay không ?

ĐÁP : Về phương diện công pháp, đối với quốc gia và quốc tế, Tổng hội đại diện cho toàn thể sinh viên Việt nam. Các sinh viên Huế và Đà Lạt vẫn tham gia Tổng hội với tư cách cá nhân.

HỎI : Theo chỗ chúng tôi biết, tổng số sinh viên hiện nay gồm trên 20.000 người, so với 3000 hội viên, tỷ số tham gia có là quá ít hay không ?

ĐÁP : Tỷ số này quả thật là quá ít.

HỎI : Xin anh cho biết lý do của tình trạng này.

ĐÁP : Có nhiều lý do. Trước hết là Tổng hội chưa có những hoạt động lớn lao những đại công tác để hấp dẫn sinh viên, Tổng hội thiếu phương tiện và những cơ sở tối thiểu như Câu lạc bộ Sinh viên, tờ báo riêng của Sinh viên . . .

Sau nữa là vì tâm trạng hiện nay của sinh viên họ có một phần nào chán nản vì chịu ảnh hưởng nặng nề của chính trị, kinh tế, xã hội..

HỎI : Thưa anh, anh có thể phân tích sâu sa hơn nữa, nhất là về điểm thứ hai.

ĐÁP : Thưa vâng. Trước hết, từ sau thế chiến thứ nhất, Việt Nam khác các quốc gia khác là luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh. Mà chiến tranh chỉ có nghĩa là phá hoại kể cả về tinh thần.

Về chính trị đã có những sự thay đổi liên tiếp, nó làm đảo lộn tư tưởng của sinh viên và thanh niên.

Về phương diện kinh tế, số sinh viên đã tăng lên nhiều, đời sống cũng khó khăn thêm nên từng lớp sinh viên không còn được trọng đãi như hồi tiền chiến.

HỎI : Theo anh thì vì có sự thay đổi liên tiếp về phương diện chính trị nên sinh viên hoang mang. Nhưng từ 8 năm nay, chế độ của chúng ta đã vững chắc, tại sao còn có tình trạng này ?

ĐÁP : Tôi công nhận từ nhiều năm nay thể chế chính trị đã bền vững. Nhưng cũng vì thế mà nảy sinh ra, một lý do khác đáng kể hơn, đó là sự thiếu thông cảm về phía các người lãnh đạo. Thành thật mà nói thì những người lãnh đạo đã chưa có những sự cảm thông về tư tưởng, chưa thấu hiểu nguyện vọng của anh em sinh viên, vì vậy đã xảy ra nhiều sự va chạm. Anh em sinh viên là những người sống nhiều bằng lý tưởng, và thực tế đã làm anh em sinh viên chán nản.

HỎI : Anh vừa nói rằng hiện nay đời sống anh em sinh viên khó khăn. Anh có đồng ý với một số người rằng đời sống ấy hết sức khó khăn hay không ?

ĐÁP : Nói rằng hết sức khó khăn thì tôi không đồng ý. Kì ra từng lớp sinh viên còn có nhiều đặc quyền hơn các giai cấp khác, mặc dù đã phải chú trọng nhiều đến sinh kế.

HỎI. Anh đã nhận định về các trở ngại trong công cuộc đoàn kết và thúc đẩy các hoạt động của anh em sinh viên. Như vậy anh — và Tổng hội — đã có những dự định gì để vượt các trở ngại đó hay không ?

ĐÁP : Tất nhiên là có. Trước hết người lãnh đạo cần phải chú trọng đến những quyền lợi thiết thực của các anh em sinh viên. Phải thành lập các câu lạc bộ, quán ăn, phòng đọc sách, xuất bản báo chí... ở nước ngoài nơi nào người ta cũng đã phát triển vấn đề này.

Điểm thứ hai là sự giác ngộ của người lãnh đạo. Người lãnh đạo phải nổi lại sự thông cảm với anh em sinh viên. Phải tìm hiểu nguyện vọng, tâm trạng, khuyến khích và nâng đỡ họ hơn là nghi ngờ họ, mặc dù nghi ngờ là một thứ bệnh thời đại.

Sau cùng, cần phải chấn chỉnh lại Tổng hội. Đây là điểm quan trọng hơn cả vì hai điểm trên chỉ có tính cách lý thuyết.

HỎI : Theo anh, sự chấn chỉnh cần đặt trên căn bản nào ? Xin anh cho biết về những khuyết điểm cần phải chấn chỉnh ?

ĐÁP : Theo tôi, sự chấn chỉnh cần phải đặt trên căn bản hoàn toàn mới vì tới nay mặc dù Tổng hội đã hoạt động lại được một phần nào, đã lấy lại được uy tín về mặt quốc tế nhưng tất cả chỉ có tính cách vá víu hiển nhiên là cho có được một bộ mặt hoàn toàn mới.

Về khuyết điểm của Tổng hội thì phải thành thực nhận rằng Tổng hội chưa phải là một tổ chức có cơ sở, có nền tảng, vì thế mà số họ viên ít.

Điều lệ của Tổng hội là điều lệ soạn thảo từ năm 1955, lúc đó tổng số sinh viên chỉ có khoảng 2000 người, chắc chắn điều lệ đó không còn thích hợp với sự phát triển mạnh hiện nay, đã thu hẹp phạm vi hoạt động của Tổng hội nhất là về vấn đề hệ thống tổ chức, nó đã không cho phép Tổng hội đặt nền tảng ở các ban chấp hành phân khu, không trừu tượng thành lập các Viện đại học mới.

HỎI : Như vậy chương trình cải tổ của anh đã được hoạt động ra sao ?

ĐÁP : Theo chương trình của chúng tôi thì sẽ có một đại hội được tổ chức để thảo luận và biểu quyết điều lệ mới.

Theo dự thảo điều lệ mới thì tất cả các sinh viên đại học sẽ đương nhiên là họ viên của Tổng hội. Quy chế này không phải là mới, đã

được áp dụng nhiều trên thế giới như ở Hoa-kỳ, Ai-cập, Úc-dại-lợi, Hương-cảng.

Một điểm khác của bản dự thảo là chú trọng đến nền tảng của tổng hội tức là các phân khoa. Sẽ tổ chức các ban chấp hành Phân khoa, các ban chấp hành này sẽ bầu lên các ban chấp hành viện, rồi miền và sau cùng là ban chấp hành Trung ương. Nói tóm lại Tổng hội sẽ được tổ chức theo hệ thống dọc và ban chấp hành Trung ương sẽ được bầu cử bằng phương pháp gián tiếp.

Nhưng có điều tôi cần phải nhấn mạnh, đó là dù Tổng hội được tổ chức lại trên căn bản nào, điều cần là ban chấp hành phải được tự mình định một hướng đi cho Tổng hội, hướng đi này phải phù hợp với nguyên vọng và quyền lợi sinh viên.

HỎI : Thưa anh, đại hội sắp tới bao giờ sẽ nhóm họp và theo anh đại hội có thể thành công trong việc biểu quyết điều lệ mới hay không ?

ĐÁP : Nếu có thể đại hội sẽ nhóm họp vào đầu tháng II này và hoàn thành công tác vào cuối tháng. Qua sự thăm dò từ hàng năm nay của chúng tôi thì dư-luận sinh-viên tỏ ra rất sốt sắng ủng-hộ đại-hội và dự-thảo điều-lệ mới nên tôi tin rằng sẽ thành công.

HỎI : Riêng anh, anh có tin rằng trong một tương lai rất gần, sinh-viên Việt-nam sẽ cải tiến hoạt-động và đạt được thành quả lớn lao hay không ?

ĐÁP : Riêng tôi, tôi rất tin-tưởng ở khả-năng, thiện chí của sinh-viên Việt-nam. Tôi hy-vọng rằng việc cải tổ tổng-hội sẽ mở đầu một giai-đoạn mới mà trong đó sinh viên cần hoạt-động hăng hái hơn các giai cấp khác để lãnh đạo, hướng dẫn cuộc tranh đấu chống Cộng. Đường lối này phù hợp với vai trò của sinh viên mọi nơi trên thế giới vì ở đâu sinh-viên cũng thực-sự là những người lãnh đạo các trào lưu tiến hóa, thù ghét sự độc đoán và tinh thần thủ cựu.

Nhận thấy đã tạm đủ, chúng tôi cảm ơn anh đã cho biết nhiều điều hữu ích. Kể ghi chép bài này cũng định viết thêm một vài câu kết luận nhưng lại thôi, thôi vì... đành thôi, vì không muốn tự dưng đem thân làm một thứ nước Đàng cho thiên hạ... ghét !

PHAN-KIM-THỊNH

TỰ-DO LINH-HỒN

DOÃN-QUỐC-SỸ

I

Sáng chủ nhật, trời sà xuống thấp hoài và mưa rơi rào rào... Trận mưa sáng này tiếp tục trận mưa đêm hôm qua. Những trận mưa trái mùa! Ít khi tháng giêng Âm lịch mà miền Nam có mưa lớn như vậy. Nhưng mưa chỉ trái mùa theo quan niệm thủ cựu của người, trái lại với cây cỏ thì những giọt mưa rả rích vào giữa mùa nắng này mới quý làm sao. Vào lúc mưa thưa hạt hay tạm dứt, cây phượng ngoài sân rủ cành xuống là-dà như vừa thưởng thức dư vị trận mưa qua vừa thanh thoi chờ đợi trận mưa tới. Không biết là lần thứ mấy trời lại âm u thấp xuống. Và mưa rơi. Thanh vẫn ngồi nguyên chỗ cũ nhưng đưa mắt nhìn quanh gian nhà và dừng mắt lại nơi treo áo mưa.

— Phải đến thăm Tú vào đúng lúc mưa này — Thanh nghĩ — chỉ còn một tuần nữa tới ngày cưới!

Vẫn từ chỗ ngồi nhìn qua cánh cửa hé mở, Thanh thoáng thấy dáng cô nữ y tá lướt qua đường, khuôn mặt trái xoan, nước da rám hồng, đôi môi màu đậm đà hơn. Thanh thấy cô ngược nhìn trời đón những hạt mưa lất-phất, vô cơ nởo miệng cười, hàm răng trắng đều, rồi khuất. Từ ngày Thanh sắp lấy vợ, cô không « xung phong » giúp Thanh việc bếp núc như xưa nữa; hơn thế mỗi khi qua cửa cô cũng chẳng buồn đưa mắt nhìn vào nhà. Cửa nhà Thanh hôm nay tuy hé mở, nhưng với cô cánh cửa đó đã vĩnh viễn đóng. Thanh giữ lấy hình dáng cuối cùng của cô trong trí nhớ — (lúc cô ngửa mặt nhìn trời đón những hạt mưa lất phất) — để tiếp tục nghĩ thầm: « Mình chỉ phải cúi xuống một chút và hai khuôn mặt giáp nhau theo một góc độ nào đó là đôi môi mình gán với đôi môi ấy như đêm hôm nào lần đầu tiên hôn Tú ».

Thanh chưa kịp đứng dậy khoác áo thì mưa đã tạnh. Mưa tạnh hẳn chẳng vì trời hết âm u và sáng dần... Chợt một tia nắng vàng lọt khỏi kẽ mây chiếu xuống, phút chốc vạn vật chan hòa trong nắng vàng như một nụ cười bát ngát. Cả nắng cả mưa đều hữu lý ! Nhưng giờ đây nắng, việc khoác áo mưa ra đi trở thành vô lý và cả việc đến thăm Tú cũng không còn động cơ quyến rũ. Sự vắng lặng của căn nhà lúc này thật hợp với lòng ước muốn của Thanh.

*
* *

Thời còn cuộc kháng chiến ở miền Bắc, Thanh theo cha mẹ từ hậu phương vào thành năm 1948—năm mười tám tuổi—nhưng vì luôn luôn được nghe cha — Khóa — giảng về đạo Phật nên Thanh đã ưa đọc sách Phật từ hai năm về trước. Thanh thuộc các mẫu chuyện đạo, các dụ trong Kinh Phật, và thuộc lòng những điểm chính đời đức Thế Tôn để kể lại cho người khác nghe. Thanh kể thuộc lòng :

— « Gần 3.000 năm về trước, thái tử Tất-Đạt-Đa sau khi dạo khắp bốn cửa thành mục kích những cảnh già, đau, ốm, chết, ngài bỏ cung điện quốc thành đến rừng khổ hạnh nơi Núi Tuyết quyết chí tu hành những mong tìm đường giải thoát cho chúng sinh. Mỗi ngày chỉ ăn một hạt vừng, thân thể gầy ốm xiêu đổ mà Đạo chẳng tìm ra, ngài thấy rằng tu khổ hạnh đầy dục xác thân không phải là con đường tìm ra Đạo. Một lần xuống sông Ni Liên-Thuyền tắm gội gặp người đang sữa, ngài uống. Sức khỏe hồi phục ngài lần đi đến cội Bồ-đề mát mẻ ngồi xuống phát thệ rằng nếu không thành đạo sẽ không rời khỏi chỗ đó ».

Câu chuyện về tiểu sử đức Phật Thích Ca trên Thanh nói được một năm, sang năm thứ hai Thanh thuộc thêm chi tiết đoạn cuối :

« Đêm đó ngài át được tất cả các ma quái. Quỷ vương — Mara chúa tề của ái tình và tử thần — đã vận dụng hết sức lực mà cũng không làm loạn tâm Bồ tát. Canh hai ngài chứng quả Tứ-Mệnh-Minh thấu suốt được quá khứ ; canh ba ngài chứng quả Thiện-Nhân-Minh thấu lẽ sanh trụ, dị, diệt của vạn pháp ; canh tư ngài chứng quả Lậu-Tận-Minh biết rõ nguồn gốc đau khổ của chúng sinh là vô minh. Vì chúng sinh ngài không nhập Niết-Bàn tịch mịch mà còn ở lại 49 năm truyền đạo gieo hạt từ bi bác ái làm cầu nối giữa Mẹ và Ngộ, giữa phù hoa của thế sự với an lạc của chân tâm ».

Thoạt đầu, cậu học trò Thanh kể sự tích của đức Phật cho bé bạn nghe như con vẹt nhưng rồi lâu dần có một cái gì siêu hình của đạo Phật thấm vào tâm hồn cậu như hương sen thấm vào cánh trà, như một hạt giống nảy mầm rồi bén rễ vào đất màu. Tinh tinh Thanh từ nhỏ vẫn trầm mặc, càng lớn Thanh càng ưa suy nghĩ. Vô tình thái độ ưa ngó vào trong đó đã hợp với thái độ nhà Phật đặt con người đối diện với chính mình để vừa nhìn vào điểm nguồn cội ở chính mình vừa vì thế mà quán thấu cả vũ trụ vô biên.

Ngày đó Khóa nhập cảng phim ảnh Kodak, được hãng sản xuất biếu những bức hình đẹp để quảng cáo. Khóa chọn treo lên tường hình một thiếu nữ mặc áo « voan » ngồi trong phòng trang điểm, đùi và ngực có đôi chút hở-hềnh. Đi học về thấy thế Thanh lên tiếng thống trách bố mẹ :

— Cậu mợ treo bức hình đó người ta cười cho ! Không đừng dần !

Khi Thanh đã lên gác Khóa đưa mắt nhìn vợ mỉm cười nói :

— Cái thằng nó lại « bảo hoàng hơn vua », muốn vượt cả bố nó về phương diện diệt dục trong đạo Phật !

Rút cục Khóa phải nhượng bộ mà cất bức hình đó đi, treo thay vào bức hình khác chụp lũ cá vàng đương bơi trong bể kính.

Thanh tiếp tục đọc những sách khảo luận về đạo Phật, những kinh Phật, những nguyệt san truyền bá Phật giáo. Bước vào rừng Thiền như chim trích lạc vào khu rừng già nhưng Thanh quyết tâm gỡ mối bằng cách ghi chép những nét chính. 'Chân lý vốn đơn giản nhưng khi đã chuyển mình thì thiên sinh vạn biệt, ghi chép chính là để giữ vững những giường mối hoặc lần theo một số khía cạnh thiên sinh vạn biệt đó mà tiến tới chân lý. Thành thử nếu vui vui nhận xét kỹ ta thấy có sự tiến triển từ Khóa (đời cha) đến Thanh (đời con); đạo Phật tràn bờ và hỗn mang ở Khóa thì bắt đầu được gỡ mối cố sắp xếp cho thành hệ thống ở Thanh.

Đọc những ghi chú của mình, nói về những ghi chú của mình, suy nghĩ về những ghi chú của mình, Thanh lắng lòng lại và muốn thể hiện chơn không trong trí mình. Ngày lên trung học đệ nhị cấp cũng là ngày Thanh bắt đầu vào ngành hội họa. Ngày đó tại Hà Nội có hai giáo sư hội họa dạy lớp riêng: họa sĩ C. và họa sĩ N. Thanh đã theo học họa sĩ C. chẳng phải họa sĩ này đã trang trí cho đêm kịch kỷ niệm ngày Phật đản tại nhà Hát lớn mà vì họa sĩ C. giữ được phong độ bất khuất của người nghệ sĩ trong khi N. mở phòng triển lãm dành khoảng trọng vọng nhất tại giữa phòng để treo bức hình lớn nhất của viên thủ tướng. Sau đó N. còn đi cầu cạnh viên thủ tướng cử đại diện đến khai mạc. N. biết làm như vậy sẽ được giới chính quyền xu nịnh đương thời mua nhiều tranh. Quả thực N. đã không nhầm. Nhưng cũng vào hôm khai mạc một nhà văn quen biết cùng thế hệ với N. dừng lại khá lâu trước bức họa chân dung viên thủ-tướng. N. đơn đã tiến lại, nhà văn vẫn ra chiều ngấm nghĩa bức chân dung gật gù nói rất ngọt : « Cả phòng hội họa có bức này toa vẽ đạt hơn cả ! »

Thanh theo học hội họa được ba năm thì hiệp định Genève.

Cũng là năm Khóa cam chịu khánh tận, di cư vào Nam với hai bàn tay trắng. Chân ướt chân ráo tới Saigon, Khóa đã cùng vợ đi Nha Trang giúp một người bạn thầu khoán. Thanh ở lại Saigon, thuê túp lều tranh gần đường Chí Hòa, một mặt giúp việc trình bày và minh họa cho tờ Văn Hóa của Khiết một mặt tự trau dồi nghệ thuật bằng những tác phẩm vẽ bột màu hoặc sơn dầu.

Khám phá ra Thanh là họa sĩ, Khiết — Ông chủ báo Văn Hóa — mừng như tìm được một đồng chí trung kiên trên con đường cách mạng. Khiết gọi Thanh là « họa sĩ nhà ».

Khóa, Khiết xấp xỉ tuổi nhau vẫn cùng với các anh em trẻ tuổi khác trong gia đình Văn Hóa xưng hô với nhau « anh anh, tôi tôi » hoặc « cậu cậu, tôi tôi ». Ngay khi có thêm « nhóc Thanh » (lời của Lãng) gia nhập gia đình Văn Hóa cách xưng hô của toàn thể vẫn thống nhất « anh anh, tôi tôi ». Duy một lần nhân Khóa ở Nha Trang về Saigon ít bữa mua đồ, Khóa có cùng anh em họp mặt tại tòa báo. Đương trong câu chuyện thân mật « anh anh, tôi tôi » với mọi người, bỗng Khóa vỗ túi quần rồi quay lại nói với Thanh : « Hết thuốc lá rồi, mày đi mua cho tao một bao Cotab ! » Lúc đó mọi người mới chợt nhớ ra rằng Thanh là con Khóa.

Lãng nói :

— Nếu vậy lẽ ra nhóc Thanh phải gọi chúng mình là chú và xưng cháu !

Mọi người cười ồ. Sau đấy cách xưng hô tiếp tục thống nhất « anh anh, tôi tôi » trong thế thượng hạ bằng đẳng; phụ tử đồng bàn ?

II

Hà-Nội yên tĩnh với mặt hồ gương phẳng in bóng tháp chùa, với chùa Trấn Võ uy nghi, với hồ Tây rộng càng rộng mênh mông mỗi buổi chiều mặt trời ngả bóng về phía Ba Vì xa. Cảnh đồng trung châu miền Bắc yên tĩnh với những lũy tre làng, với những cánh đồng bát ngát, với tiếng chuông thu không. Ở cảnh trí miền Bắc như vậy Thanh mới có thể lắng lòng lại và suy nghiệm về lý chân không của nhà Phật. Vào trong Nam ở giữa Saigon với ánh nắng chói chang với nhà cao, đường lớn, phố bụi, xe cộ đủ loại đi lại như mắc cửi, đạo tâm của Thanh gặp dịp cọ sát với thực tế và Thanh được dịp thể hiện cá tính.

Đi vào không khí chan hòa ánh nắng miền Nam, thuê nhà một mình ở Chí-Hòa, thoát tiên là sự thức giấc của tình trai. Năm 1954 — năm vào Nam — Thanh đã hai mươi bốn. Sự « thức giấc » như vậy xem ra là muộn.

Căn nhà tranh Thanh thuê lụp sụp nhưng rất thơ mộng ở chỗ trước căn nhà có một khoảng sân nhỏ giải cuối, giữa sân có cây phượng vĩ khá cao vào mùa nắng tháng giêng, tháng hai, tháng ba dương lịch hoa nở đỏ ối và những lá nhỏ rụng xuống màu vàng óng. Bên trong căn nhà ngồn ngang giá vẽ, palette, ống bút, sơn, hộp màu, khung, tranh cũ, tranh mới, tranh vẽ dở. Trên tường dán ghim những bản vẽ phác lớn nhỏ đủ các cỡ. Bàn làm việc bằng gỗ tạp, trên mặt bàn có tấm kính lớn đôi chỗ mẻ vỡ, dưới tấm kính cũng ngồn ngang những croquis nhỏ. Thờ đồ sộ nhất và cũng trang trọng nhất trong căn nhà

là cái giường gỗ lớn, thấp, trềnh có nệm và phủ một tấm nhung đỏ thẫm màu tiết dê. Thử khấn giải giường nhưng này là di ảnh thời gia đình Khóa còn phong lưu ở Hà Nội. Phải nhìn cái giường gỗ thấp, rộng thênh thang đã rất hợp thời trang đó lại còn phủ một lần nhung vương giả mới thấy hết cái khôi hài của căn nhà tranh lụp sụp làm bối cảnh cho nó.

Một hôm bộ ba Tân, Kha, Lãng bắt chọt xuống đường Chi Hòa tìm tới thăm Thanh. Tân đã trở mắt hết nhìn cái giường lại quay nhìn Thanh mấy lần rồi mới phát biểu một câu :

— Thế này thì trên thế gian này *tout est possible* !

Kha không dấu được thêm muốn, nằm lăn lên giường quay mặt vào tường tưởng có thể lập tức làm một giấc ngon lành, trong khi đó Lãng vỗ vai Thanh khẽ nháy mắt hỏi :

— Cậu đã ngủ với người đàn bà nào trên giường này chưa ?

Nghe cái điệu Thanh cười hềnh hếch, Lãng biết là... « thằng bé chưa dám » càng lắc đầu ngao ngán hơn :

— Rõ hoài ! Rõ hoài !

Ngay sát nhà Thanh là căn nhà hai tầng đồ sộ nhưng không có lấy một màu sơn và đồ trang trí cho cái khối gạch, gỗ, sắt khô khan ấy một ít màu xanh thiên nhiên, chủ nhà cho treo lủng lẳng trước tiền đình mấy giò phong lan. Thành thử căn nhà tranh nhỏ xíu của Thanh với sân rải cuội với cây phượng, với hoa phượng, với lá phượng, với bóng phượng đổ xuống ngã ngốn đã như một nụ cười xinh xắn đơn giản nhưng bất tuyền của thiên nhiên.

Các trẻ em quanh xóm (rất nhiều) khoái « chú Thanh » (chúng gọi thế) vô cùng vì chú Thanh hiền, hay vẽ chúng nó, vì khi chú Thanh đi vắng chỉ khóa cửa trong nhà, chúng vẫn có thể tự tiện vào sân chơi dưới bóng phượng.

Mỗi khi Thanh đi vắng khóa cửa lại người ta đọc thấy hàng chữ viết bằng sơn trắng lớn thoạt trông tưởng là hàng khẩu hiệu : « Thư từ, sách báo xin ném vào trong nhà ! ».

Mấy cô gái quanh xóm : cô chủ hiệu may, nữ y tá, nữ thư ký cũng ra chiều mến Thanh. Những khi giữa tháng tiền gần hết không thể đi ăn hiệu được, các cô xung phong thổi cơm, làm thức ăn giúp Thanh. Các cô cũng có chú ý đến cái giường « thất bảo » của Thanh, trong thâm tâm chắc các cô nghĩ rằng mình đương giúp đỡ một hoàng tử trá hình. Giúp đỡ Thanh như vậy các cô vừa thỏa được lòng vị tha vừa thỏa được lòng vị kỷ một cách trong sạch : gần đàn ông mà vẫn giữ tròn danh tiết (Thanh hiền lắm ! Thanh có biết nói đùa cho sự hiện diện của các cô thêm duyên nhưng không bao giờ Thanh đi xa hơn. Nó theo danh từ nhà Phật, có nhân mà chưa gặp duyên chăng ?)

Trên đường Chí Hòa có một khu cư xá công chức thiết lập từ hồi Pháp thuộc, đó là những căn biệt thự xinh xắn và biệt thự nào cũng có triệt để lợi dụng khoảng sân trống để trồng cây, những cây đều đã lớn. Chính giữa khu cư xá là một ngôi chùa cổ, sáng chủ nhật nào các em đồng nam, đồng nữ của gia đình Phật tử khu này cũng đến họp bạn và theo học Phật pháp dưới sự hướng dẫn của mấy anh chị đoàn trưởng. Một buổi sáng chủ nhật « chủ Thanh » đã theo mấy cháu Phật tử đến chùa được ban huynh trưởng hết sức quý mến giới thiệu với hai vị cố vấn giáo lý và cố vấn gia đình cùng các bác gia trưởng nam và nữ, các bác bảo trợ trưởng và phó.

Thanh vẽ *Caricature* hai chị trưởng của gia đình Phật giáo và cũng là hai chị em ruột : Sâm và Tinh. Khi ra về Sâm, Tinh có vào thăm túp lều tranh của Thanh và cùng cười rất nhiều về chỗ ở đó. Mỗi cảm tình của hai nàng biểu lộ với Thanh khá rõ rệt vì thứ vui tinh hiền lành và căn nhà ngọ nghinh của Thanh cũng có, vì Thanh đã vẽ *Caricature* cho hai nàng cũng có. Tuy là hý họa nhưng Thanh vẫn làm nổi bật những nét đẹp của hai nàng. Sâm — cô chị — hơi đầy người, nước da trắng, màu trắng mịn như mỡ đông (nói theo cách ca ngợi trong kinh Thi), đôi mắt tròn, thật tròn, từ thật xa nhìn lại càng thấy rõ đôi mắt nhưng đó mở lớn với một chút ngơ ngác đáng yêu trên khuôn mặt đôn hậu. Vẽ khêu gợi ở thân hình hơi đầy của Sâm có màu thuần với đôi mắt và khuôn mặt thơ ngây của nàng. Nét hý họa của Thanh đã khéo ghi được một cách thông minh cái lý thú của hai vẻ màu thuần đó. Nhìn gần thì trên mép Sâm xanh phớt một hàng lông tơ. Điều đó làm nhan sắc của nàng đuối đi đôi chút.

Tinh có nét mặt rất thanh tú, nhìn thẳng khuôn mặt trái soan đó đã đẹp, nhìn nghiêng những nét thanh tú càng nổi bật nhất là khi nàng chỉ mỉm cười. Vùng trán hơi thấp một cách âu yếm, mớ tóc đen dày của nàng rủ xoã xuống ngang vai và đóng khung lấy khuôn mặt đẹp đó. Thanh nghĩ đến một trái đào chín nặng từ một cành non nằm nũng nịu trên một mớ bông long mưới mà. Thân hình Tinh không đầy như Sâm, thon và chắc lẳn khi đi, đôi cẳng cao của Tinh hơi đầy cho thân hình đổ về phía trước như sẵn sàng muốn ngã vào đôi cánh tay người yêu. Thanh chỉ không bằng lòng có nụ cười của nàng, nụ cười hơi dần với hai chiếc răng cửa phẳng... quá phẳng. Nụ cười kém duyên đó đã làm bất lợi lấy cho giọng nói của nàng mà Thanh nghe như giọng một người đầy lưỡi.

Lần đầu tiên Thanh đã phân tích quá soi mói hai vẻ đẹp đó. Nắng miền Nam đã thấm vào hồn Thanh ? Vả chăng Thanh đã hai mươi bốn tuổi rồi còn gì : Thanh có đến nhà thăm hai nàng, và chủ nhật nào cũng đến chùa họp vui, chỉ tránh giờ lễ.

* *

Tại sao Thanh tránh, giờ lễ ?

Ngày đầu dự khóa lễ chánh thức, thoát tiếng niệm Phật của các em đồng nam đồng nữ Thanh nghe thấy ngộ nghĩnh như những nét vẽ bằng âm thanh một dãy đồi lên xuống rất đều. Rồi Thanh cũng theo mọi người khi đứng thẳng đọc, khi quỳ đọc, khi xá rồi đọc tiếp, khi cùng đứng chờ vị đại-đức chủ lễ cắm hương lên lư rồi mới đọc tiếp (cuốn sách nhỏ « Nghi-thức tụng niệm » Thanh cầm trên tay), Thanh thấy các em đồng nam, đồng nữ đã thuộc lòng các bài niệm, giọng các em đều đều làm chàng thẳng thốt khỏi sự tự đặt vấn đề.

Đọc sách Phật, nghiên cứu đạo Phật lâu nhưng mãi tới hôm đó Thanh mới trực tiếp chứng kiến cuộc hành lễ. Đạo Phật ở nước nhà đã bắt đầu chú trọng đến hình thức, điều đó không phải là dở nhưng rồi liệu có sa vào khuyết điểm vì quá chú trọng vào hình thức mà lời tụng niệm sẽ thành máy móc, hoặc làm đần người đi ? Thanh sợ nhất sự tụng niệm làm đần người đi, đó là một sự ám sát linh hồn không thể dung thứ được.

* *

— Anh Thanh đi chứ ? — Tiếng Sâm nói kèm theo tiếng cười của Tinh.

— Mời các chị vào đây, tôi sửa soạn xong rồi.

Nói là sửa soạn xong rồi nhưng Thanh còn phải đi giày nữa. Khi Sâm, Tinh bước vào Thanh đứng dậy nhường giường cho hai nàng ngồi. Tinh rón gối xuống chăm chú nhìn Thanh lồng bít tất vào chân, Sâm thì cúi nhìn nệm giường tay vịn về mép nhưng. Chiều thứ bảy đó, hai nàng đã đúng hẹn đến rủ Thanh đi cả ba cùng tới nhà Tú xem Tú duyệt cho mấy em Phật-tử vũ khúc *Quay tơ* mà các em sẽ trình diễn vào dịp kỷ niệm ngày đức Phật thành đạo tuần tới.

Tú là cô gái Nam, quê ở Trà-Vinh cùng học với Sâm, Tinh ở trường Gia Long.

Thoạt Tú e lệ khi thấy có thêm Thanh là người đàn ông lạ. Nàng mời Thanh ngồi giọng li nhí. Nàng lấy phấn đánh dấu vị trí của từng em ; có sáu em chia thành ba cặp. Khi bắt đầu duyệt cho các em nàng hoàn toàn quên hết người xung quanh. Nàng khen em này, sửa lại bước đi cho em nọ, nàng vỗ mạnh tay làm nhịp, đôi mắt chăm chú theo rồi . . . Vũ khúc *Quay tơ* các em vừa ca vừa múa đã gần thuộc hết, chỉ còn bỏ ngỡ đôi chút ở phần điệp khúc.

Điệp khúc, Tú hát :

Nhẹ bàn tay

Nhẹ bàn tay

Mừng duyên thắm

Má hồng say

Gió lay cành trúc

Gió giục vừng đông

Hương tơ quện với hương đồng

Guồng quay quay tít nổi lòng vui vui.

Các em nghe chị nè — « *Nhẹ bàn tay* » — Ngồi xuống luôn. Nghe chữ « *Mừng* » quay sang bên phải — Trật rồi cưng ! Bữa hôm em đi trật bị rầy hoài nhớ không ?

« *Mừng duyên thắm* » — (Thanh lắng nghe giọng Tú cao vút) — Đồi chân này — Đó được rồi đó.

« *Má hồng say* » . . . — Đây cưng dùm chị đây . . .

Thanh ngừng nhìn thẳng về phía Tú tưởng như lời nàng vừa nói là nói với Thanh. Hai tai nàng đeo vòng khuyên lớn, lông mày có tô đậm đôi chút.

Gió lay cành trúc . . . thì cưng đi lên nghe không, hai tay cầm dũa vẫn vậy, em bên tay mặt vẫn vô mà vô chính giữa . . .

Gió giục vừng đông . . . Chỗ này phải giờ tay lên như đỡ bình trên vai vậy.

Hương tơ quện với hương đồng . . . *Quện với hương đồng* . . .

Thanh lắng nghe Tú nhắc lại, tiếng vang nhẹ nhàng như lời kêu gọi thiết tha của chính nàng thốt ra để tự kiểm soát tình duyên.

Guồng quay quay tít . . . Hồng được, xây mặt lại đi thực lùi nghe. Bây giờ cưng trở lại chỗ cũ đang đi thực lùi, nghe.

Hương tơ quện với hương đồng . . . *Guồng quay quay tít* . . . em nghe câu thứ *nhứt* qua câu thứ nhì thì bước trở lên !

. . . *Nổi lòng vui vui* . . . Em bước xéo lên một bước, ừ đó coi được rồi đó.

Giọng nói hồn hậu miền Nam của Tú khi vừa cất lên đã bám chặt lấy hồn Thanh rồi thấm dần . . . thấm dần . . . xuống chiều sâu, giọng nói càng về sau càng quện rữ nghe vui vui, đầm ấm, thân mật, dịu dàng.

— Em bước xéo lên một bước, ừ đó coi được rồi đó. Coi chừng chùn em nè, chùn dụt không trúng thành ra coi lộn sộn. Một hai ba... ba hơi dụt lại. Trật rồi cưng ! Đừng bước dài quá nghe cưng, bước vừa vừa thôi, dụt lại chút xíu nữa nghe cưng. Khi nghe chị hát lại « *Nổi lòng vui vui* . . . » tay trái em phải qua bên này, tay mặt để vô bên hông này.

Thôi các em nghỉ nghe. Máy lần trước về nhà chắc rượt dữ lắm hả ? Lần này cũng vậy nghe, mai rượt một buổi chút nữa là rồi đó.

Về hoạt động ở Tú chừng khi buổi tập dứt, về e dè phút đầu không còn vì thế nét thùy mị của Tú càng thêm trong sáng. Thanh không ngừng kín đáo theo dõi cử chỉ của Tú khi trở lại tiếp chuyện Sâm, Tinh và Thanh. Khi thì Tú đặt tay lên ngang ngực chớp chớp mắt, khi thì Tú để một ngón tay trở lên má rồi ngược nhìn người đối thoại cười mỉm, vành môi như thể vành trăng thượng tuần mọng ánh sáng hy vọng.

* *

— Chiều mai anh Thanh có đến xem rượt lại nữa không? — Tinh hỏi Thanh khi ba người đã ra ngoài đường.

— Có chứ — Thanh đáp.

— Mai đến lượt anh phải đến đón chúng tôi ở chùa — Sâm nói.

Thanh cười thay cho lời đáp ưng ý.

Tinh tiếp:

— Tú tốt đấy chứ chị Sâm? Chị Tú theo công giáo đấy anh Thanh?

Thanh đưa ngón tay trở lên miệng như để giữ câu hỏi chưa buột ra: « Chị Tú là người công giáo à? »

— Chị Tú — vẫn lời Tinh — thích vũ và yêu trẻ lắm.

Chia tay cùng Sâm, Tinh rồi, Thanh dừng lại ở đầu ngõ xó trước cửa nhà ông y tá trưởng bệnh viện Bình dân. Ông này đương t chối không nhận tiền của cụ Đông Y cùng xóm — cụ bị áp lực máu ca được ông tiêm giúp. Bên đôi giả cũng nhiệt tình, bên từ chối cũng cương quyết một cách thân ái.

— Ông không nhận tôi không bằng lòng chút nào!

— Cụ ơi, sao cụ lần thần thế, tình hàng xóm với nhau, đây chính là bổn phận của tôi.

Cũng có thể — Thanh nghĩ — bên đôi giả đã biết chắc rằng bí kíp nhất định chẳng chịu lấy nào và bên được giả cũng cần được g thật sự để cương quyết từ chối mà biểu lộ lòng thân ái của mình rút cục khi đôi bên chia tay cả hai cùng không mất gì mà cùng được rất nhiều ở chỗ cùng cảm thấy tâm hồn nơi rộng.

Tú ơi, Tú là người công giáo mà Thanh thì không, chúng ta liệu có thể kể nợ rớt cho người kia mà cùng nhau chén tạc chén thù rượu yêu đương rót vào ly tâm hồn?

— Kia làm sao anh lại mua chiếc mũ mới? — anh công nhân hỏi anh công nhân 2 (cả hai anh cùng ở trong cuối hẻm).

— Ủi chao, đáng là bao — anh công nhân 2 đáp :

— Nhưng mà cái cũ của anh là tôi mượn.

— Thì anh cứ giữ mà dùng !

— Cha chả là tức — anh công nhân 1 nói bằng giọng hài hước thông minh — thù này biết bao giờ ta giả được đây ?

Rồi anh công nhân 1 kéo công nhân 2 ra đường lớn :

— Thì hãy ra đây kiếm một chai « la de » lai rai dầm ba sợi chứ !

Tú ơi, em là người công giáo anh thì không, chúng ta có thể yêu nhau trong tình yêu cởi mở của hai anh công nhân và thay vào chai « la de » kia sẽ là thứ rượu nồng đậm hợp cần ?

Tú đã nhập thề vào hiện hữu của Thanh ?

(Còn một kỳ)

ĐOÃN-QUỐC-SỸ

tiền bạn

Bốn phương mây bạc chẳng nguôi sầu
Chén tiền-đưa càng đắng giọt châu
Đất trịch đã đành se ngọn cỏ
Non đồi chưa thấy gác cung dâu
Thì say điên đảo năm hòn núi
Mà thả phiêu diêu một mảnh bầu
Ai có như ta lòng ngộ đạo
Àt không mê bến lúc tìm nhau

CÚ RÚC ĐÊM KHUYA

DƯƠNG-KIẾN

Khi còn đi học, Nam vẫn dùng ba chữ « Xóm nhà lá » để chỉ bọn học sinh « hầu lớn » thường ngồi túm tụm ở cuối lớp, đùa nghịch như phá. Đến nay, Nam mới cảm thấy hết cái ý nghĩa của ba chữ ấy từ ngày gia nhập « Xóm Chùa » với những mái nhà lồn nhồn thấp lè tè, con đường độc đạo vừa vắng hai người thích cánh nhau, sâu hun hút.

Nam thuê một căn phòng trên cái gác lửng của bà Ba Lá. Nói là phòng, thực ra chỉ là một « khoảng » gác được ngăn bởi 2 tấm « rideau », hai « khoảng » hai bên còn có hai... gia đình khác. Vị chi là có đến ba « gia đình » chen chúc trên một sàn gác rộng không đầy ba thước, dài độ sáu thước, không có cửa sổ, như cái nón úp chụp lên lũ người lúc nhúc ở dưới.

Nam không đề ý đến hàng xóm của chàng, chàng đi suốt ngày, tối về lần quay ra ngủ. Hôm nào oi giời không ngủ được, Nam nằm đập muỗi đen đét, nghe tiếng « la-dô » chói ráy từ từ phía vọng lại, phía trước, phía sau, bên tả, bên hữu. Mới đầu, Nam không thể chịu nổi cái thứ âm thanh hỗn loạn ấy ; nhưng về sau, bị hành hạ mãi Nam cũng quen dần.

Nhưng có một điều kỳ lạ ám ảnh Nam mãi là tiếng cú rúc. Ngay đêm đầu, cái tiếng rúc ồ-ề, ọt-ẹt, rầu rĩ ấy phát ra làm Nam tỉnh giấc. Tiếng rúc không xa lắm như ngay bên cạnh tai nhưng Nam chịu không đoán được là thứ tiếng gì. Đêm sau, đêm sau nữa cũng vậy. Nam đề ý tìm, thì ra tiếng cú, con cú của lão hàng xóm ở cùng căn gác với Nam, lão Năm Hồ.

Lão Năm Hồ ngủ ngáy o-o, lẫn với tiếng cú rúc rầu rĩ làm Nam vừa rợn người, vừa khó chịu. Nam không hiểu sao lão lại nuôi con cú hôi rình trên căn gác bí-rì, không khi để thờ cho người cũng chưa đủ. Và Nam bắt đầu ác cảm với lão nếu không có một buổi kia..

Buổi tối hôm ấy, không hiểu Nam ăn gì mà bụng sôi lên sùng sục, đau quặn từ dưới đau lên làm Nam ba chân bốn cẳng chạy ra cầu tiêu công cộng độc nhất của khu xóm. Nam vừa bước lên chiếc cầu khỉ cheo leo thì có tiếng chân huỳnh huỳnh của Lão Năm Hồ chạy đằng sau, rồi một cánh tay xô bấn Nam sang một bên khiến chàng suýt chúi xuống bãi sinh ở phía dưới. Lão Năm chạy như chạy giặc, tông cửa vào nhà cầu.

Vừa đau vừa tức, Nam định xông đại vào, muốn ra sao thì ra. Nhưng Nam cố nén, ôm bụng ngồi xuống trần cơn đau, trời không nóng mà mồ-hôi Nam cũng toát ra đầm người. Nam lại càng thấy ghét lão Năm Hồ hơn!

Nhưng cũng may, chưa đầy năm phút lão Năm Hồ đã tươi cười đi ra, vỗ vai Nam thân mật:

— Thầy Ba, xin lỗi thầy Ba nghen! Nó làm quá xá mà, hông có chịu nổi! Thầy « làm » lẹ lẹ rồi ra quán làm vài ly cho ấm bụng, nghen thầy Ba!

Nam không thèm trả lời, bước vội vào trong. Sau khi nhẹ hần người, Nam thấy sự tức tối cũng nhẹ hần đi, nhất là khi bước ra Nam thấy lão Năm vẫn đứng ngay cửa, hìn hìn cái mũi chờ Nam.

Nam thấy buồn cười nhiều hơn tức. Nhất là ngắm kỹ lão Năm, Nam thấy có một vẻ khôi hài đặc biệt. Cái mũi to sần sùi và đỏ như trái doi trên cái miệng nhăn nhúm, chiếc trán hói nhẵn bóng tương phản với hai hàng lông mày rậm, những sợi cuối dài vênh ra phía sau. Cằm lão chỉ lơ thơ có vài sợi râu nhưng thật dài và trắng như cước.

Lão cầm tay kéo Nam đi. Và hóm ấy những ly đế cay sè, những con khô mực dai nhách làm Nam say khướt.

Lão Năm không có nghề gì nhất định. Nói là lão thất nghiệp không đúng hẳn, lão làm phu đồn đám mà. Nhưng thỉnh thoảng lão mới đi một đám còn ngoài ra lão sống nhờ số tiền trợ cấp vì lão là cựu chiến binh, lão đi lính cho Pháp từ hồi « cát-tô, đít-duýt ».

Đối với Nam, lão Năm quả là một mẫu người kỳ lạ. Thuở nhỏ, theo lão kể, lão theo học « đạo thánh hiền » đến hết Tam tự kinh. Rồi lão bỏ nhà đi buôn, xuôi ngược Nam Bắc bao nhiêu năm. Vào cái tuổi bông bột nhất, lão si mê một cô đào thương thượng thặng thuở ấy, cô N.Y.

— Hân ca, chao ôi, mùi ơi là mùi!

Nhưng đa sắc, đa tài thì lại đa tình. N.Y. gá nghĩa với lão chưa đầy nửa năm hương lửa thì đã rũ áo ra đi, theo tiếng gọi của cuộc đời gió bụi. Lão thất tình, đau khổ, giận lây cả cuộc đời đem bạc, lão đầu lĩnh sang Pháp. Năm bảy phen chết hụt, ba bốn lần chìm nổi, vênh nhúc đã nhiều, bây giờ «lão hồ» về già thu nanh vuốt nơi xóm Chùa hỗn độn này.

Ngày ngày, lão thủng thẳng ra chiếc quán lụp xụp ở đầu ngõ. Chiếc quán của anh chủ quán hiền lành có cái tên chùng với tên tướng cướp khét tiếng : Bời Liểu. Lão ngồi trầm ngâm trước ly cà-phê túi, mơ màng nhớ lại thuở nào. Thằng Sừng, thằng ôn con giúp việc cho anh Bời Liểu thỉnh thoảng rồi việc lại hát văng lên trên lão :

— Ông Năm ơi, bao giờ thì ông có bồ ? ...

Lão « Hà » một tiếng, không ra cười cũng không ra nạt thẳng bẻ, để hở bộ răng vàng khè, khắp khiêng.

Thường thì lão đánh cờ tướng. Nam phải nhận là lão đánh thật cao, nhưng cũng thật lạ. Sĩ, tượng lão thì hết, lão chỉ hay đánh tốt mà đánh thật hay. Những lúc lừa được tốt, vô cùng up hiếp đối phương, lão đắc chí xoa cái đầu nhẵn bóng, cười hà hà :

— Sĩ, tượng chỉ quanh quẩn rúc bên nách ông tướng là đồ bỏ, đời này cũng thế. Đừng có khinh thẳng tốt, nó chậm mà chắc, nhưng phải tay có hạng mới sai nổi nó. Đời này cũng thế.

Thường thì lão hiền như đất, nhưng khi men rượu đã ngấm, lão khả khịa tuốt. Lão chưa sô sát với ai bao giờ, nhưng lão thường đe thiên hạ :

— Đây, ông ... sợ thẳng nào đâu. Tây-đen rạch mặt ông còn dám đánh nhau tay đôi tay ba với chúng. Bây giờ ông làm nghề chôn người. Những đứa lúc sống là ông nọ, bà kia ; lúc chết cũng một tay ông chôn. Đứa nào rồi cũng vô hòm tuốt, vô hòm tuốt. Ông sợ gì thẳng nào !

Ai cũng chỉ cười. Khoái phất là thằng Sừng, nó cười ằng ặc, nhẩy lên chồm chồm, hát văng cả tiệm :

— Ông Năm ơi, bao giờ thì ông xuống mồ ? ...

Nam dần dần thấy cảm tình với lão Năm Hồ thật sự mặc dù chàng vẫn ghét cái mùi hôi rình và tiếng rúc não ruột của con cú. Nam định bụng khi nào có dịp sẽ hỏi xem tại sao lão lại nuôi cú trong nhà.

Một hôm đi qua quán Bời Liểu, Nam nghe thấy tiếng lão Năm ồm ồm :

— Loạn, thế này thì loạn ! Hai ba thứ giặc thì loạn rồi còn gì nữa.

Nam liếc nhìn vào thì thấy lão Năm đang chằm chú đọc tờ báo. Nam mỉm cười định đi thẳng thì lão Năm đã ngừng lên vẫy chàng .

— Thầy Ba, vào nhậu lai rai cái đã.

Nam bước vào. Từ ngày gặp lão Năm, Nam thảnh thoảng vẫn đi «nhậu lai rai» với lão. Nam quen dần cái không khí của một quán nước bình dân, với tiếng đàn «phùng phùng» trong chiếc «la dô» cũ rích vọng ra, tiếng húp cà-phê súp sọp từ những chiếc đĩa...

— Nè, sao lại có những ba thứ giặc, hử thầy Ba?

— Ờ, thì ngoài giặc Cộng sản, nước mình còn bị nạn chậm tiến và chia rẽ. Những thứ này cũng như giặc vậy mà!

Lão Năm gật gù cái đầu ra vẻ hiểu. Anh Bời Liễn góp thêm một câu khôi hài:

— Còn giặc Bời Liễn thì sao?

— Cướp chứ đâu phải giặc. Ờ, mà cướp với giặc khác nhau thế nào nhỉ?

— Cũng thế.

— Cũng thế thế nào được! Có ai nói cướp chậm tiến với cướp chia rẽ bao giờ đâu?

Lão Năm Hổ và anh Bời Liễn tiếp tục tranh luận về giặc và cướp. Nam ngồi gật gù nhắm ly để với đậu phộng. Bỗng chàng nhăn mặt nhò toẹt xuống đất.

— Gì thế?

— Lạc thối.

— Ờ, tránh sao được. Đời cũng thế mà!

Tửu lượng của Nam độ này đã khá hơn trước nhiều. Tuy chàng chưa uống được cả «xí» như lão Năm nhưng cũng làm được vài ba ly. Cái say lằng lằng dễ chịu, Nam thấy mọi vật đều mờ ảo và nhẹ nhàng, sáu câu vọng cổ từ trong «la-dô» vang ra nghe cũng mùi mẫn.

Một con đế nhẩy bám lên cổ áo lão Năm, lão chớp lấy làm bầm:

— Đề cho cú.

Nhân tiện Nam hỏi:

— Này, bác Năm này, sao bác lại nuôi cú. Hôi chết được, mà nó rúc nghe rợn cả người!

Lão Năm cười phun phè phè cả nước bọt:

— Ấy, thà hôi như cú mà ai cũng ngửi thấy còn hơn hôi mà lại làm ra vẻ thơm tho. Sống ở đời đôi khi cũng muốn rúc lên vài tiếng cho đỡ hận. Không rúc được thì nhờ cú rúc, có sao! Với lại, chuột sợ cú, nuôi cú đỡ chuột!

— Cú thì hơn gì chuột, thà chuột còn hơn.

— Ấy chẳng nào cũng phải chịu một trong hai cái, tôi chịu nổi cú, thà chịu được chuột, có sao!

Lão lại cười hi hi, hàm răng vàng khè, khắp khềnh.

Bọn người ngồi trong quán vỗ tay đôm đốp tán thưởng một câu hát mùi trong «la-dô».

* * *

Mấy hôm liền Nam ít thấy lão Năm ra khỏi nhà. Chàng tưởng lão ốm đau nên vén chiếc màn phân chia hai «nhà» sang hồi thăm.

— Thế nào, bác Năm, sao ít đi nhậu vậy?

— À, tôi đang soạn một «tài liệu», quan trọng lắm!

Nam ngạc nhiên:

— Tài liệu gì vậy?

— «Thái Bình Thập Sách». Mười bí quyết làm sao cho quốc thái dân an. Phải biết, quan trọng lắm.

Nam định cười, chàng cho là lão khôi hài. Nhưng Nam hăm kíp tiếng cười. Giọng lão trang nghiêm khiến chàng tin rằng lão nói thật. Thành ra tiếng cười chỉ mới khò khè trong cuống họng.

— Xong nhớ cho xem nghe, bác Năm?

— Được, rồi thầy xem, phải biết, quan trọng lắm! Ba thứ chứ ba mươi thứ giặc chúng nó cũng chết hết!

Từ hôm ấy Nam có cái thú theo rồi lão Năm viết «Thái Bình Thập Sách». Chàng cũng thấy thỉnh thoảng có một người con gái còn trẻ, khá đẹp, khi mặc đầm, khi mặc ta nhưng lúc nào cũng chải chuốt, đến thăm lão Năm. Không biết hai người nói chuyện gì với nhau nhưng cuộc gặp gỡ lần nào cũng ngắn ngủi cả.

Nam dò hỏi người trong xóm. Nhiều người nói rằng đấy là con gái lão Năm. Thuở tòng quân sang Pháp lão có lấy một người vợ đầm để được một đứa con gái. Vợ lão chết trong trận thế chiến thứ hai. Con gái theo lão về Việt Nam. Nghe đâu hiện giờ đang bán hàng ở một Snack-Bar trên Saigon. Nam cho rằng có lý vì chàng thấy một vẻ đẹp lai hai giòng máu ở người thiếu nữ ấy.

Lão Năm đã thật sự trở nên một nhân vật hoang đường trong cuộc sống thường nhật của Nam.

Bằng đi ít lâu Nam bận không hay gặp lão Năm, cũng chẳng biết «Thái Bình Thập Sách» với chương trình kinh bang tế thế của lão đi đến đâu?

Đùng một cái cả xóm đồn ầm lên, người nọ truyền miệng người kia, chuyện « con gái lão Năm ». Thì ra con gái lão Năm không chồng mà chửa, đưa con đẻ ra còn lai hơn cả mẹ nó. Rồi chẳng hiểu vì lý do gì thúc đẩy, nàng nhấn tâm bóp mũi con đến chết, đem vất đi. Nhưng nàng bị bắt.

Mới đầu Nam không tin, nhưng rồi báo đăng hẳn hoi. Nam thấy thương lão Năm, thương người con gái gian truân kia, thương mà không ghét.

Lão Năm ở lý trong nhà, quán Bời Liểu vắng hẳn bóng lão. Thỉnh thoảng lão gói một bọc lớn, ra đi lần lút, vội vã. Chắc hẳn lão đem đồ tiếp tế cho con gái.

Rồi một đêm, lão ra đi từ chạng vạng tối rồi không thấy lão về. Thì ra lão đi uống say lử cò bợ ở đâu, mãi nửa đêm lão mò mẫm về đến chléc cầu khỉ chênh vênh ở đầu ngõ thì hụt chân ngã xuống chiếc lạch. Nước không sâu, nhưng chắc là say quá, lão chết ngạt trong bùn. Mãi sáng hôm sau người ta mới biết.

« Chuyện lão Năm » thành câu chuyện thời sự của xóm.

Lão đã chết, chết hẳn rồi. Thế mà thằng Sừng, thằng ôn con ở quán Bời Liểu vẫn nghe ngao hát :

— Ông Năm ơi, bây giờ thì ông xuống mồ ! Tang tàng tang, tít tít tít...

Con cú của lão Năm đã bị đem vất đi.

Bây giờ thì chẳng biết nó rúc ở nơi nào, tiếng rúc não lòng cho lão Năm há một nỗi hận...

DƯƠNG-KIẾN

thu ca

Trời đã vào thu chưa
— Cúc réo hồn hoa chìm giếng cổ.
Heo may dịch đảo côi lòng đất,
lá chuyển mình tung ngược nắng mưa.
Lửa loạn vừa quặn bùng thoáng chớp,
thu kia liến rợn khắp sông hồ.

..

Thiên nhân còn thuận nghịch lời huyền-cơ ?

..

Người đã gặp thu chưa
Trời đã vào thu chưa
Thuyền neo sa-mạc trúc tơ ngậm-ngùi
Biển nâu khép mắt,
Cát hồng nứt môi.
Trăng sao sắp mặt,
Giao-trì bốc sôi.
Lệ thu ơi
Cân nảo thu hời
Thâm cung sinh động
âm hồi ảo hoang

Giữa Đời thu, bão vũ nhân-gian ; thác-loạn Trời
thu xoáy hồn-mang ; nước-nở Người thu bời rữ-rượi.
Nhị thu gục cúi giấu tìm vàng.

..

Núi sững chờ sông tiếp gió vang
Thôn-thức vọng hờn chênh giá sách

Giắc Diệp ấy không dung hỗn cự-phách
Minh-Công nào mờ lẫn bóng Dương-Chu

Ngàn xưa bùng cháy Thi Thu
Ngàn sau ngưng-động Xuân Thu chập-chờn

Tri-kỷ lấy ai mà tâm-sự
đòi danh riêng mình mà véo-von
Máu đỏ róm từng trang khuyết-sử
tay trắng dón nâng cựa Thái-sơn
Tứ thiêng nhịp bước nôi cô-lữ
Chi cả vùng say lũ tuổi son.

*
* *

Mắt biển hiện hình sóng vỗ đại-dương
Biển, cát khôi-nguyên
trắng gió bóng siêu-thường
Giao-trì thom nức gieo thuyền ngọc
Sông núi đàn ca đội viễn-phương.

Thiên địa nào hoang-đường
Nhân quỵ nào xót thương
Hoa thu lở ngon tim cuồng khiêu-đăng

— Vượt thời khắc, nhập đời in Đâu, Suất
ngắt-nguờng cười chơi vui lắm chẳng.

DƯƠNG-CỰ

HÌNH ẢNH

truyện

NGUYỄN ĐÌNH-TOÀN

Bữa cơm tan trong bầu không khí vui vẻ. Bà Phúc-Thành đứng dậy đi xuống nhà dưới với nụ cười trên môi. Ở cổ bà những hạt kim-cương sáng chói. Ông Phúc-Thành ngồi ngả hẳn lưng vào chiếc ghế bành rộng, ông bập môi mấy cái rồi như áng chừng lửa đã tắt ông cầm cái pipe xuống tay, nghiêng đầu ngẫm nghía, chồm dậy, với cái bật lửa trên bàn, bật lên châm, hút mấy hơi liền, thở khói ra nhẹ nhàng, rồi lại ngả người xuống thành ghế ông nói :

— Rồi cũng mòn mỏi đi cả. Lòng say mê nghệ-thuật, say mê cách-mạng, phiêu-lưu, đến một cái tuổi nào đó rồi nó cũng hết đi.

Ông cười lớn tiếng, ngó nghiêng chúng tôi. Tôi nhìn hai hàng râu mép bắt đầu bạc, cứng, được sửa sang kỹ càng của ông, và nhớ đến chuổi hạt soàn sáng chói của bà. Tôi nghĩ thầm : « Cả hai người đều còn khoẻ mạnh ».

Rút tiếng cười ông ngừng đầu lên, rút cái ống điếu ra khỏi miệng nắm chặt trong tay, rồi tiếp :

— Tôi cũng đã từng vẽ tranh, ở tù vì cách-mạng, làm thơ cho con gái. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là một thứ « gay » thừa của tuổi sung-sức, rồi cũng thành mây khói hết. Nhưng cuối cùng cũng phải nói rằng tôi vẫn tin tưởng ở cách-mạng. Công việc đó nó dính liền với thân phận của một nước. Thân phận nước mình nó như thế . . .

Nói đến đây mặt ông có vẻ buồn rầu. Ông lại nằm xuống thành ghế. Đưa cái ống điếu lên môi, vừa hút vừa nói, cái ống điếu nẩy lên, nẩy xuống, theo tiếng nói của ông, và giọng nói thì bị hàm răng cắn cái ống điếu giữ lại nghe bẹp và mềm nhũn.

— Rồi cũng mòn mỏi đi cả. Cũng nay mà tôi kịp «tĩnh lại» mà lo lấy cái cơ nghiệp cho mình, chứ nếu không thì rồi cũng không biết trôi giạt đi đến đâu.

Lệ ngồi yên lặng khoảng nhẹ ly cà-phê. Bên ngoài khung cửa sổ mở rộng, gió thổi mạnh hơn, những tấm màn cửa bay toí tấp. Tiếng sóng biển reo ngoài khe đá. Tôi biết Lệ đang cố kìm hãm ý thích chạy ra ngoài bãi. Kìm hãm để lát nữa chạy ra sẽ được nhiều thích thú hơn.

Nàng nói :

— Bây giờ chú giàu có rồi. Chú còn gì ân hận nữa đâu ?

Ông Phúc Thành nhìn cháu, ông mỉm cười đại lượng :

— Chú không có gì hối tiếc thật, .. ngoài sự chú không làm được gì hơn là những việc riêng cho chú. Bây giờ, thì chú già rồi. Người ta thường bằng vào tuổi già để nghỉ ngơi. Nước mình thì lại nhiều người già hơn người trẻ. Nên có gian-chuân cũng là đáng kiếp.

Lệ cười bảo :

— Chú có vẽ một người yêu nước cay đắng.

Ông Phúc Thành mở to mắt nhìn Lệ. Ông có vẻ không tin Lệ vừa nói ra câu ấy. Lệ thần nhiên cúi xuống mức từng thìa cà-phê lên uống, rồi ngược mắt nhìn ông cười. Bao nhiêu vẻ xắc lảo trong câu nói như được cái cười ngây thơ ấy xóa lấp đi. Một phút sau ông Phúc Thành có vẻ thất vọng. Ông nhìn vào chút tàn thuốc trong ống điếu và hỏi tôi :

— Cậu nghĩ thế nào về đám thanh niên ngày nay ?

Tôi nhìn ông. Ông có vẻ thành thật khi hỏi câu đó. Tôi nói :

— Tôi ở cái tuổi không thể trả lời ông câu đó được.

Ông nhìn lại tôi. Và như chợt nhớ ra tôi thuộc cái đám người mà ông đang muốn biết đó, nên ông lại cúi xuống nhìn cái ống điếu và bảo :

— Thanh niên ngày nay có thông minh thật. Song không biết có làm nên trò trống gì không ? Khi còn trẻ người ta thích nhạo báng, đến khi già sẽ chịu đắng cay.

Rồi ông quay sang phía Lệ :

— Chú nói như thế không có ý trách cháu đâu. Vì chú tin cháu cũng không có ác tâm định nhạo báng chú. Vả chăng chú cũng như bà cháu, thuộc vào cái thế hệ, phải làm quen với tất cả những gì lớp tuổi sau mình người ta mang đến. Đó cũng là lý do đôi khi chú cảm thấy mất cả sự bình yên.

Lần đầu tiên tôi để ý đến những giảng cơ trong tư-tưởng của ông Phúc-Thành. Chấp nối những mầu chuyện giữa tôi và ông từ ngày tôi vào

làm thư ký cho hãng ông, tôi không biết gì hơn ông là một nhà kinh doanh có tài. Có lẽ Lê nói đúng. Ông Phúc Thành là một người yêu nước cay đắng. Sự cay đắng gây ra bởi tuổi già nua, lòng hối tiếc những mộng tưởng khi còn trẻ không thực hiện được, hoặc là mặc cảm phạm tội vì đã lần trốn trách nhiệm, cũng có thể là cho đến tận bây giờ chính ông không hiểu rõ những điều ông định làm xưa kia, nên sinh ra tâm trạng tự ti, bần khoản.

Tôi nói :

— Trở lại câu hỏi của ông ban nãy. Tôi lấy tiếng nói của mình trong đám đông mà nhận rằng giữa hai thế-hệ các cụ và chúng tôi có một sự cách biệt khó thông cảm. Riêng có nhân tôi không biết phải cư xử thế nào cho phải.

Giọng ông Phúc Thành, trở nên rắn rỏi :

— Tôi cho rằng các cậu có vẻ phiêu lưu. Hầu hết những thanh niên ngày nay có học, tôi gặp, tôi đều nhận thấy họ luận lý theo một chiều hướng sách vở nào đó. Họ lại biết quá nhiều nên phải chịu luôn sự vật vã. Tương lai ở trong niềm tin chứ không phải sự kiểm tìm.

— Tôi nhận rằng trong số thanh niên ngày nay không thiếu những kẻ đọc sách như vẹt học nói. Nhưng cũng không thiếu những người muốn tìm hiểu thực sự.

Nếu phải nói đến niềm tin, phải thú-thật, chúng tôi mất trước nhất đối với thế hệ trước mình. Tôi cũng tin thanh-niên ngày nay họ không còn thể tin ở những điều người ta bày đặt ra cho nữa. Họ tự tìm kiếm lấy.

Ông Phúc-Thành ngồi hẳn dậy, ông rút pipe đập tàn vào cái gạt tàn và nói, giọng ông bớt nghiêm-trang :

— Tôi cho rằng không thể quy tội tất cả cho thế hệ trước mình được. Hoàn cảnh ngoại thuộc của nước mình trong tuổi chúng tôi, không cho phép làm được cái gì hết. Phải hiểu sâu sa đến cả phương-pháp giáo-dục của người Pháp khi ấy nữa.

Ông Phúc-Thành ngừng lại, ngờ ngác, hình như ông ngạc-nhiên vì chính tiếng nói của mình. Ông nhìn thẳng vào tôi. Trong cái nhìn của ông có ý-nghĩa một sự chịu-thua phần-uất, xa-xôi, như một người rúng sức phấn đấu với tuổi già, vẫn thấy mình khoẻ mạnh, nhưng cùng một lúc cứ thấy tóc bạc dần đi. Sự so sánh này có lẽ nảy sinh khi tôi nhìn kỹ ông. Tôi nhìn thấy những vết nhăn dưới hai quầng mắt ông. Ông có nước da màu mặt ong, bóng ở chỗ hai gò má.

Tôi nói :

— Chúng tôi nhận đủ cái kỷ-niệm đó trong chồng sách của Tự-Lực Văn-Đoàn. Có lẽ chúng tôi phiêu-lưu thật nhưng chúng tôi không học được gì trong đó.

Ông Phúc-Thành cười lớn. Tôi không hiểu lý-do nào khiến ông có thể cười lớn đến thế. Tiếng cười của ông khiến tôi cảm thấy mình lỗ bịch. Cả những điều ông và tôi nói với nhau, và cả ông nữa, đều trở thành lỗ-bịch.

Bà Phúc-Thành ở dưới bếp lên. Bà nhìn mọi người âu-yếm. Bà cười mỉm. Bao giờ bà cũng chỉ cười mỉm như thế. Tôi có nghe những người làm trong nhà nói rằng bà sợ cười lớn sẽ bị nhăn da mặt, chóng già. Tối ngủ bà lấy khăn buộc trán, phòng khi trong những giấc mơ, gặp điều sợ hãi, trán sẽ tránh được nhăn nhó. Bà hỏi tôi :

— Cà-Phê mới của người bạn ở Đà-Lạt mới gửi về biếu. Uống được không ông ?

Bà nói và định cười nhưng lại mỉm môi lại. Trong nụ cười của bà như bị giằng lại một cách tội nghiệp.

Tôi đáp :

— Dạ, thưa bà ngon lắm.

Tôi thấy mình ngu hết sức. Tôi quên tiếng cười của ông Phúc-Thành. Ông cười rụt, ngừng lại, quay sang hỏi Lệ :

— Cháu nghĩ thế nào về câu chuyện của ông Thái ?

Ông khum tay nắm chặt cái đầu pipe nhìn Lệ. Lần đầu tiên tôi để ý đến những ngón tay ông. Ông có bàn tay thô, ngón múp míp, ngắn nhỏ lại dần phía đầu và bẹt ở móng.

Tôi nghĩ thầm : « Bàn tay ấy chắc gây ra nhiều cảm giác lạ ở những thứ ông ta sờ đến ».

Ý nghĩ ấy giải tỏa trạng thái cực căng trong thâm tâm tôi, gây ra bởi tiếng cười của ông khi nãy và sự tự cảm thấy lỗ bịch của mình.

Bà Phúc Thành đi lên trên gác.

Lệ nói :

— Cháu không hiểu gì hết. Chúng cháu lớn lên giữa những chuyện mình không hiểu gì hết đó và phải đi tìm nơi lánh mặt. Rồi bày ra những trò chơi không cần đến sự hiểu biết.

Lệ định nói gì nữa nhưng bà Phúc Thành hiện ra ở đầu cầu thang trên gác, gọi ông lên trả lời điện thoại. Nàng rún vai làm thỉnh. Ông Phúc Thành đứng dậy xin lỗi chúng tôi, hẹn khi khác sẽ nói chuyện tiếp và lên gác.

Lệ rủ tôi ra ngoài bãi biển hóng gió.

*
* *

Trời như muốn nổi cơn mưa. Gió biển thổi hơi mạnh. Sóng rec ào ào. Tôi thích nghe sóng biển và sự vắng vẻ của bãi biển. Ở đấy người ta có thể hưởng đầy đủ sự cô đơn của mình.

Lệ mặc đồ đầm xanh màu trắng. Tóc nàng để dài và gió thổi làm rối tung bay tới tấp. Nàng cầm tay tôi như cầm một con ốc biển. Tôi thấy tâm hồn tôi giống như những hốc đá tối tăm, trơn trượt, rầu rầu kia. Lệ đi đôi giày màu hồng giống hai cái kén. Trời vẫn mây đen và buồn ở đằng sau những tầng mây đó.

Lệ nói :

— Anh làm cho chú tôi được bao lâu ?

Tôi đáp :

— Ngày mai nữa thì được một năm và 3 tuần lễ. Tôi được mời dùng cơm vì có cô đến chơi. Cho có người nói chuyện.

— Cảm ơn. Chú tôi khá nhưng tôi không phải là con nhà giàu. Ba tôi là công chức.

— Tôi ân hận đã nói chuyện lúc này trước mặt cô. Ông Phúc-Thành là một ông chủ tốt. Ít khi nào tôi có dịp nói chuyện với ông.

Chúng tôi ngồi xuống bên một tảng đá, trên cát. Gió vẫn giữ tốc độ cũ. Sóng reo không ngừng.

Lệ nói :

— Tôi cho sự lố bịch thường có sẵn trong những chuyện chúng ta không hiểu hết. Tôi không hiểu hết một điều gì nên thường bắt được mình rõ ràng lố bịch. Lúc này tôi nói đến những trò chơi không cần đến sự hiểu biết. Thí dụ : nhảy Twist.

Tôi hỏi :

— Có thích nhảy Twist ?

Nàng nhún nhảy vào mặt tôi. Lệ có nét mặt trẻ thơ và vẻ già nua trong cái nhìn và giọng nói :

— Anh cứ nhảy thử một lần rồi sẽ biết, anh không thích nhưng vẫn có thể nhảy lần thứ hai, hay lần thứ một trăm. Rồi bảo là thích cũng được.

Lệ cười hồn nhiên. Rồi nàng lần ngồi cao lên tảng đá. Tôi ngửi thấy mùi thơm vải áo và tóc nàng.

Lệ nói :

— Tôi 17 tuổi và tôi đã phải nghe, phải đọc, đọc vì tò mò hàng trăm thứ lý luận. Tôi không hiểu gì về những thứ lý luận đó. Mời đầu tôi xấu hổ vì sự ngu dốt của mình và tôi đau khổ. Bây giờ có thể tôi còn xấu hổ vì sự ngu dốt đó nhưng không còn đau khổ nữa. Tôi thần nhiên hay đúng hơn có lẽ đã làm quen với sự thần nhiên nên tôi thần nhiên.

Gió làm tóc cắt nát mặt nàng. Trông Lệ đẹp và buồn như đám mây lúc cơn mưa.

Tôi bảo :

— Cô nói rõ hơn về những suy nghĩ của cô.

Lệ tiếp :

— Tôi không bao giờ được suy nghĩ hết. Anh không tin ? Thực ra tôi chỉ loay-hoay với những mặc cảm của mình. Tôi có biết gì đâu mà suy-nghĩ ?

Tôi thấy Lệ lạ. Tôi ăn với nàng ba bữa cơm chiều và bây giờ cô bé ấy đang nói với tôi về những điều cô không hiểu được.

— Tôi có nhiều bạn giai, thích nhạc Jazz và chắc anh ngạc-nhiên tôi thuộc khá nhiều ca-dao và thơ. Tôi không biết các cụ xưa sống ra sao, nên tôi không biết sống thế nào là mới. Tôi được nghe không thiếu những cuộc tranh luận về các vấn đề quan trọng tương-tự như chuyện chú tôi và anh nói khi nãy, chuyện càng quan-trọng bao nhiêu, kết-thúc càng kỳ-cục bấy nhiêu. Sự kỳ-cục có khi ở ngay trên mặt người nói chuyện. Tôi trông thấy họ như soi gương thấy mình. Tuy tôi vẫn phục-hộ biết nhiều điều mà tôi không biết. Tất cả những vấn-đề họ mang bàn luận cuối cùng cũng không ai giải-quyết được hết. Điều này chứng tỏ có lẽ họ cũng không hiểu rõ gì hết. Tôi có thể tin được những người đó không ?

Lệ nghiêng đầu xuống nhìn tôi. Tôi muốn làm cơn gió vùn nàng như con trâu. Mắt Lệ thành hai quầng tối. Khuôn mặt trái soan gầy và trắng xanh. Tôi làm quen dần với nàng trong ý nghĩ.

Đột nhiên Lệ quay ra phía bên nói lớn :

— Trời gió, thích nhỉ. Tôi sợ khoảng tối tăm ngoài kia. Tưởng tượng một mình tôi bây giờ ở ngoài đó . . .

Nàng đứng dậy giang tay khiêu vũ với âm thanh của gió và sóng biển.

Lệ với tay bảo tôi :

— Đứng dậy, đứng dậy anh . . .

Nàng cười hồn nhiên, sung sướng.

Chúng tôi đi chậm về phía hang núi đằng kia. Cát lợt vào giày

Lệ tiếp :

— Có người thích nghe chuyện. Có người thích nói. Tôi chưa bao giờ được nói vì tôi thích nghe. Hôm nay tôi nói với anh để khỏi phải nói một mình.

Tôi hỏi :

— Cô ước vọng gì ?

Lệ đáp :

— Nhiều thứ lắm. Nhưng có lẽ vì ước vọng không phải là một thứ có hình thù rõ rệt nên tôi cũng không biết rõ mình ước gì. Điều có thì chắc chắn là có. Các bạn tôi chúng cho tôi là ranh mãnh và thông minh. Tôi biết cách làm cho chúng phải làm vừa ý tôi. Nhưng thực ra tôi chỉ là cái lá muốn bay để đuổi bắt cái bóng mình ở đằng trước.

Chúng tôi đến bèn một chiếc thuyền gỗ nhỏ, hư, cạy trên cát. Màu gỗ khô trắng. Trời vẫn gió đều. Mây đen bay từng lũ.

Lệ bảo :

— Mình ngồi đây một lát đã.

Nàng buông tay tôi và ngó xuống hai bàn tay mình. Nàng tiếp :

— Người ta coi chúng tôi như những đứa trẻ con. Thực ra chúng tôi không phải người lớn, nhưng cũng không còn là trẻ con nữa. Chúng tôi là một thứ người đặc biệt. Biết sự sống, biết cái chết ở quanh mình. Và chỉ hiểu được cái nghĩa bi đát của nó. Về thiêng liêng cao cả thì không. Anh vừa nói đến sự phiền trách những người lớp trước. Chúng tôi phiền trách ai ? Các anh và chúng tôi thuộc cùng một thế hệ, hơn kém nhau khoảng một chục năm, cũng không hiểu được nhau. Nói chi thế hệ trước ? Chúng tôi muốn bước ra khỏi cái vòng đai chằng chịt của các người đó, và vì chưa làm được gì, chúng tôi chơi.

Người ta nhìn ngắm chúng tôi như những hiện tượng kỳ cục. Chắc anh thấy khó chịu vì tôi nói như người lớn ? Chúng tôi như vậy, không có ngôn ngữ riêng để nói với nhau, phải dùng ngôn ngữ của người lớn, hành động như người lớn, và chỉ có tầm hiểu biết của một đứa trẻ. Làm đúng, nói đúng những việc của người lớn làm, người lớn nói, nhưng không hiểu. Anh cũng biết là người ta không thể làm mãi những việc mình không hiểu. Nên chúng tôi phải cố mà hiểu lấy. Và cuối cùng, điều chúng tôi hiểu được, là biết thêm càng lúc càng nhiều những điều mình không hiểu gì hết. Người ta giảng nghĩa sự không hiểu của chúng tôi là đột sớ mới, là sa-đọa, là bệnh hoạn, là bất chước, là sự kinh tởm, là đáng thương hại nhưng cũng đáng trừng trị, là do chiến tranh gây ra.

Hai mắt nàng sáng long-lanh. Nét mặt rắn, kiêu hãnh, lạnh lùng. Nàng chậm rãi :

— Tôi không cả quyết được gì hết. Và anh không thể tưởng tượng được rằng tôi muốn trở thành nhà văn trong khi tôi không cả quyết được gì hết, không tin gì hết, trong khi tinh-thần tôi bại-hoại tưởng không còn thể làm nổi một việc gì hết.

Môi nàng run. Lệ hơi mím miệng lại. Nàng có vẻ một người đang cố thẳng mình. Mắt nàng có quầng. Lệ đẹp vì hai quầng mắt đó.

Tôi hỏi :

— Cô muốn viết về gì ?

Nàng nhìn tôi. Tôi có cảm tưởng nàng nhìn thấy cả cái mạn thuyền khô nứt sau tôi. Lệ giờ tay vuốt mặt.

Nàng nói :

— Tôi muốn viết tất cả. Viết về những điều chúng tôi không hiểu được. Viết về những mơ ước bị nhạo báng. Viết về tuổi thơ tội nghiệp của chúng tôi.

— Một nhà văn có thể nổi tiếng vì chính những vấn đề mình không hiểu được đó, tôi nói.

Giọng Lệ bình yên :

— Tôi không ước vọng được khen. Tôi muốn làm một công việc chống đối, đối với những quyền lực áp bức. Áp bức dưới nhiều hình thức. Tôi muốn đặt những câu hỏi và đòi được trả lời, đại diện cho thế hệ tôi.

— Thí dụ ?

— Thí dụ ? Thí-dụ như từ nãy đến giờ tôi nói và anh vẫn nghe. Anh nghe và tôi biết anh vẫn cho tôi là trẻ con. Nhưng tách riêng những lời tôi nói, anh sẽ cho rằng những lời đó không phải lời trẻ con, không phải lời của đứa con gái 17 tuổi. Vậy giữa tôi và lời nói của tôi, giữa tôi và tuổi thơ của mình, có một mâu thuẫn. Vậy tự chúng tôi làm mất tuổi thơ của mình hay bị người ta tước đoạt ? Ai là kẻ tước đoạt ?

Lý do nảy sinh ra sự mâu thuẫn kia ? Đây này, tôi cho anh biết một chuyện riêng này. Tôi có đứa bạn nó cùng học một lớp với tôi và bằng tuổi tôi. Nó có nhiều bạn trai và không yêu ai hết. Nó đi với ba người đàn ông bằng tuổi chú tôi và ít hơn chút ít. Nó nói với tôi là nó yêu họ. Trong ba người đó thì hai người có bằng chứng dễ khinh miệt nó. Người thứ ba đã chống đối sự ham muốn của mình một cách cực khổ, và nói là ông ta thương nó như con, đồng thời ông cũng khinh miệt nó như một con đĩ. Bị bỏ rơi nó ốm đau và khóc lóc. Trải qua ba mối tình người lớn biết nó còn có thể yêu được một đứa trẻ bằng tuổi mình không ? Nó có đáng được tha thứ không ? Người chồng sau này có tha thứ được cho nó không ? và sau hết nó làm cách nào để tự tha thứ cho mình ?

Lệ nói như ném cát vào mặt tôi.

Tôi là một đứa con trai nông nổi và cực cần. Nên phản ứng đầu tiên của tôi khi nghe Lệ nói là tôi có cảm tưởng đứng cạnh một con nhím.

Tôi nói :

— Trường hợp đó riêng lẻ. Cô ấy đáng gánh lấy cái hậu quả « không ra gì » do việc làm cô ấy gây ra.

Lệ nhìn tôi mỉm cười. Cái cười kiêu hãnh, vô liêm. Nàng nói :

— Hãy cứ tạm cho đó là trường hợp riêng lẻ. Trường hợp độc nhất. Vậy cái cá nhân đó đáng kể là một người trong đời sống này không ? Những người đàn ông kia là người được kính trọng, như tất cả những người bình thường khác trong xã-hội. Vậy mà cái thứ các người đó trải qua đã trở thành một thứ đáng khinh bỉ. Nếu người ta cho rằng đứa con gái đó là một thứ đồ bỏ, không cần cứu vớt, người ta không có quyền khinh nó vì nó không liên hệ gì đến đời sống của các người hết. Ngược lại, nếu người ta còn khinh bỉ nó, thì sự khinh bỉ đó có nghĩa là người ta còn phải nhận nó là một phần tử giống mình. Thì trường hợp của nó phải được cứu xét và không bằng lòng khinh bỉ. Cứ cho rằng nó không có quyền đòi hỏi người ta phải cứu xét vì phần lỗi hoàn toàn về nó, thì người ta vẫn phải phân xét để cứu vãn cái giá trị về phía mình. Vì nó biết rõ hơn ai hết hành động của cái người ở bên phía đối tượng đã làm với nó. Cái giá trị kia sẽ thể hiện nếu đến lúc nó công nhận hay phải công nhận sự khinh bỉ người ta dành cho nó.

Tôi không còn muốn nghe tiếng Lệ nữa. Sóng vẫn đồ ào ào trên cát. Mây mỗi lúc dày hơn. Tôi không muốn ý nghĩ mình còn phải bận bịu vì đứa con gái nữa. Gió ập tới từng hơi lạnh. Lũ lá cây phất reo, tới tấp, cong mình dựa dựa muốn bốc khỏi cành. Tôi để ý đến tiếng gió reo, đến những tiếng động phức-tạp chung quanh, tiếng gió đập vào kẽ đá dội trở lại, và những tiếng động tôi tưởng tượng ra. Sự trống trải dày hơn cả gió. Tôi quên hết mọi sự. Và tôi nhớ lại đứa con gái, bên cạnh. Cái bóng nó rõ dần. Lệ ngồi đấy. Tâm hồn tôi trở lại bình thường. Tôi vừa cắt đứt được một mầu dĩ vãng.

Giọng Lệ lẫn trong gió, những rất rõ :

— Tôi biết anh vừa nghĩ gì về tôi.

Nàng cười dịu dàng :

— Tôi cho anh biết thêm điều này cho đầy đủ ý nghĩ riêng của anh về tôi : Đứa con gái tôi vừa nói với anh đó là tôi.

Tôi cố giữ cho sự khó chịu khỏi xâm lấn vào mình. Tôi nói :

— Cô cho tôi biết điều đó làm gì ?

Lệ nhìn xuống thấp, nói dứt đoạn :

— Nếu tôi thuộc về anh, của anh, anh sẽ nghĩ khác. Người ta xét việc theo lòng vị kỷ. Tôi nhắc lại... tôi nói với anh để khỏi phải nói một mình. Không, không phải thế. Tôi không thể nói mãi một mình. Có lẽ

tôi cần có một điểm tựa nào đó ở ngoài mình. Có lẽ... tôi muốn là thắng những nếp cảm nghĩ của mình. Tôi có cảm tưởng là một hạt bóng tối và đang loãng tan vào đêm. Tôi sợ hãi sự mất tích đó.

Tôi ngó vào mặt Lệ. Khuôn mặt ấy cũng như trăm ngàn khuôn mặt khác nào có liên hệ gì đến tôi? Nó chỉ ở đấy một lúc nào đó trong tầm nhìn của tôi. Rồi rất có thể sẽ không bao giờ tôi còn trông thấy nữa. Hay dù hoài hoài tôi sẽ còn trông thấy nó thì mọi sự vẫn xảy ra y như đã xảy ra. Tôi làm gì được? Tôi thấy thương hại tôi nghiệp cả tôi, cả Lệ, cả sự bất lực của chúng tôi. Đời sống như một đám cát bị gió cuốn làm bụi mù trong giây lát, rồi tất cả lại rơi xuống sự bình lặng, trơ trụi.

Tôi bảo Lệ :

— Tôi hiểu được điều người ta không thể nói mãi một mình. Nhưng thực ra thì ngôn ngữ là một thứ có sẵn, và nó bao hàm những ý nghĩa đã có sẵn. Vì thế mình cũng không có trách nhiệm gì về những lời mình nói hết. Không có trách nhiệm nên mình cũng không có gì để nói với nhau hết. Chúng mình bị vây bọc và ảnh hưởng bởi một số dày đặc những thứ mình không có trách nhiệm gì hết đó. Và chỉ còn một cách là tự thương lấy mình, đừng hành hạ mình.

Lệ hỏi tôi ngay thơ :

— Vậy, anh cũng không hơn gì tôi sao ?

— Nếu tôi ngu hơn cô thì tôi khá hơn. Nếu tôi khôn hơn, tôi còn tệ hơn nữa.

Lệ cười thỏa thích và chảy nước mắt. Tôi đoán Lệ vui thích và nằng cũng bắt đầu thương hại tôi như tôi đã thương hại nằng.

Lệ nói :

— Chắc tôi không còn kiếm đâu ra một cái gương tốt hơn anh nữa.

Tôi cũng cười (?) bảo nằng :

— Sự ấy không lợi và cũng không có hại gì cho cô hết.

— Vậy anh sống làm gì ? Lệ hỏi.

— Tôi sống để yêu và để tìm ý nghĩa cho cái chết, tôi đáp.

Giọng Lệ khó chịu :

— Vậy, anh có người yêu chưa ?

— Tôi mới 26 tuổi, tôi còn nhiều thì giờ để chờ.

Gió lạnh hơn. Mây bay nhanh từng đàn. Trời bắt đầu sa xuống. Những hạt cát đổ vào tay rào rào. Bọt sóng tung trắng xóa. Bụi nước bắn vào tận chỗ chúng tôi ngồi.

Tôi nói :

— Trời sắp mưa.

Lệ vẫn miên man với ý nghĩ. Nàng hỏi tôi :

— Các anh có cho là các anh có trách nhiệm với chúng tôi, với các em mình không ?

Tôi bắt đầu chán và không còn muốn nói chuyện với Lệ nữa. Nhưng giọng Lệ khẩn khoản. Và tôi phải trả lời.

Tôi đáp :

— Nếu có quyền từ chối, thì tôi không nhận.

— Nghĩa là ... có ?

— Hãy cứ cho là có.

— Vậy, chúng tôi có thể tìm gì ở các anh ? Giọng Lệ dừng dần

Tôi đáp trong khi vẫn để ý đến tiếng sóng bên ngoài và gió mát lùa qua cánh tay và trên tóc :

— Tôi trả lời riêng cho cá nhân mình. Người ta không thể từ chối cái trách nhiệm đó vì nó là một sự kiện tự nhiên, mỗi thế hệ, mỗi lứa tuổi, phải nhận lấy đối với lứa tuổi sau mình. Và điều đó nhiều khi tạo cho tôi có mặc cảm phạm tội. Tôi là một kẻ viển vông, tra suy nghĩ như một cái cây tự mọc lá, chứ không vì trách nhiệm. Cho nên phải tự đặt mình trước trách nhiệm thực sự, thú thật, tôi cảm thấy bối rối. Tôi chỉ có thể trả lời thế này : nếu cần phải chiến đấu, phải chết, như một người lính khi trách nhiệm đòi hỏi, tôi không từ chối. Hoặc nếu người ta chỉ cho tôi biết, tôi nên làm cái gì đó, tôi có thể làm được hơn thế, tôi sẽ làm cái việc đó.

Giọng Lệ áy náy và có vẻ chưa sót :

— Theo anh vừa nói ... thì hình như ý anh cho rằng thường mình là những kẻ không biết rõ khả năng của mình ?

— Riêng về phần tôi, và cho đến lúc này, thì đúng.

— Chúng mình đều tội nghiệp như nhau sao ?

Gió ào tới từng cơn lớn, rọi mát. Tóc Lệ bay xuôi về một phía bên phải. Vai trái nàng nhô cao, thuôn, nhỏ. Trời bắt đầu có hạt nước. Tôi có cảm tưởng Lệ đánh lại như tảng đá.

Tôi hỏi nàng :

— Tôi hỏi cô điều này ... Cô còn thể yêu ai được nữa không ?

Lệ từ từ ngẩng lên nhìn tôi, yên lặng một giây, rồi nàng cười, vui thích. Tôi nhầm lẫn cảm tưởng cho nàng đánh lại, một trạng thái

trái ngược hẳn với tiếng cười kia. Hàm răng Lệ trắng xanh trong bóng tối phủ lấp mặt nàng. Mưa đổ xuống.

Lệ nói :

— Bây giờ anh nghĩ thơ hơn tôi.

Nàng định nói gì nữa nhưng dừng dậy chạy đi. Tôi cười và cũng dừng dậy chạy theo. Mưa đổ xuống rất nhanh. Một phút sau là có cả một trận mưa lớn khắp vùng. Lệ nắm tay tôi chạy về phía hốc núi. Mưa xối xả trên tóc và quần áo hai đứa. Lệ chạy và ngửa mặt hất về đằng trước. Nàng giang cánh tay còn lại ra hứng nước, bàn tay kia Lệ bóp mạnh tay tôi. Nàng cười vui sướng. Sấm chớp ở trên cao. Ánh sáng chớp làm cho da mặt Lệ xanh nhợt. Chúng tôi chạy tới hốc núi. Lệ đứng xây lưng ngả vào thành đá. Nàng thở gấp và cười rữ rượi. Chúng tôi đều ướt đầm. Nước mưa chảy từng giòng trong tóc Lệ. Lệ không cười nữa, nàng ngừng lại nhìn tôi. Một tia chớp xẹt lên. Và tôi lại nhìn thấy vẻ nhợt nhạt của Lệ. Tôi thấy Lệ đẹp hết sức.

Lệ nói với tôi :

— Nếu tôi là người yêu của anh, anh có thể kê đầu tôi lên gối, tôi sẽ ngủ như trẻ thơ và sẽ nằm mơ thấy tiên nếu anh muốn.

Một tia chớp khác bật lên. Lệ ngửa cao mặt, nhắm mắt. Tôi giơ tay vớt những giọt nước trên mặt nàng.

Lệ nói :

— Không, đứa con gái tôi nói với anh khi này không phải là tôi đâu...

Mặt Lệ xanh nhợt.

NGUYỄN ĐÌNH-TOÀN

người cầm bút và

những thiên đường lơ

NGUYỄN HẢI-GIAO

Những biến cố lớn của lịch sử đã làm giao động cả xã hội của chúng ta, sự giao động ấy không phải chỉ có bề mặt mà còn xâm chiếm cả bề sâu, từ tận cùng sự suy tưởng của mỗi cá nhân riêng lẻ. Chúng ta tin, và tin đúng — ít nhất là trên nguyên tắc — những người cầm bút, những người tự đảm nhận sứ mệnh văn hóa sẽ là nhân chứng của thời đại, ghi lại bằng nét đậm trong những tác phẩm nổi niềm bần khổn ray rứt cũng như hoài bão của thế hệ mình. Không thể, tác phẩm chỉ là tác phẩm chết, và người cầm bút chỉ là những phù thủy đọc những bài phù chú tối tăm và vô ích.

Trao lưu văn học của chúng ta từ khi khai sáng nền văn chương Quốc ngữ đã trải qua ba thế hệ rõ rệt. Thế hệ trước 1930, thế hệ của những nhà văn tiên phong đã mở một con đường khá rộng rãi và khoáng đạt cho thế hệ 1930 — 1945, thế hệ của Tự-lực Văn-Đoàn. Và từ 1945 tới nay là thế hệ của chúng ta, thế hệ chưa được mệnh danh.

Chưa được mệnh danh vì nó quá phồn tạp — phồn tạp chứ không phải phong phú — và vì sự lạc lõng trong ý thức của người cầm bút. Xã hội chúng ta đang ở trong một thế quân bình giả tạo đã đột nhiên chịu đựng những biến chuyển khốc liệt, sự tranh chấp giữa các lực lượng đối lập không chỉ giới hạn trong phạm vi chính trị, nó xâm lấn vào một lãnh vực và lôi kéo từ trong tiềm thức đang an hưởng sự bình yên giả tạo kia những phản ứng quá độ.

Chính sự quá độ đã làm chói lòa cái nhìn của người cầm bút và người trong tâm khảm của họ đã thu nhận một sự bất lực.

Bất lực nhưng tự hào (phải chăng tự hào là bản chất cố hữu của người cầm bút vốn vẫn tự đặt mình vào hàng ngũ trí thức!) người cầm bút đã có những thái độ cụ kỷ mâu thuẫn và cũng cụ kỷ phi lý.

Đáng lẽ, do cái tất nhiên của bản thể văn hóa; tác giả, và tác phẩm, phải làm sôi trào cái tâm linh của riêng mình cũng như của thế hệ mình. Tâm linh ấy là sự tập hợp những khắc khoải, những băn khoăn, tất cả những gì làm nên chất liệu cho «đời sống» của cá nhân và của tập thể. Nhưng trái lại, thế hệ văn học của chúng ta đang rơi vào một sự trống rỗng vô biên, người cầm bút chỉ làm công việc ném những viên đá nhỏ vào khoảng trống, và tất nhiên những tiếng vang đã mất hút trong sự sâu thẳm vô cùng ấy.

Sự thất bại của người cầm bút đã thể hiện qua tâm trạng muốn tạo lập nên một thứ thiên đường, *nhưng sự thật chỉ là những thiên đường lỗi*.

Là những thiên đường lỗi, vì nó tự cô lập với thực trạng xã-hội, nó lùi ra xa và giữ một thái-độ khách-quan vô lý. Vô lý vì không thể nào quan-niệm được một thái-độ bất động trong khi mọi thực thể xã-hội đều bị chi phối khắt khe bởi định luật tiến hóa. Khoa học và những tiến bộ của văn minh vật chất đã xô đẩy con người tới ngã ba của lịch sử nhân loại. Nó không cho phép mỗi cá nhân đang tồn-tại — và muốn tồn-tại — mãi mãi hoài tưởng những kỷ niệm vàng son và muốn tạo lập một thứ địa đàng trên những chông gai đang làm rớm máu bàn chân của đoàn người lữ hành về phía tương lai.

Trường-hợp vừa kể là trường-hợp Nhất-Linh.

Nhất-Linh đã có một ngôi thứ thật cao, có thể là cao nhất, trong thế hệ 1930-1945. Trong thế hệ ấy Nhất-Linh đã là một chiến-sĩ quả cảm và không thiếu tài năng để hướng dẫn cả một trào lưu quan-trọng. Chiếc bệ ngọc của Nhất-Linh xứng đáng với sự đóng góp lớn lao của ông. Nhưng đáng lẽ sự đóng góp ấy phải chấm dứt hợp-lý cùng với sự chấm dứt của thế hệ Tự-lực Văn-Đoàn. Và thiên đường rực rỡ ấy sẽ vĩnh-viễn để lại di tích trong lịch sử Văn-học cùng với sự cảm-phục của người sau.

Nhưng Nhất-linh đã muốn tạo lập lại thiên đường của ông trong thế hệ hiện tại, khi mà tâm-trạng xã-hội đã vượt quá xa thế hệ ông. Và tất nhiên thiên đường ấy chỉ là một thứ thiên đường lỗi.

Điều đáng nói không phải là trường-hợp cá biệt của Nhất-Linh, nhưng điều đáng nói là có cả một khuynh-hướng tập hợp bên cạnh trường-hợp ấy. Giải Thưởng Văn-Chương Toàn-Quốc đã xác nhận sự kiện này. Nhật Tiến, Doãn-Quốc-Sĩ, Linh-Bảo đã được lựa chọn để tiêu biểu cho thế hệ Văn-chương hiện tại. Nhật-Tiến, cũng như Doãn-Quốc-Sĩ và Linh-Bảo là những văn tài, nhưng những tác phẩm của

các tác giả dù xuất hiện hôm nay, hay hai mươi năm trước cùng với Nửa chừng Xuân, Gánh Hoàng Hoa .. cũng không hề làm thay đổi giá trị nội tại của các văn phẩm ấy.

Đó chính là điểm đáng ghi nhận.

Chúng ta không thể tìm thấy hình ảnh của chúng ta, thân phận chưa xót và sự day dứt không ngừng của các yếu tố ngoại lai đang tác động vào nhịp sống của mọi cá nhân đang hiện diện. Ý hướng tranh đấu của thể hệ Tự-Lực Văn-Đoàn không phải là ý hướng tranh đấu của thể hệ hôm nay. Các vẻ đẹp mỹ miều, óng ả và thơ mộng của một hình thức văn chương bóng bẩy không cứu vãn nổi những cảm xúc đã nhàm chán. Sự chuyển động của xã hội hiện tại không thể dung hợp với tiếng lau lách ri rào một đêm nào trên bến Tầm-Dương.

Phải can đảm rút bỏ quá khứ khứ và đủ kiên nhẫn đi tìm những ánh hào quang mới.

Đã có những lớp người cần bút làm công việc ấy. Những người này chưa đi trọn con đường của mình và chưa thực sự chứng tỏ một giá trị biểu kiến nào. Ngay từ bây giờ còn quá sớm để có một nhận định đúng đắn về khuynh hướng vừa nói, nhưng phát biểu một vài nhận xét không phải là không hữu ích.

Những người tham gia khuynh hướng mới đa số một tâm hồn trẻ, quá trẻ.

Những tâm hồn trẻ thường dễ dàng chấp nhận những chiều hướng mới, dễ dàng cảm thông cảnh ngộ luôn biến chuyển và không ngại chấp thuận những phiêu lưu. Nhưng đồng thời cũng vì thế mà dễ bị đẩy đi cuộc thử thách, trên con đường đưa tới quá độ.

Sự quá độ là nguyên nhân của thái độ giả tạo, đôi khi thành kênh kiệu và tự tạo cho mình một mặt, xa lạ, xa lạ với chính mình.

Những người cầm bút trôi trên con đường dốc, khi tạm dừng lại, soi bóng mình trong cùng thâm tâm hồn, nơi đầy đủ sự chân thành, ngạc nhiên chợt thấy một hình thù quái dị. Họ đã trở thành những kẻ lạ mang một tâm trạng lạc loài.

Chúng ta đồng ý cuộc đời là một nghi vấn, người cầm bút phải luôn luôn dò hỏi, nhưng cũng phải để cho những phản hưởng tiếng nói của mình đạt tới mức tối đa của sự trung thực. Người cầm bút không thể, và không có quyền, tự tạo quá nhiều tấm chắn phản xạ làm sai lạc những âm thanh trong cuộc đối thoại với cuộc đời.

Cuộc đời là cả nỗi niềm xao xuyến, nhưng cuộc đời không tất nhiên mang ý thức tự hủy, trái lại nó vẫn chứa chan trong nội tại một ý thức tự duy. Bi thảm hóa cuộc đời không phải là một thái độ tất hữu, và nó không phải là lối thoát cho cá thể nhỏ mọn và bơ vơ của chúng ta luôn luôn bị giao động.

Người cầm bút— do sự quá độ muốn đoạt được trong khoảng khắc chân lý cho cuộc thế — có thể lại rơi vào trường hợp tự tạo một thứ thiên đường — hẳn cũng là một thứ thiên đường lở — trong đó gian hãm chính mình là những thiên thần đau khổ.

Nhắc lại ý kiến rằng thế hệ văn chương của chúng ta chưa được mệnh danh, nhưng dù nó được mệnh danh là gì, chắc chắn nó cũng sẽ ghi dấu một giai đoạn chuyển biến mà sự hình thành toàn diện vẫn còn đang đòi hỏi rất nhiều những yếu tố vô cùng phức tạp.

NGUYỄN HẢI-GIAO

có những lúc tôi buồn

Có những lúc tôi buồn

Nỗi buồn tưởng không bao giờ nguôi

Mộng đẹp trong lòng sao xa diệu vợi

Trọn đường trần tôi không thôi theo đuổi

Như theo đuổi vắng trắng

Ngày thơ ầu.

Có những lúc tôi buồn

Nỗi buồn vời vợi mệnh mang

Pha ít nhiều cay đắng

Ồi thời gian, ôi thời gian

Ngày xanh còn đâu nữa, mộng đẹp tàn

Tôi đã phí những ngày tươi đẹp nhất

*Trong suy tư, trong đèn sách, trong gió bụi
đường xa*

Mà không tìm thấy nghĩa cuộc đời

Và cô đơn tôi đi lẫn vào cõi chết

Với đôi bàn tay trắng, đôi chân lạc loài

đôi mắt chẳng biết nhìn đâu

Hỡi Thượng đế, tôi cúi đầu khấn nguyện

Ban Tin Yêu cho ngập trái tim đau

Và ngày kia tôi giã từ dương thế

Thu hồn tôi về Ánh-Sáng-Trắng-Sao.

HẠNH

Ngày cô đơn

THE LONELY DAY

nguyên tác

ERSKINE CALDWELL

người dịch

PHONG-GIAO

Đã một tuần nay sương mù ẩm ướt mùa trọng-hạ, đến từ phương Nam, từ bờ biển, đã bao trùm lên khắp hạt Maine. Từng lớp hơi sương màu xám, là thấp và trải lên khắp vùng giống như làn hơi nước dơ bẩn, đã hạ thấp những chân đồi xuống ngang với những cánh đồng bằng phẳng ; trong khi những ngọn núi cuộn mình trong những đám mây ẩm ướt màu xám và lẫn xa khỏi tầm mắt mãi về phương Bắc, về Gia-Nã-Đại. Bữa qua, làn sương đã bốc cao lên khỏi mái nhà, gần như đã vượt qua khỏi những vòm cây du ; nhưng hôm nay, chúa-nhật, bầu không khí ẩm thấp đã trở thành đầm nước đến nỗi những mắt lưới của tấm màn che cửa sổ đều đã bị bít kín bằng những màng nước mờ đục, vòng vòng.

Katherine bước vội qua nền cỏ ướt ngoài vườn và hối hả vào nhà. Cô nhẹ nhàng mở cửa bếp và chậm chạp đóng lại, đứng dựa lưng vào cánh cửa.

Mụ già lấy cái đầu nặng nề của cây nạng nện lên người cô và chửi rủa âm ỉ. •

Cô gái nhảy choàng lên và chạy sang góc bếp bên kia.

Căn phòng ẩm ướt ngợp những hơi sương trọng-hạ. Có những hạt nước nhỏ đọng trên tấm màn nhện đầy bụi bặm dăng ở phía trên cái lò than, và một giòng nước trong nhỏ giọt không đều, trườn theo chân bàn xuống nền nhà.

« Đi hái cho tao ít trái dâu » mẹ già hét vào mặt cô bé. « *Hãy đi hái cho tao ít trái dâu !* » mẹ ráng sức quát lên. « Mày có nghe thấy tao nói không hở đồ ăn hại ! Hãy đem về cho tao một thùng trái cây trước khi tao kịp quơ cái nạng này mà đập mày chết tốt. »

« Thừa vâng », Katherine thấp giọng nói. « Con đi hái đây. »

« Thế mày còn đợi gì mà không ba chân bốn cẳng đi cho gấp lên. Tao sẽ đập tan sọ mày nếu lúc trở về rồi mày không khôn hồn vác xác cút đi nơi khác ! »

Katherine vợ vội lấy cái thùng đựng trái cây đặt trên mặt bàn giữa bếp và chạy ra ngoài trước khi mẹ già kịp đánh nàng lần nữa. Trong lúc nàng chạy về phía đồng cỏ, sương mù ẩm ướt bám lấy mái tóc và nước mắt tràn xuống đôi gò má ướt đầm. Vườn dâu ở cách bờ suối, tận phía bên kia cánh đồng cỏ chẵn cừu. Viên theo cánh ruộng dâu là Quốc lộ, ngược lên Bắc và xuôi về Nam.

Katherine gắng sức hái thật nhanh những trái dâu ướt. Nàng biết là ngay lúc đó mẹ già đã đợi sẵn ở cửa bếp làm lắm cầm nạng chực bỏ lên đầu nàng vì tội đã không trở về sớm hơn. Nàng hết sức gắng công nhưng rồi cũng chẳng thể hái nhanh.

Cách đó vài trăm thước, nhiều chiếc xe chạy xuôi chạy ngược, đi lên các Tỉnh hoặc trở lại Maine. Bốn phía quanh nàng đều là rừng cả, cánh rừng già thâm u mà chỉ có mùa đông, khi tuyết trắng đã đóng băng, mới có bọn tiểu phu vào đốn gỗ. Bọn người tới làm việc nơi đó toàn là dân Pháp di-cư từ Gia-Nã-Đại sang và Katherine chẳng thể hiểu nổi họ nói những chuyện gì. Giờ đây thì chẳng có một ai quanh đó. Lâm ấp gần nhất cũng cách xa tới bốn chục dặm về mãi phía Nam, và những người duy nhất đi ngang qua khu rừng đều chỉ là bọn du khách, đi ngang qua nhưng không bao giờ ngừng lại, Katherine chưa bao giờ đi xa ra mãi tận ngoài đường, song mỗi lần đi hái dâu nàng đều nghe thấy tiếng rồ máy của những xe hơi phóng nhanh và đôi khi nàng còn nghe thấy tiếng cười của đàn ông lẫn đàn bà. Mẹ già không bao giờ cho phép nàng tới gần đường cái cả.

Trong lúc chăm chú hái dâu nàng tưởng chừng như nghe thấy tiếng một trong những chiếc xe hơi ngừng lại. Lóng tai nghe, nàng thấy tiếng cười đùa từ mé ngoài đường vọng tới, nhưng nàng đứng cách xa quá nên chẳng hiểu người ta nói những gì. Nàng cúi xuống những bụi dâu và hái thật nhanh cho chóng đầy thùng.

Trời ngã trưa trước khi nàng hái được đầy thùng. Nàng chạy về phía nhà là nơi mà mẹ già đang hau háu ngồi đợi.

Trong lúc nàng chạy xuống sườn đồi, về phía giòng suối nằm trong cánh đồng cỏ nuôi cừu nàng lại nghe thấy tiếng cười đùa của nhiều người. Khi đi tới cầu khỉ nàng có thể trông thấy bọn họ như những bóng mờ thoáng hiện qua màn sương. Xa hơn một chút về phía dưới hồ có chừng năm hoặc sáu cặp trai gái trẻ tuổi.

Katherine leo qua cầu khỉ, đi xuống phía giòng suối tới gần bọn du khách đó. Thoạt tiên nàng ngỡ là bọn họ đang câu cá, nhưng đó là điều nàng tưởng tượng khi còn cách xa bọn họ gần một trăm thước. Và rồi nàng trông thấy bọn họ đang bơi lội ở trong giòng suối. Nền mây sà thấp chợt hé sáng dọc theo bờ suối trong chốc lát và nàng trông thấy bọn họ rõ ràng, chỉ còn cách nàng một khoảng trống nhỏ.

Trong khi nàng đứng yên sững sốt ngắm nhìn cảnh đó thì một thiếu-nữ leo lên bờ suối và chạy ra cánh đồng cỏ. Cô gái soay mình lại và cất tiếng gọi một người trong bọn trai trẻ.

« Đố anh bắt được em đấy. Jimmy ơi ! »

Cười ròn rã, cô gái khoả-thân chạy ủa đi và khuất dạng trong làn sương nặng đục.

Những người con trai và gái khác cùng cười ròn rã và tát nước tung toé đùa nghịch trong giòng suối.

Katherine đứng bên giòng suối, phía trên bọn họ. Từ thuở nhỏ nàng chưa từng bao giờ được trông thấy một cảnh tương-tự, và nàng cũng chẳng thể tin là trai và gái lại có thể cùng nhau vui đùa thoải-thích như thế. Thật khó tin đó là cảnh thật, nhưng nàng lại nghe rõ mọi lời họ nói và lại trông rõ mọi việc họ làm. Và đối với nàng đó vẫn còn là không thật. Nàng chưa từng chung đụng với trai gái cùng lứa tuổi và nàng kinh ngạc trước lối sống kỳ dị của bọn khách lạ.

Trái tim nàng khua động quá mãnh liệt khiến nàng không còn thể đứng yên nơi đó lâu hơn. Nàng muốn chạy nhanh bằng tất cả sức mình để nhảy sỏ vào phía giữa bọn trai gái này và cùng cười đùa với họ. Nhưng đột nhiên nàng cảm thấy sức nặng của thùng trái dâu chĩa trên cánh tay, nên nàng soay mình lại và chạy hết sức nhanh trở về nhà nơi mà mẹ già đang nóng lòng chờ đợi.

Mẹ già giằng lấy thùng dâu trên tay cô gái và ngồi ăn ngấu nghiến. Katherine về phòng và đóng cửa lại. Nàng đứng bên giường ru lên vì xúc-động khi hồi tưởng lại những gì nàng đã trông thấy và nghe thấy dưới giòng suối nơi đồng cỏ. Nàng chạy từ cửa sỏ này tới cửa sỏ kia, dương mắt sáng nhìn qua màn sương ẩm ướt. Nếu như trở đừng có hơi sương, nàng biết chắc đã có thể trông thấy bọn trai gái trong đồng cỏ. Nhưng nàng chẳng thể nhìn xa hơn những khung cửa sỏ. Sương mù đã che kín vạn vật bên ngoài.

Trong lúc mẹ già ngồi nhá trái dâu trong bếp Katherine rón rén lén ra phía trước nhà lắng nghe tiếng nói của bọn trai gái. Nàng muốn được chạy đến giữa bọn họ và reo mình nằm xuống nền cỏ ngay bên cạnh họ. Nàng mong muốn được cất tiếng cười ròn rã, được bơi lội trong giòng nước và té nước lên khắp mọi người.

Chạy tới giòng suối, nàng chợt thấy là bọn trai gái không còn nơi đó nữa. Họ đã thu lượm quần áo và quay trở ra xe hơi để mải

và giờ đây có thể là họ đã rời đi xa hàng nhiều dặm đường. Giờ đây nàng chẳng còn làm gì được nữa cả ? Nàng không muốn ở lại giòng suối một mình. Nàng mong muốn được ở đó với người lạ mặt, với bọn trai gái vui cười và té nước đùa rỡ. Đơn côi, nàng đứng khóc bên giòng suối.

Sương mù ẩm ướt làm nàng thấm lạnh và bắt đầu run lên, những giọt nước mắt ẩm áp rơi xuống cánh tay và bàn tay trở thành lạnh và cứng.

Chậm chạp, nàng quay mình lại và đi ngược lên sườn đồi trở về nhà. Nàng nhắc đi nhắc lại những tiếng mà nàng tưởng là đã nghe thấy trong khi nàng sung-sướng chạy xuống giòng suối mấy phút trước đó.

Mụ già không buồn để ý tới nàng. Mụ già còn ngồi trong bếp nhàn nhà ăn nốt thùng dầu mà Katherine đã hái về hồi sớm.

Katherine về buồng ngồi khóc trên mép giường. Nàng nằm ngả người ra và lấy một cái gối đè lên mặt để cho mụ già khỏi nghe thấy tiếng khóc.

Mãi tới chiều tối nàng mới trở dậy. Nàng đi lại quanh phòng, dừng bước trước khuôn cửa sổ và dương mắt cố nhìn thấu qua làn sương mờ sấm là phủ trên mặt đất. Không có ai dòm ngó tới nàng, mà nàng cũng không trông thấy bọn trai gái nào cả. Đó không phải là cảnh đã diễn ra hồi sáng nay trên đồng cỏ khi bầu sương sấm còn tràn ngập những tiếng cười đùa và giòng suối còn tung toé những bọt nước. Thật không phải là cùng cảnh đó. Và nàng chẳng thể cất tiếng cười to.

Sau bữa cơm tối, khi mụ già đã đi ngủ, Katherine lên ra khỏi nhà và chạy băng qua bóng đêm đen tối và ẩm ướt về phía cách đồng cỏ. Khi chạy tới giòng suối, nàng không nhìn thấy gì cả, ngay cả tới nền cỏ dưới chân. Nàng cảm thấy những đám mây hơi ẩm ướt bám sát lấy bốn phía quanh mình. Sương mù, đen đặc bao trùm lên vạn vật. Phía bên kia đồi nàng tưởng chừng như nghe thấy tiếng máy xe hơi phóng nhanh trên đường đi về các tỉnh. Nàng thử một lần nữa song không thể nào lớn tiếng cười trong màn sương ẩm ướt.

Nàng chạy ngang qua cánh đồng dầu tới tận con đường mà xe hơi thường đi ngang. Khi tới đó rồi, nàng đứng ở trên đường và chờ đợi. Lúc đó đã quá nửa đêm. Nàng chờ đợi nhưng không có chiếc xe nào xuôi ngược nữa.

Trong khi đứng ở giữa đường Katherine nghe thấy rõ ràng cái tiếng cười đã kích thích nàng mạnh mẽ hồi chiều. Nàng nghe thấy rành rành tiếng người thiếu nữ. Ai đó vừa gọi « Đố anh bắt được em đây, Jimmy ơi ! » Hầu như liền sau đó có tiếng một người trai trẻ vang lên từ một nơi nào đó trong màn đêm xa vắng. Và rồi, bốn phía

quanh nàng, bọn trai gái cùng la hét, cười đùa, giống hệt như nàng đã nghe thấy bọn họ buổi chiều nay trên đồng cỏ. Từ những âm thanh của những tiếng cười đùa đó nàng biết là bọn họ đang tạt nước nô đùa trong giòng suối và trần truồng nằm dài trên bờ cỏ dọc theo giòng nước. Nhưng họ đã cách xa quá đổi khiến nàng biết chắc sẽ chẳng còn bao giờ gặp lại bọn họ trong lúc vạn-vật đều mịt mù đen tối và ẩm ướt đầm hơi sương.

Katherine chờ đợi và lắng tai nghe tiếng một chiếc xe hơi đi xuôi hoặc ngược con đường. Nhưng không có chiếc xe nào cả. Nàng đứng ở ngay giữa đường và mong đợi những người đàn ông, và những người đàn bà sẽ trông thấy nàng.

* *

Ánh sáng đầu tiên của tuổi bình-minh phá vỡ màn sương và tìm thấy Katherine nằm ở giữa đường. Một chiếc xe hơi lao nhanh trong bóng đêm một giờ trước đó đã cướp đi nguồn sinh-lực tiềm-tàng trong thê xác nàng. Giờ đây nàng nằm đó, bất-động, thân thê trần truồng, và một nụ cười hé nở trên môi mở đầu cho một tiếng cười lớn đã khiến nàng trở nên người đàn bà xinh đẹp nhất mà các du-khách lái xe đi về các Tỉnh, chưa từng bao giờ được chiêm-ngưỡng.

PHONG-GIAO

dịch

GIAN NHÀ BÚP-BÊ

KỊCH BA MÀN

nguyên tác : **HENRIK IBSEN**

người dịch : **VIÊM-ĐÀU**

L.T.S.— Kịch-gia Henrik Ibsen, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1828 tại Skien, một thị-trấn nhỏ ở Na-Uy.

Suốt đời phục-vụ cho kịch-ngệ, Ibsen được mệnh-danh là cha đẻ của sân khấu hiện-thực và có ảnh-hưởng lớn-lao không những ở Âu-Châu mà cả ở Mỹ-Châu.

Những vở-kịch luận-đề của Ibsen, mô tả sự tranh-chấp giữa cá-nhân và xã-hội hiện-đại, đã chứng tỏ sân-khấu là một bộ môn có khi-năng dồi-dào phô-diễn những thảm trạng xã-hội.

Vở-kịch **GIAN NHÀ BÚP BÊ** là một trong những kịch-phẩm tiêu-biểu cho nghệ-thuật đặc biệt của **IBSEN**, mở đường cho sân-khấu mới hiện nay, mà hầu hết các tác-giả từ August Strindberg và Gerhart Hauptmann đến Eugene O'Neill và Arthur Miller đều đã chịu ảnh-hưởng.

Bản dịch dưới đây theo bản tiếng Anh của Trường Đại-Học New-York University với nhan-đề **A DOLL'S HOUSE**. Nguyên-tác bằng tiếng Na-Uy.

NHÂN-VẬT

TRẦN-HOÀNG	Luật-Sư
THU-HÀ	Vợ Hoàng
BÁC-SĨ THĂNG	Bạn Hoàng
TÚY-LINH	Bạn Thu-Hà
NGUYỄN-THẠCH	
BA ĐỪA CON NHỎ của HOÀNG	
VŨ AN	
LIÊN	người làm
MỘT NGƯỜI PHU	

(Kịch xảy ra tại nhà HOÀNG)

MÀN I

Khung Cảnh

Một gian phòng bày biện gọn gàng và hợp thời trang. Cuối phòng, một cánh cửa thông ra phía hữu đưa tới lối vào ; một cửa khác ở phía tả đưa vào văn-phòng của Trần-Hoàng. Giữa 2 cửa là một chiếc đàn dương cầm. Ở khoảng giữa tường bên tả có một cửa lớn và một cửa sổ. Gần cửa sổ : một chiếc bàn tròn, vài chiếc ghế bành và một sofa nhỏ. Phía tường bên hữu và ở cuối phòng, còn có thêm một cửa khác. Cùng phía bên hữu : 2 ghế dựa, một ghế chông chành ; giữa cửa lớn và lò sưởi có một chiếc bàn nhỏ. Sát tường, một tủ-sách nhỏ. Sàn nhà lát thảm, lửa cháy trong lò sưởi. Trời đang mùa Đông.

Có tiếng chuông reo ở lối vào ; sau đó có tiếng mở cửa. Thu-Hà vào nhà, vừa đi vừa khẽ hát, vẻ mặt tươi tỉnh. Tay nàng ôm nhiều gói hàng đặt lên chiếc bàn bên phải. Nàng để cửa ngỏ, và phía ngoài cửa có bóng một NGƯỜI PHU đang mang một cây thông Giáng-Sinh và một túi nhỏ trao cho chị NGƯỜI LÀM ra mở cửa.

THU-HÀ.— Dấu cây thông đi cẩn-thận cho đến chiều nay, Liên nhà ! Đừng cho trẻ con trông thấy, cho đến khi cắm đèn lên cây đấy. (Quay về phía người Phu, móc túi lấy tiền). Bao nhiêu ?

NGƯỜI PHU.— Dạ, xin có 6 đồng.

THU HÀ.— Đây tờ giấy Mười. Thôi, khỏi thối lại. (Người Phu cảm ơn rồi quay đi. Thu-Hà đóng cửa. Nàng cười một mình trong khi cởi bỏ áo khoác ngoài. Nàng lấy một gói kẹo súc-cu-là ra khỏi túi, cho 2 chiếc vào miệng, rồi rón rén đi về phía cửa văn-phòng chồng, cẩn-thận nghe ngóng). Có, anh ấy có nhà (vẫn còn hát khe khẽ, Thu-Hà đi về phía bên bên phải).

TRẦN-HOÀNG.— (Từ trong phòng nói vọng ra). Có phải «chim khuyên» của anh đã về đấy không ?

THU-HÀ.— *(Đang bận rộn mở các gói hàng)* Dạ, phải ạ !

TRẦN-HOÀNG.— Cùng đang ở ngoài ấy đấy à ?

THU-HÀ.— Vâng !

TRẦN-HOÀNG.— Em về từ bao giờ ?

THU-HÀ.— Vừa về xong *(Bỏ gói kẹo vào túi và chùi miệng)* Ra ngoài này anh Hoàng, xem các thứ em vừa mua về.

TRẦN-HOÀNG.— Ừ ti nữa ! *(Lát sau, Hoàng mở nhìn ra, tay hãy còn cầm bút)* Thế nào, em mua tất cả những thứ này đấy à ? Điên thật !

THU-HÀ.— Vâng, nhưng anh à, năm nay chúng mình có thể rộng rãi một chút. Đây là lễ Giáng-Sinh đầu tiên mà chúng mình khỏi cần dành dụm...

HOÀNG.— Nhưng em cũng cần hiểu, chúng mình không thể hoang quá !

THU-HÀ.— Anh sắp được lương cao và có vô-khối là tiền.

HOÀNG.— Ừ, nhưng mãi sang năm kia ; cũng còn phải mấy tháng nữa.

THU-HÀ.— Thì từ nay đến đấy chúng mình có thể vay được mà.

HOÀNG.— Hà, *(Hoàng tiến về phía vợ, véo tai nàng)*. Em vẫn vô tư vô lự như thế. Ví thử, anh đi vay 5 ngàn ngày hôm nay, em đem sắm vung hết vào dịp lễ Giáng-Sinh thế rồi đến cuối tháng, anh bị xe cán chết thì sao ?

THU-HÀ.— *(Lấy tay bịt miệng Hoàng)*. Phỉ phui ! Ai lại nói đại thế ?

HOÀNG.— Nhưng, ví-dụ xảy ra như thế thì sao chứ ?

THU-HÀ.— Nếu xảy ra, thì em nghĩ em không cần biết em có tiền hay không.

HOÀNG.— Được lắm, nhưng còn những người cho mình vay tiền thì sao ?

THU-HÀ.— Những người ấy à ? Ai cần đề ý đến ? Em sẽ không cần biết họ là ai ?

HOÀNG.— Đàn-bà thế đấy ! Nhưng Hà này, anh nói thật đấy, chúng mình sẽ không phải vay mượn gì hết.

THU-HÀ.— *(Tiến về phía lò sưởi)* Nếu anh muốn, anh Hoàng.

HOÀNG.— *(Đi theo Hà)* Cùng của anh không được buồn đấy. Thế nào ? Em giận anh đấy à *(Móc tay vào túi)* Hà, em biết gì đây không ?

THU-HÀ.— *(Quay vội lại)*. Tiền !

HOÀNG.— Đây em cất đi *(Đưa tiền cho vợ)* Em tưởng anh không biết là chúng mình phải tiêu nhiều thứ vào lễ Giáng-Sinh hay sao ?

THU-HÀ.— *(Đếm tiền)* 5, 10, 12, ngàn. Cám ơn anh. Chỗ này em còn có thể tiêu được lâu.

HOÀNG.— Tất nhiên phải thế chứ !

THU-HÀ.— Vâng, nhưng anh lại đây em chỉ cho xem mấy thứ em mua về. Tất cả đều rẻ ghê lắm ! Đây bộ-quần áo mới cho thằng Lâm. Một con ngựa, một cái kèn, một cái kiếm cho thằng Huy. Còn đây con búp bê cho bé Lan. Mấy cái này chắc lắm nhưng rồi chúng nó cũng phá tan ngay. Còn mấy cái này cho vú em, và con Liêm.

HOÀNG.— Còn cái này là cái gì đây ?

THU-HÀ.— *(Kêu)* Ấy không ! Anh không được dờ ra ! Tối nay mới biết được.

HOÀNG.— Được ! Thế bây giờ em nói cho anh nghe, em thích cái gì cho em nào ?

THU-HÀ.— Em ấy à ? Em chẳng thích cái gì cả.

HOÀNG.— Có, em phải thích cái gì chứ. Em thử nói cho em nghe một thứ gì... vừa phải, mà em thích đặc biệt.

THU-HÀ.— Không, em không thể nghĩ ra cái gì em thích cả, trừ phi anh...

HOÀNG.— Sao ?

THU-HÀ.— *(Cúi xuống vẩn vơ vào, và không nhìn Hoàng)*. Anh Hoàng à ! Nếu anh định cho em cái gì thì... anh có thể... có thể...

HOÀNG.— Thì em thử nói anh coi nào !

THU-HÀ.— *(nói mau)* Anh cho em tiền. Anh cho em bao nhiêu cũng được, rồi hôm nào em khắc mua lấy.

HOÀNG.— Nhưng, em...

THU-HÀ.— Không anh Hoàng, Anh cho em tiền cơ ! Rồi em gói vào một gói thật đẹp treo lên cây Giáng-sinh ! Hay đấy chứ anh nhỉ !

HOÀNG.— Thế không trách được, người ta vẫn bảo vung tiền qua cửa sổ là phải !

THU-HÀ.— Vung tiền ! Em biết lắm. Nhưng chiều em đi. Anh Hoàng, rồi thử thả em mới nghĩ được xem em thích cái gì nhất chứ. Thế có phải hơn không ?

HOÀNG.— *(mỉm cười)* Phải ! nghĩa là nếu thực sự em muốn để dành tiền anh cho em rồi mua thứ gì em thích, cho riêng em. Chứ

không phải em đi sầm lung tung mảy thứ không cần thiết ở trong nhà, để anh lại phải bù tiền, thì cũng quá tội!

THU-HÀ.—Ồ, anh Hoàng!

HOÀNG.—Thôi, em đừng cãi nữa. (*vòng tay qua người Thu-Hà*). Em tiêu xài thì biết bao nhiêu cho đủ. Ai ngờ «nàng Tiên» bé bỏng của anh mà lại tốn đến thế.

THU-HÀ.—Anh nói thế mà không biết xấu hổ à? Em để dành tất cả những gì em có thể.

HOÀNG.—(*cười lớn*) Đúng lắm — tất cả những gì em có thể. Nhưng em có để dành được gì đâu?

THU-HÀ.—(*mỉm cười lặng lẽ*). Anh không nghĩ rằng anh với em tốn kém như thế nào à, anh Hoàng?

HOÀNG.—Em giống Ba em như tạc. Em luôn luôn có cớ để anh phải xúi tiền cho em, mà tiền vào túi em thì cứ như nước chảy kẽ tay. Mà cũng chẳng bao giờ em biết tiền đi đâu cả. Có đúng là em giống tính Ba không?

THU-HÀ.—Em ngỡ là em thừa hưởng được nhiều đức tính của Ba đấy chứ.

HOÀNG.—Anh không mong gì hơn là em thế nào thì cứ như thế ấy, cứng ạ. Nhưng em biết không, hôm nay anh thấy em có vẻ làm sao ấy.

THU-HÀ.—Thật à?

HOÀNG.—Em làm sao ấy? Quay lại đây anh coi nào?

THU-HÀ.—(*Nhìn Hoàng*) Thế nào?

HOÀNG.—(*Giơ ngón tay trở vào vợ*) Có phải là cò đã «phá rào» trong khi đi phố ngày hôm nay không?

THU-HÀ.—Không, tại sao anh nghĩ thế?

HOÀNG.—Cô có vào hiệu thợ may không?

THU-HÀ.—Không, em đâu có vào!

HOÀNG.—Không ăn kẹo?

THU-HÀ.—Không, nhất định không!

HOÀNG.—Thế cũng không nếm một miếng súc-cù-là nào à!

THU-HÀ.—Không, chắc chắn không mà!

HOÀNG.—Anh trêu đùa em một tí đấy thôi!

THU-HÀ.—(*Đi về phía bàn bên phải*) Em không nghĩ là em làm ngược lại điều anh muốn.

HOÀNG.— Không, anh chắc thế, em cũng đã hứa với anh rồi (*Đi về phía Hà*). Em hãy giữ bí-mật về quà Giáng-Sinh của em nhé. Đề tối nay khi châm đèn lên cây Giáng-Sinh hăng hay.

THU-HÀ.— Anh có nhớ mời Bác-sĩ Thăng không ?

HOÀNG.— Không. Nhưng không cần. Đẳng nào anh ấy cũng đến ăn cơm với bọn mình. Đề sáng nay khi gặp anh ấy, anh sẽ nhắc lại. Anh có gửi mua rượu vang tốt đấy. Minh đủ thấy là anh nhớ đến buổi chiều nay như thế nào !

THU-HÀ.— Em cũng thế ! Và các con chắc là sẽ thích lắm.

HOÀNG.— Nếu có nhiều tiền thích thật.

THU-HÀ.— Thế thì còn gì thú bằng nữa. Đề em sẽ nói cho anh biết, em định chúng mình sẽ làm gì sau lễ Giáng-Sinh. (*Có tiếng chuông reo ở cửa*) Có ai bấm chuông. Thật là phiền.

HOÀNG.— Nếu có khách, nhớ bảo anh đi vắng nhé.

CHỊ NGƯỜI LÀM.— (*Đứng ở cửa*) Có một Bà nào hỏi Mợ.

THU-HÀ.— Mời Bà ấy vào !

CHỊ NGƯỜI LÀM.— (*Nói với HOÀNG*). Thưa Cậu, có cả Bác-sĩ cũng vừa đến.

HOÀNG.— Ông ấy có vào thẳng văn-phòng không ?

CHỊ NGƯỜI LÀM.— Dạ, có ạ !

(*Hoàng đi vào văn-phòng. Chị Người Làm mời Túy-Linh vào nhà rồi đóng cửa*).

TÚY LINH.— (*giọng nhỏ nhẹ*) Chào chị Thu-Hà !

THU-HÀ.— (*nghi ngại*) Không dám, chào bà.

TÚY-LINH.— Chắc chị không nhận ra em.

THU-HÀ.— Không, tôi không nhớ — À, hình như... (*chợt nhớ ra*) Thôi phải rồi ? Túy-Linh — Trời ơi, chị Túy-linh đấy à ?

TÚY-LINH.— Phải, Túy-Linh đây !

THU-HÀ.— Thế mà em không nhận ra chị khổ quá, (*giọng dịu dàng*) Trông chị có vẻ khác trước chiều.

TÚY-LINH.— Vâng, em thay đổi nhiều—chín, mười năm rồi còn gì !

THU-HÀ.— Đã lâu lắm chúng mình không gặp nhau. Tám năm qua, nhờ giới, em cũng được sung sướng chị ạ, không ngờ, bây giờ lại được gặp chị ở đây. Mà sao giữa mùa đông lạnh này chị lại đi xa thế.

TÚY-LINH.— Em vừa xuống xe lửa sáng nay.

THU-HÀ— Ăn lễ Giáng-Sinh ở đây hả. Vui lắm chị ạ! Chúng mình sẽ cùng ăn lễ Giáng-Sinh với nhau. Mời chị hãy bỏ áo ngoài, đến bên lò sưởi này. Chị không lạnh chứ. Ấy chị ngồi cái ghế bành này. Để em ngồi chiếc ghế chông chành (*nằm tay Túy-Linh*). Bây giờ thì trông chị vẫn như trước. Chỉ thoát đầu, em thấy chị hơi xanh một chút, có lẽ hơi nhỏ người đi một tí.

TÚY-LINH— Và già đi nhiều, Hà ạ!

THU-HÀ— Có lẽ hơi già, hơi một tí thôi. Chắc chắn là không nhiều (*chợt ngừng lại và nói nghiêm chỉnh*). Em thật vô tâm quá, toàn nói làng nhàng, chị Túy-linh tha lỗi cho nhé?

TÚY-LINH— Hà định nói gì thế?

THU-HÀ— (*dịu dàng*) Chị ở góa rồi, chị Túy-linh!

TÚY-LINH— Phải. Ba năm rồi.

THU-HÀ— Có, em có biết. Em định bụng viết thư cho chị, thế rồi cứ lần lữa mãi.

TÚY-LINH— Minh hiểu Hà mà.

THU-HÀ— Em thật tệ quá. Thế anh mất đi có để lại gì không?

TÚY-LINH.— Không!

THU-HÀ,— Anh chị cũng không có cháu nào?

TÚY-LINH.— Không.

THU-HÀ.— Hoàn toàn không có gì cả?

TÚY-LINH.— Không đến cả nỗi u buồn để mà ấp ủ.

THU-HÀ.— (*Nhìn Túy-Linh một cách ngáy thơ*) Thế hở chị Linh?

TÚY-LINH.— (*Mỉm cười buồn rầu*) Đôi khi thế đấy, Hà ạ.

THU-HÀ.— Chị trợ trợ có một mình. Thế thì buồn chết được. Em có ba cháu kháu khỉnh lắm. Chúng nó chạy đi chơi cả rồi, không có đứa nào ở đây. Nhưng chị kể cho em nghe hết đi.

TÚY-LINH.— Không. Em muốn nghe về chị.

THU-HÀ.— Không, chị phải kể trước đã. Hôm nay em phải được nghe chuyện của chị. À nhưng em muốn báo chị biết điều này. Chị có biết năm nay chúng em gặp vận may ghê lắm không?

TÚY-LINH.— Không, thế nào?

THU-HÀ.— Nhà em vừa được cử làm Giám Đốc Ngân-Hàng?

TÚY-LINH.— Anh Hoàng ấy à! Em có lời mừng chị.

THU-HÀ.— Vâng, thật là may. Làm Luật-sư thì bấp bênh lắm. Nhà em vẫn không thích, mà em cũng đồng ý như vậy. Sang năm, anh ấy mới nhận việc ở nhà Bàng, sẽ được khá lương và nhiều phụ cấp. Chúng em sẽ có một cuộc sống khác hẳn. Em thấy, thật dễ chịu và sung sướng, chị ạ. Sống sung túc, có nhiều tiền, không phải lo toan gì cả, thật là thú-vị, có phải thế không chị ?

TÚY-LINH.— Có được những thứ mà mình cần thì hẳn là thú vị rồi.

THU-HÀ.— Không, không phải chỉ những thứ mình cần, mà đây những tiền, vô số là tiền.

TÚY-LINH.— (*Mỉm cười*). Hà ơi, Hà có nhớ hồi tụi mình còn đi học, Hà nổi tiếng tiêu xài dữ lắm không ?

THU-HÀ.— (*Cười lớn*). Vâng, đúng như anh Hoàng vừa nói ban nãy. (*Giơ ngón chỉ về Túy-Linh*). Nhưng mà « Hà... Hà... » không đến nổi như chị tưởng đâu. Chúng em chưa đến lúc được tiêu xài. Cả hai vợ chồng đều phải làm việc.

TÚY-LINH.— Cả Hà cũng phải làm việc nữa à ?

THU-HÀ.— Vâng, ngày đực ngày cái, thuê thửa, đan lát, những việc đại-khái như thế. (*Hạ giọng*). Và còn nhiều việc khác nữa. Nhà em bỏ việc khi cưới em. Làm việc công-sở không ăn thua gì, anh ấy cần kiếm nhiều tiền hơn trước. Nhưng trong năm đầu tiên, anh ấy làm nhiều quá. Anh ấy cần kiếm tiền bất cứ cách nào. Nhưng rồi lao lực quá anh ấy ốm nặng. Bác-sĩ bảo phải đi đổi gió.

TÚY-LINH.— Hình như, anh chị ở hẳn một năm bên Ý-Đại-Lợi.

THU-HÀ.— Vâng đúng vậy. Nhưng đi như thế đâu phải chuyện dễ. Bảy giờ, em sinh thằng cháu Lâm, nhưng cũng đành phải đi. Được cái ở bên Ý thật dễ chịu và nhà em khỏi bệnh. Tốn tiền lắm chị ạ !

TÚY-LINH.— Cái ấy đã hẳn.

THU-HÀ.— Tốn hàng trăm ngàn ấy . . .

TÚY-LINH.— Trong hoàn cảnh cần kíp như vậy, thật may mà có tiền.

THU-HÀ.— Em phải nói là tiền ấy của Ba em !

TÚY-LINH.— À, ra thế. Ông Cụ cũng mất vào dịp ấy, thì phải !

THU-HÀ.— Vâng. Lúc ấy em đang sắp ở cũ và nhà em ốm nặng quá, thành thử em không về thăm Ba em được, và chẳng còn bao giờ được thấy mặt ông Cụ nữa. Thật từ ngày về nhà chồng, chưa bao giờ buồn thăm như thế.

TÚY-LINH.— Thế rồi anh chị đi Ý-Đại-Lợi ?

THU-HÀ.— Vâng, chúng em có tiền, và bác-sĩ cứ nhất định bảo phải đi. Một tháng sau thì lên đường.

TÚY-LINH.— Lúc về anh ấy hoàn toàn bình phục ?

THU-HÀ.— Nhà em khỏe và mập hẳn ra.

TÚY-LINH.— Nhưng . . . Thế còn Bác-sĩ đâu ?

THU-HÀ.— Bác-sĩ nào ?

TÚY-LINH.— Vừa rồi con nhỏ nói cái ông đến đây cùng một lúc với em là Bác-sĩ.

THU-HÀ.— Đây là Bác-sĩ Thăng, nhưng ông ta không đến thăm bịnh. Bác-sĩ Thăng là bạn thân của nhà em, vẫn đến chơi hàng ngày. Từ dạo ấy đến giờ, nhà em không hề đau yếu, các cháu cũng khỏe lắm. Em cũng thế (*nhảy lên vỗ tay reo*). Chị Túy-Linh ơi ! Thật sung sướng được hưởng cuộc sống đầy hạnh-phúc trên đời này ! Ồ nhưng xấu quá, toàn nói chuyện về em thôi. (*Ngồi gần Túy-Linh*). Chắc chị bức mình lắm nhỉ. Có thật chị không yêu anh ấy không ? Tại sao chị lại lấy anh ấy ?

TÚY-LINH.— Hồi ấy Bà Cụ còn sống nhưng nằm liệt giường, mà em thì cần giúp cho 2 đứa em nhỏ, nên không từ-chối lời cầu hôn của anh ấy.

THU-HÀ.— Có lẽ chị có lý. Anh ấy giàu lắm hả.

TÚY-LINH.— Nhà em có tiền, nhưng việc kinh-doanh không có căn-bản, đến khi nhà em mất thì chẳng còn gì.

THU-HÀ.— Thế chị xoay xỏa ra làm sao ?

TÚY-LINH.— Thì cũng dành chạy vạy, gặt đâu hay đó. Lúc đầu em mở một cửa tiệm nhỏ, sau dạy mấy lớp tiểu-học, rồi cứ thế lần hồi. Mấy năm vừa rồi thật đầu tắt mặt tối. Bây giờ thì đỡ rồi, Bà Cụ được mở yên mà đẹp, mấy đứa em nhỏ cũng đã kiếm được việc làm.

THU-HÀ.— Hoàn-cảnh chị bây giờ thế là dễ-chịu rồi.

TÚY-LINH.— Trái lại. Em cảm thấy cuộc đời trống rỗng không thể tả được. Em hy-vọng ở đây để kiếm được việc làm khiến em bận rộn. Nếu có công việc gì đều đặn, như làm ở công-sở hay hãng nào đó thì hay quá.

THU-HÀ.— Nhưng làm thế thì mệt chết. Trông chị có vẻ yếu lắm. Chị đi đâu nghỉ ngơi dưỡng sức một thời gian có hơn không ?

TÚY-LINH.— (*Đi ra phía cửa sổ*) Em không còn Ba em để cho em tiền đi du-lịch.

THU-HÀ.— Ồ em xin lỗi. Chị đừng giận em.

TÚY-LINH.— *(Đi về phía Thu-Hà)*. Không ! Chính em xin lỗi chị thì mới phải. Ở hoàn cảnh như em bây giờ, nên để trở thành chua chát. Không còn phải lo toan gì nữa, nhưng cuộc sống vẫn bất ổn. Ai cũng phải lo kiếm ăn, thành ra ích-kỷ. Khi chị nói chị gặp vận may, chị đâu có hay...

THU-HÀ.— Chị định nói... Thôi, em hiểu ý chị muốn Hoàng thu xếp cho chị một việc gì chăng ?

TÚY-LINH.— Chính thế.

THU-HÀ.— Nhà em thế nào cũng giúp chị, chị Linh ạ. Đề em bảo nhà em. Em rất sung sướng được giúp chị phần nào.

TÚY-LINH.— Cảm ơn lòng tốt của Hà. Nhất là Hà lại ít biết về nỗi vất vả khó khăn ở đời.

THU-HÀ.— Em ấy à ? Chị bảo em không biết vất vả là gì à ?

TÚY-LINH.— *(mỉm cười)* Đó là những chuyện vất vả trong xó nhà ! Hà hãy còn trẻ con lắm.

THU-HÀ.— *(ngẩng cao đầu đi về phía góc nhà)* Chị không nên có giọng kẻ cả như thế.

TÚY-LINH.— Không à ?

THU-HÀ.— Chị cũng lại như những người khác. Ai cũng bảo là em không làm nổi việc gì cho ra hồn, là em không được cái tích sự gì cả ở trên cõi đời này những sự lo toan này.

TÚY-LINH.— Thế Hà chẳng vừa kể những nỗi lo lắng của Hà là gì ?

THU-HÀ.—Ồ. Đấy chỉ là một chuyện vặt *(Hà giọng)* Chị chưa biết còn chuyện quan trọng hơn nhiều.

TÚY-LINH.— Chuyện gì thế ?

THU-HÀ.— Tất cả mọi người coi thường em, cả chị nữa. Nhưng chị không nên thế. Chị kiêu hãnh, có phải thế không ? Chị kiêu hãnh vì đã làm việc quá nhiều để giúp người khác.

TÚY-LINH.— Quả thế nhưng mình không coi thường ai cả.

THU-HÀ.— Em nghĩ là em cũng có quyền kiêu hãnh như chị.

TÚY-LINH.— Thì Hà có quyền như vậy chứ sao ? Nhưng Hà định nói gì mới được chứ ?

THU-HÀ.— Khế chứ, không có nhà em nghe thấy. Không một ai được biết chuyện này, không một ai ngoài chị.

TÚY-LINH.— Nhưng cái gì mới được chứ ?

THU-HÀ.— Chị lại đây *(Thu-Hà kéo Túy-Linh cùng ngồi xuống)*

xổ pha) Em sẽ nói cho chị biết tại sao em kiêu hãnh và sung sướng. Chính em đã cứu sống Hoàng.

TÚY-LINH— « Cứu sống »?

THU-HÀ.— Thật đấy ! Em vừa kể chuyện đi Ý-Đại-Lợi. Nếu không đi thì nhà em chẳng còn sống đến ngày nay.

TÚY-LINH— Nhưng ông cụ giúp tiền kia mà !

THU-HÀ— Phải, nhà em và những người khác vẫn nghĩ như vậy, nhưng...

TÚY-LINH— Nhưng...

THU-HÀ— Ba em chẳng cho một xu nào cả. Chính em kiếm lấy.

TÚY-LINH— Tất cả chỗ tiền ấy hay sao ?

THU-HÀ— Phải tất cả chỗ ấy. Hai trăm năm chục ngàn ! Chị nghĩ thế nào ?

TÚY-LINH— Nhưng làm sao Hà lại kiếm được món tiền như thế ? Trúng số à ?

THU-HÀ.— Trúng số thì còn nói làm gì ?

TÚY-LINH— Thế thì ở đâu ra tài thế ?

THU-HÀ— *(hát se sẽ trong miệng và mỉm cười ra vẻ bí mật)* Hừ... Hừ... A ha !

TÚY-LINH— Vì Hà đâu có thể đi vay được ?

THU-HÀ— Sao lại không ?

TÚY-LINH— Không, một người vợ không thể đi vay nếu không được chồng đồng ý.

THU-HÀ— *(hất hàm)* Nhưng nếu một người vợ khéo xoay xỏa một tí, và khôn ngoan một tí thì...

TÚY-LINH— Mình không hiểu Hà nói gì cả.

THU-HÀ— Chị khỏi cần hiểu. Em có nói là em đi vay đâu. Em có thể có cách khác *(Ngả mình vào thành ghế)* Chẳng hạn có mấy anh chàng mê em.. Khi một người xinh đẹp như em thì...

TÚY-LINH— Hà thật là điên rồ.

THU-HÀ— A, thế bây giờ chị lại tò mò muốn biết chị Túy-Linh !

TÚY-LINH— Mình bảo thật, Thu-Hà, có phải Hà đã đại dột không ?

THU-HÀ— Đại dột là thế nào ? Cứu sống chồng mình mà là đại dột à ?

TÚY-LINH.— Mình cho là Hà đã kém thận trọng nếu anh Hoàng không biết là...

THU-HÀ— Không được, không thể để nhà em biết được. Chị không biết thế hay sao ? Em không thể để nhà em biết về tình trạng sức khoẻ rất đáng ngại của anh ấy. Chính bác sĩ đã gặp riêng em và

nói cho em biết bệnh của nhà em nguy hiểm chỉ có cách đi về miền Nam mới mong cứu được. Lúc đầu em phải nói khéo, tựa hồ như chính em muốn đi du-lịch, y như những cặp vợ chồng trẻ khác; em phải van nài nhà em chiều em mà cho em đi. Em hơi dă động đến việc đi về tiền thì nhà em không bằng lòng bảo là em không biết suy tính gì cả. Nhưng em nghĩ bụng, em cần phải lo cho nhà em, không thể dể th được... Sau em đành dấu nhà em mà tính riêng vậy.

TÚY-LINH.— Thế không bao giờ anh ấy hỏi ông cụ để biết không phải tiền của ông Cụ à ?

THU-HÀ.— Không, vì Ba em mất vào dịp ấy. Em đã có ý khôn cho nhà em biết nên yêu cầu nhà em đừng bao giờ dă động đến chuyện ấy nữa — Vả lại anh ấy cũng đang yếu, em không muốn anh ấy bận tâm

TÚY-LINH.— Thế từ bấy đến giờ, cũng không cho anh ấy biết gì cả

THU-HÀ.— Không chứ! Ai lại nói làm gì? Chị không biết tin nhà em khải lắm. Nhà em không bao giờ chịu nhờ cậy ai bao giờ, nơ ra chỉ thêm rắc rối.

TÚY-LINH.— Chị định không bao giờ nói cho anh biết hay sao

THU-HÀ.— *(có vẻ suy nghĩ và cười nửa miệng)* Vâng — có lẽ rồi em cũng phải nói. Sau nhiều năm nữa, khi nào em già đi, xấu đi. Em muốn nói khi nào Hoàng không còn chăm sóc đến em như bây giờ nữa. Khi em vui đùa, hay sắm sửa không làm anh ấy chú ý nữa... Thì mình phải có cái khác chứ..Ồ, vô lý quá nhỉ... Em chắc chẳng bao giờ như thế cả. Chị nghĩ thế nào về sự bí mật của em, chị Linh? Chị còn nghĩ là em vô tích sự nữa hay không? Việc này cũng làm em lo lắng không ít. Mình phải giả lãi, mà có phải mỗi lúc mình giả đúng hạn được đâu. Phải giặt gấu vá vai, mà tiền đi chợ cũng phải chi nhiều, đầu c lột xén được... Tiền nhà em đưa may sắm cho các cháu thì em phí tiêu hết cho chúng nó.

TÚY-LINH.— Thế là bao nhiêu vốn liếng riêng của chị phải để ra cả ?

THU-HÀ.— Vâng đúng thế. Lúc nào nhà em cho em tiền sắm quần áo, em lại cất riêng đi. Bao giờ em cũng chỉ ăn mặc xơ rách. Được cái, em mặc áo nào trông cũng gọn mắt, nên nhà em không để ý. Đôi khi em thấy cũng phải cố gắng lắm chị ạ — ăn diện chả thích hơn à ?

TÚY-LINH.— Thì vẫn !

THU-HÀ.— Thành thử, em phải nghĩ cách kiếm tiền. Hồi năm ngoái, em nhận mỗi hàng áo trẻ con về cất. Đêm nào em cũng phải thức thật khuya, nhưng em thấy thích lắm.

TÚY-LINH.— Làm như thế, chị giả được đến đâu rồi ?

THU-HÀ.— Em cũng chẳng biết nữa. Dành dụm được nghìn nào em giả luôn nghìn ấy. Nhiều lúc em ngồi nghĩ lẫn thân giá có lão giá giàu có nào nó cảm mình...

TÚY-LINH.— Cái gì ! Ai thế ?

THU-HÀ.— Khê chứ ! — Có lão nhà giàu nào đó cảm mình, đến lúc chết nó viết chúc thư để của lại cho mình : « Bà Trần-Hoàng khả-ái được hưởng trọn những động sản của tôi, trả ngay bằng hiện-kim. »

TÚY-LINH.— Nhưng lão giá nào thế hở Hà ?

THU-HÀ.— Chẳng có ma nào hết ! Ấy là em vẫn ngồi đây mà tưởng-tượng ra thế đấy chứ, mỗi khi em không còn cách gì kiếm ra tiền. Nhưng bây giờ thì em khỏi lo rồi... (*Nhảy lên vỗ tay*) Chà, thích quá chị Túy-Linh ! Khỏi lo ! Em không còn phải lo lắng gì hết nữa. Hoàn toàn không phải lo gì cả. Bây giờ em có thể tha hồ vui đùa với các cháu, em có thể sắm sửa theo ý thích của anh Hoàng. Hết mùa Đông, sang Xuân, trời xanh đẹp, biết đâu nhà em lại chẳng đưa em đi tắm biển. Cứ nghĩ mà thú quá, chị ạ. (*có tiếng chuông reo*).

TÚY-LINH.— (*Đứng dậy*) Có ai bấm chuông ; có lẽ em nên về !

THU-HÀ.— Không, chị ở chơi đã ; không ai vào đây đâu. Chắc là khách của nhà em.

NGƯỜI HẬU GÁI.— Thưa Bà, có ai hỏi ông, ông vẫn còn đang có khách.

THU-HÀ.— Ai thế ?

NGUYỄN-THẠCH.— (*Đứng ở cửa*) Thưa bà, tôi đây ạ ? (*Túy-Linh, hơi bối rối quay về phía cửa sổ*).

THU-HÀ.— (*Tiến về phía Nguyễn-Thạch hỏi sáng giọng, nói khẽ*). Cái gì thế ? ông muốn gặp nhà tôi có việc gì ?

NGUYỄN-THẠCH.— Chuyện nhà Băng. Tôi có công việc ở nhà Băng. Và tôi nghe ông nhà sẽ là thượng cấp của tôi.

THU-HÀ.— À, ra thế !

NGUYỄN-THẠCH.— Hoàn-toàn chuyện làm ăn, thưa Bà ; ngoài ra không có gì khác cả.

THU-HÀ.— Nếu vậy, mời ông vào văn-phòng. (*Thu-Hà khẽ cúi đầu, lãnh đạm, rồi đóng cửa quay về phía lò sưởi*).

TÚY-LINH.— Ai thế hở chị ?

THU-HÀ.— Một Luật-sư tên là Nguyễn-Thạch.

TÚY-LINH.— À ra hân ta đấy à ?

THU-HÀ.— Chị biết hân à ?

TÚY-LINH.— Trước đây kia — Lâu lắm rồi. Có lần hẳn mở văn phòng ở tỉnh em.

THU-HÀ.— Phải.

TÚY-LINH.— Trông hẳn ta khác trước nhiều.

THU-HÀ.— Hẳn buồn về chuyện vợ con nhiều lắm.

TÚY-LINH.— Hẳn góa vợ rồi thì phải ?

THU-HÀ.— Ừ . . . với một đàn 7 đứa con. A lửa cháy rồi. *(Đóng cửa lò sưởi, quay ra phía ghế chông chành).*

TÚY-LINH.— Thấy nói hẳn ta chạy nhiều việc lắm mà.

THU-HÀ.— Thế à ? Có thể lắm. Em cũng chẳng biết nữa. Nhưng thôi chúng mình đừng nói đến công việc nữa, mệt lắm.

THĂNG.— *(Ra khỏi phòng Hoàng. Trước khi khép cửa còn qua lại nói với Hoàng).* Thôi, thôi, tôi không muốn phiền anh. Tôi muốn nói chuyện với chị một lát *(khép cửa quay lại, nhìn thấy Túy-Linh)* Xin lỗi, tôi có làm phiền các bà không ?

THU-HÀ.— Không đâu ạ, mời anh ngồi chơi *(giới-thiệu)* Bác-s Thăng, chị Túy-Linh.

THĂNG.— Tôi vẫn được nghe nhắc đến Bà ở đây. Dường như hai nãy tôi đi qua Bà ở dưới cầu thang ?

TÚY-LINH.— Vâng, tôi đi chậm lắm. Tôi không quen lên cầu thang.

THĂNG.— Chắc trong người Bà không khỏe.

TÚY-LINH.— Không đâu ạ, tôi làm việc nhiều thành hơi nhọc

THĂNG.— Bà ở tỉnh lên chơi.

TÚY-LINH.— Tôi lên đề kiếm việc.

THĂNG.— Đấy là cách đề bà khỏi mệt nhọc ?

TÚY-LINH.— Ai thì cũng phải sống chứ, thưa Bác-sĩ ?

THĂNG.— Vâng, mọi người vẫn thường nói thế.

THU-HÀ.— Còn anh, anh cũng phải sinh sống chứ ?

THĂNG.— Cái đó đã hẳn. Dù thế nào thì tôi cũng muốn kéo dài những ngày cuối cùng càng lâu càng hay. Tất cả những bệnh nhân củi tôi đều thế cả. Cả những người ốm yếu tinh-thần nữa ; một trong những ấy đang ngồi nói chuyện với anh Hoàng ở trong kia.

TÚY-LINH.— *(Buồn rầu).* A ! . . .

THU-HÀ.— Anh định nói ai ?

THĂNG.— Một Luật-sư tên là Nguyễn-Thạch, chắc chị không biết đâu. Hắn bị bệnh tinh-thần và nói rằng cuộc sống của hắn tối ư hệ trọng.

THU-HÀ.— Thế à ? Hắn muốn nói gì với nhà tôi ?

THĂNG.— Tôi không rõ ; tôi chỉ nghe loáng thoáng thấy nói chuyện Nhà Bàng.

THU-HÀ.— Tôi không biết đấy. Hắn ta đâu có dính dáng gì với nhà Bàng.

THĂNG.— Có, hắn có việc làm ở đó.

THU-HÀ.— *(Suy nghĩ một lát rồi cười lớn).*

TÚY-LINH.— Chị thích cái gì mà cười dữ thế.

THU-HÀ.— *(Mỉm cười và hát khẽ).* À chuyện riêng của tôi. *(Đi lại trong phòng)* Anh Thăng này, có phải tất cả những người làm ở nhà Bàng đều ở dưới quyền nhà tôi phải không anh ? Hừ . . . *(lấy gói kẹo ở trong túi ra).* Anh Thăng, mời anh soi chiếc kẹo.

THĂNG.— Súc cù-là à ? Tôi tưởng ở nhà này không bao giờ được ăn kẹo kia mà.

THU-HÀ.— Vâng, nhưng chị Túy-Linh vừa mới đem cho ?

TÚY-LINH.— Ấy, đâu có !

THU-HÀ.— Chị khỏi lo ! Chị không biết là nhà em cấm em ăn kẹo, sợ bị hỏng răng. Nhưng mà thỉnh thoảng ăn một chiếc cũng không sao, phải không Bác-sĩ — Mời anh, chị xơi một chiếc, chị Linh. Em cũng phải ăn một chiếc, có lẽ em ăn hai chiếc. *(Đi lại trong phòng).* Em sung sướng quá chừng. Trên đời này không còn gì làm em sung sướng hơn nữa.

THĂNG.— Cái gì thế ?

THU-HÀ.— Có một chuyện tôi muốn nói ghê lắm, nếu anh Hoàng chịu nghe tôi.

THĂNG.— Sao chị lại không nói ?

THU-HÀ.— Không, tôi không dám ; kỳ cục quá ?

TÚY-LINH.— Kỳ cục à ?

THĂNG.— Nếu thế, thì tôi không khuyên chị nói với anh ấy. Nhưng với chúng tôi, chị có thể nói được.

THU-HÀ.— Tôi muốn nói ra lắm — Nhưng tôi, tôi chịu thôi !

THĂNG.— Chị là lạ quá ?

TÚY-LINH.— Chị Hà !

THĂNG.— Thì chị cứ nói đi ! anh ấy ra kia kia.

THU-HÀ.— *(Giấu gói kẹo)*. Suyt ! Suyt !

(Hoàng từ trong phòng đi ra khoác áo ở tay và cầm mũ.)

THU-HÀ.— Thế nào, anh Hoàng, còn ông khách quý của anh không ?

HOÀNG.— Hắn ta đi rồi !

THU-HÀ.— Để em giới thiệu với anh, chị Linh vừa lên chơi.

HOÀNG.— Tôi xin lỗi ! Hình như...

THU-HÀ.— Chị Túy-Linh ấy mà ! Em vẫn nói chuyện !

HOÀNG.— À vâng ! Chị là bạn học cũ của nhà tôi.

TÚY-LINH.— Vâng, trước chúng tôi cùng học một lớp.

THU-HÀ.— Chị ấy đi hàng bao nhiêu cây số lên đây để gặp anh đấy.

HOÀNG.— Em nói sao ?

TÚY-LINH.— Không, thực ra, tôi...

THU-HÀ.— Chị Túy-Linh thạo về kế toán lắm và chị ấy muốn kiếm chỗ làm tốt để trau dồi thêm.

HOÀNG.— Thế ạ, chị...

THU-HÀ.— Và khi biết tin anh làm Giám đốc Ngân-Hàng, chị vội vàng lên đây. Em chắc anh sẵn sàng giúp chị ấy, chứ anh.

HOÀNG.— Cái đó chắc cũng có thể ! Chị có kinh nghiệm về sách kế toán.

THU-HÀ.— Vâng, tôi đã từng làm công việc ấy !

HOÀNG.— Vâng, thế để tôi liệu thu xếp xem, may ra có chỗ làm cho chị.

THU-HÀ.— *(vỗ tay reo)* Đấy em bảo chị mà !

HOÀNG.— Chị đến may vừa gặp lúc đấy chị Linh ạ ! Ở Ngân-Hàng đang cần một người quen việc.

TÚY-LINH.— Xin đa tạ anh.

HOÀNG.— Có gì đâu chị *(khoác áo)* Nhưng hôm nay thì tôi phải xin kiểu, đi có chút việc.

THĂNG.— Anh Hoàng chờ tôi đi một thể.

THU-HÀ.— Anh đi chừng nào về ?

HOÀNG.— Một lát thôi. Độ một tiếng đồng hồ !

THU-HÀ.— Chị cũng đi hay sao chị Linh ?

TÚY-LINH (*khoác áo*). Vâng, em phải đi kiếm một căn phòng.

THU-HÀ.— Mời chị cùng đi với chúng tôi.

THU-HÀ.— (*giúp Túy-Linh khoác áo*) Chúng em muốn mời chị ở lại đây, chỉ sợ các cháu nó nghịch ngợm quá.

TÚY-LINH.— Thôi không dám phiền Hà, cảm ơn Hà nhiều.

THU-HÀ.— Chiều mời chị lại nhà. Cả anh Thăng nữa, chiều mời anh lại xơi cơm. Không ! Thế nào cũng lại đấy ! (*có tiếng trẻ con ở phía cửa*).

THU-HÀ.— Bọn trẻ đã về rồi ! (*Nàng chạy ra cửa. Vũ An đi vào cùng ba đứa trẻ*) Bé Lan ra đây với mẹ nào. Chị xem cháu có khát không, chị Linh.

HOÀNG.— Chúng ta đi thôi, chị Linh. Để cho mấy má con nó ở nhà với nhau.

(*Hoàng, Thăng và Túy-Linh cùng xuống cầu thang. Vũ em vào nhà với mấy đứa trẻ. Thu-Hà đóng cửa ngoài*).

THU-HÀ.— Ô, sao mặt mũi đỏ gay hết cả thế này (*Mấy đứa trẻ cùng nói chuyện tíu tít trong khi Hà nói chuyện với chúng*). Thế nào, đi chơi có thích không ? Thế nào con Lan đây anh Lâm với anh Huy té lăn cù hả ? Cả hai đứa một lúc à ? Chúng mày to đầu mà đoảng lắm. Vũ đưa bé Lan cho tôi một lát nào ! (*Bế bé Lan khỏi tay và An và nhẩy vòng quanh nhà*) Được, được, để mẹ sẽ nhẩy với Huy. Cái gì ! Lấy tuyết ném nhau hả, Thảo nào mà tay chân cứng cả lại, đi vào cả trong này mẹ cởi áo cho. (*Vũ An vào phòng bên trái. Thu-Hà cởi mũ áo cho con trong khi chúng vẫn bi bô nói chuyện*).

THU-HÀ.— Thế hả ! Con chó bẹc-giê nó đuổi con hả ? Chó bẹc-giê đâu có cắn trẻ con. A thằng Lâm không được mấy gói me để trên bàn đấy nhé. Không, không được nào — Đừng có hư. Ra đây chơi bịt mắt bắt dê — Thằng Huy đi núp trước đi ! Mẹ núp hả ? Được ! Mẹ đi núp trước.

(*Thu - Hà và bọn trẻ con cười đùa vang nhà. Một lát sau có tiếng gõ cửa, nhưng không ai để ý. Cảnh cửa bé mở và Nguyễn-Thạch xuất hiện. Mấy mẹ con vẫn vui đùa*).

NGUYỄN-THẠCH.— Xin lỗi Bà !...

THU-HÀ.— (*Đang quỳ gối dưới nền nhà, vội quay người đứng lên*) A ! Ông hỏi gì thế ?

NGUYỄN-THẠCH.— Xin lỗi, cửa ngoài gió thổi tung. Hình như có ai quên đóng.

THU-HÀ.— Nhà tôi đi vắng rồi.

NGUYỄN-THẠCH.— Vâng, tôi biết thế.

THU-HÀ.— Thế ông còn vào đây làm gì?

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi có câu chuyện muốn nói với bà.

THU-HÀ.— Với tôi? (nói với bạn trẻ giọng dịu dàng) Các con vào nhà chơi nhé. Làm sao? Không, ông ấy không bắt mẹ đâu. Bao giờ khách về mẹ lại chơi với các con (Nàng đưa các con vào buồng bên trái và đóng cửa cẩn thận) Ông muốn nói chuyện với tôi?

NGUYỄN-THẠCH.— Vâng, thưa Bà.

THU-HÀ.— Hôm nay à? Hôm nay đâu đã phải đầu tháng?

NGUYỄN-THẠCH.— Vậy hôm nay không phải đầu tháng mà là trước lễ Giáng-Sinh — Bà muốn ăn lễ Giáng-Sinh vui vẻ hay không cái đó là tùy ở Bà.

THU-HÀ.— Ô hay, ông muốn gì mới được chứ? Hôm nay, tôi nhất định không thể nào...

NGUYỄN-THẠCH.— Chuyện đó để sau hẵng hay. Bây giờ tôi có chuyện khác nói với bà. Bà có thể cho tôi mấy phút được không?

THU-HÀ.— Được... ông cứ nói.

NGUYỄN-THẠCH.— Tốt lắm. Tôi ngồi ở quán bên kia đường và thấy ông nhà vừa đi xa.

THU-HÀ.— Đúng.

NGUYỄN-THẠCH.— Cùng với một bà nữa.

THU-HÀ.— Thế thì sao?

NGUYỄN-THẠCH.— Liệu tôi có thể hỏi bà, đây có phải là bà Túy-Linh hay không?

THU-HÀ.— Đúng.

NGUYỄN-THẠCH.— Vừa mới ở dưới tỉnh lên.

THU-HÀ.— Phải, vừa hôm nay.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà ấy là bạn thân của bà.

THU-HÀ.— Phải, nhưng chúng tôi ít gặp nhau...

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi cũng có biết bà ấy cách đây đã lâu.

THU-HÀ.— Có, tôi có biết.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế hả? nếu vậy bà biết rõ mọi chuyện. Tôi cũng đoán thế. Bây giờ tôi hỏi bà có phải bà Linh sẽ có việc làm ở nhà Bàng không?

THU-HÀ.— Ông có quyền gì mà hỏi tôi như thế. Ông chẳng qua chỉ là một nhân viên dưới quyền nhà tôi. Nhưng ông đã hỏi, thì tôi nói cho ông biết. Bà Linh sẽ vào làm ở nhà Băng. Và chính tôi đã xin cho bà ấy.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi đoán không sai mà !

THU-HÀ.— (*Đứng dậy đi về phía cuối phòng*) Đôi khi một người đàn bà cũng có thể lực chứ, ông nên hiểu rằng ở địa vị một nhân viên cấp dưới thì nên tránh đừng chọc vào những người...

NGUYỄN-THẠCH.— Có thể lực ?

THU-HÀ.— Đúng thế.

NGUYỄN-THẠCH.— (*đổi giọng*) Bà Hoàng, xin bà vui lòng dùng thể lực của bà để giúp tôi !

THU-HÀ.— Cái gì ? Ông nói cái gì ?

NGUYỄN-THẠCH.— Xin bà làm ơn giúp để tôi được giữ địa vị một nhân viên cấp dưới ở nhà Băng.

THU-HÀ.— Tôi không hiểu ông định nói gì ? Ai sa thải ông ra khỏi nhà Băng.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà khỏi cần làm ra vẻ không biết gì đến chuyện ấy. Tôi thừa hiểu rằng bà bạn của bà không đến nỗi nào lại phải tìm cách bắt căng tôi như vậy, và tôi cũng thừa hiểu là ai đã..

THU-HÀ.— Tôi cam đoan với ông là..

NGUYỄN-THẠCH.— Thôi, thôi tôi hiểu. Nhưng đã đến lúc tôi khuyên bà nên dùng thể lực của bà để ngăn cản việc ấy.

THU-HÀ.— Nhưng, tôi không có một chút thể lực nào cả.

NGUYỄN-THẠCH.— Thật thế ư, thưa bà ? Tôi nghĩ rằng bà vừa nói khỏi miệng xong.

THU-HÀ.— Dĩ nhiên tôi không nghĩ là ông lại vin vào đấy. Tôi ấy à ? Tại sao ông lại cho rằng tôi có ảnh hưởng với nhà tôi trong những việc như thế ?

NGUYỄN-THẠCH.— Ồ, tôi được biết ông nhà từ ngày còn đi học. Ông nhà cũng chẳng hơn gì những ông chồng khác đâu.

THU-HÀ.— Nếu ông còn nói xấu nhà tôi, tôi sẽ mời ông ra khỏi cửa ngay lập tức.

NGUYỄN-THẠCH.— Xin bà đừng nóng tính quá thế !

THU-HÀ.— Tôi không còn sợ ông đâu. Từ nay đến ra giềng là tôi thanh toán hết mọi việc.

NGUYỄN-THẠCH.— (*Trầm tĩnh*) — Bà Hoàng! Nếu cần, tôi sẽ bảo vệ đến cùng chỗ làm của tôi ở nhà Bểng cũng như tôi bảo vệ chính tính mạng tôi vậy.

THU-HÀ.— À ra thế đấy!

NGUYỄN-THẠCH.— Không phải chỉ vì số lương của tôi ở đấy đâu! Thực ra, thì điều ấy đối với tôi không nghĩa lý gì. Còn một lý do khác... ừ, tôi nói đề bà biết cũng không sao. Tình trạng của tôi bây giờ là thế này: cách đây mấy năm, có lần tôi bị lỗi thôi..

THU-HÀ.— Hình như tôi có nghe thấy ai nói rồi.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi không bị đưa ra tòa, nhưng sau đó tôi không thể làm ăn gì được. Tôi đành phải chạy áp-phe như bà đã biết. Tôi cần phải làm một cái gì; thực-thà mà nói, tôi không đến nỗi là một người tồi tệ. Nhưng bây giờ thì tôi không muốn lỗi thôi nữa. Các con tôi đã lớn, vì tương-lai của chúng nó tôi không muốn bị mang tai mang tiếng. Việc làm ở nhà Bểng là bước đầu giúp tôi làm lại cuộc đời. Thế mà bây giờ ông nhà lại sắp sửa đẩy tôi xuống đất đen.

THU-HÀ.— Nhưng ông hiểu cho rằng, tôi không thể làm gì để giúp ông được.

NGUYỄN-THẠCH.— Đó là tại bà không muốn giúp tôi. Nhưng tôi đã có cách.

THU-HÀ.— Ông định nói cho nhà tôi biết là tôi vay tiền của ông hay sao?

NGUYỄN-THẠCH.— Ừ... Thí dụ như thế?

THU-HÀ.— Nếu vậy ông thật là một người kinh tởm (*nực nở*) Nhà tôi mà biết được tất cả những điều bí-mật đã từng làm cho tôi kiêu hãnh và vui sướng, mà lại do chính mồm ông nói ra một cách xấu xa bỉ ổi như thế.. Nhà tôi mà biết được thì khó chịu quá.

NGUYỄN-THẠCH.— Chỉ khó chịu không thôi à?

THU-HÀ.— Ừ đấy! Nói đi — ông mà nói ra thì đừng có hòng gì nữa. Nhà tôi sẽ thấy ông là hạng người như thế nào, và chắc chắn ông cũng không giữ được việc làm của ông đâu.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi hỏi bà có phải bà chỉ sợ cảnh khó chịu trong gia-đình thôi hay sao?

THU-HÀ.— Thì cùng lắm, nhà tôi sẽ trả hết chỗ tiền tôi thiếu ông, và chúng tôi sẽ chẳng còn dính dấp gì với ông.

NGUYỄN-THẠCH.— (*Tiến thêm một bước tới gần Thu-Hà*) Bà Hoàng, bà hãy nghe tôi. Nếu không phải bà kém trí nhớ thì quả bà không biết điều tí nào. Tôi buộc lòng phải nhắc lại với bà một vài chi tiết.

THU-HÀ.— Ông định giữ trò gì thì cứ bảo.

NGUYỄN-THẠCH.— Khi ông nhà ốm nặng, bà đến hỏi vay tôi hai trăm năm chục ngàn.

THU-HÀ.— Lúc bấy giờ tôi không biết hỏi vay ai nữa.

NGUYỄN-THẠCH.— Tôi có hứa đưa cho bà số tiền ấy với một vài điều kiện. Bà còn đang rối lên vì bệnh tình của ông nhà và quá cần tiền nên không để ý gì đến những điều-điện giữa tôi với bà. Thành thử, nếu tôi có nhắc lại những điều-kiện ấy thì cũng không phải qua đáng. Tôi có hứa đưa tiền cho bà nếu bà chịu ký giấy nợ do tôi lập ra.

THU-HÀ.— Có, tôi đã ký.

NGUYỄN-THẠCH.— Đồng ý như vậy. Nhưng dưới chữ ký của bà còn có mấy giòng chữ của ông Cụ bảo đảm cho món nợ. Ông Cụ phải ký nhận vào đấy.

THU-HÀ.— Thì Ba tôi ký chứ sao ?

NGUYỄN-THẠCH.— Chỗ ngày, tháng tôi bỏ trống ; thế nghĩa là ông Cụ phải điền ngày tháng vào đấy khi đặt bút ký. Bà có nhớ như thế không ?

THU-HÀ.— Có, tôi nhớ.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế rồi tôi đưa tờ giấy đề bà gửi cho Ông Cụ. Có phải không ?

THU-HÀ.— Phải.

NGUYỄN-THẠCH.— Tất nhiên là bà gửi đi ngay, vì chỉ 5 hay 6 ngày sau, bà đã đưa trả tôi tờ giấy có chữ ký của ông Cụ. Sau đó tôi giao tiền cho bà.

THU-HÀ.— Đúng thế. Thế thì có gì lời thôi.

NGUYỄN-THẠCH.— Có chứ, sao không. Lúc bấy giờ chắc bà đang trải qua một sự thử thách ghê gớm.

THU-HÀ.— Dĩ nhiên.

NGUYỄN-THẠCH.— Lúc ấy ông Cụ đang ốm nặng lắm thì phải

THU-HÀ.— Ba tôi đang hấp hối.

NGUYỄN-THẠCH.— Và ông Cụ mất chóng lắm.

THU-HÀ.— Phải.

NGUYỄN-THẠCH.— Thế bà có nhớ ông Cụ mất vào ngày nào không ? Tôi muốn nói đúng ngày nào trong tháng ấy.

THU-HÀ.— Bà tôi mất vào ngày 29 tháng 9.

NGUYỄN-THẠCH.— Đúng như thế. Tôi cũng đã đi hỏi và biết là Ông Cụ mất đúng vào ngày ấy. Và chính vì vậy mà có chỗ đáng ngờ (*móc tờ giấy trong túi ra*).

THU-HÀ.— Ngờ ở chỗ nào ? Tôi không biết.

NGUYỄN-THẠCH.— Ngờ ở chỗ ông Cụ ký vào giấy nợ này 3 ngày sau khi Ông Cụ mất.

THU-HÀ.— Ông định nói gì tôi không hiểu.

NGUYỄN-THẠCH.— Ông Cụ mất ngày 29 tháng 9. Nhưng bà thử nhìn xem. Ông Cụ điền vào đây ngày mùng 2 tháng 10. Bà có thấy như thế là lạ không ? (*Thu-Hà im lặng*). Bà có thể cắt nghĩa. (*Thu-Hà vẫn im lặng*). Còn điều này nữa này, mấy chữ «mùng 2 tháng 10», không phải là nét chữ của Ông Cụ mà là nét chữ tôi thấy quen quen. Như thế cũng đủ rõ lắm rồi. Ông Cụ rất có thể quên không đề ngày và người nào đã đề bừa vào đây trước khi biết tin Ông Cụ mất. Nhưng như thế cũng không sao. Điều cần là ở chữ ký ; chữ ký này đúng là của Ông Cụ, có phải thế không bà Hoàng ? Có phải chính tay Ông Cụ đã ký vào đây không ?

THU-HÀ.— (*Im lặng một lát, rồi ngừng đầu, vẻ thách thức*). Không, không phải. Chính tôi đã mạo chữ ký Ông Cụ !

NGUYỄN-THẠCH.— Bà có biết như thế là thú nhận một cách nguy hiểm không ?

THU-HÀ.— Nguy cái gì mới được chứ ? Ông sẽ nhận đủ số tiền tôi thiếu ông !

NGUYỄN-THẠCH.— Bà cho tôi hỏi một câu : Tại sao bà không gửi giấy nợ cho Ông Cụ ?

THU-HÀ.— Không thể làm như thế được. Ba tôi đang đau nặng. Nếu tôi yêu cầu Ông Cụ ký, tôi phải nói rõ tôi dùng tiền ấy để làm gì. Mà chính Ông Cụ đang ốm nặng, tôi không thể nói tánh mạng nhà tôi đang lâm nguy, không thể thế được.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà có biết như thế là đã lường gạt tôi không ?

THU-HÀ.— Tôi bất cần nghĩ tôi điều đó. Lúc bấy giờ tôi bất chấp mọi sự đối với ông. Tôi không thể chịu được sự vô lương tâm của ông. Ông đã làm khó khăn khi thừa biết nhà tôi đang ở tình trạng nguy hiểm như thế nào.

NGUYỄN-THẠCH.— Bà không hiểu rõ là bà đã phạm vào tội gì à. Cái việc tôi làm, khiến tôi mất hết cả thanh danh cũng không đến nỗi như việc làm của bà.

THU-HÀ.— Ông ấy à ? Ông mà còn dám mở mồm hỏi tôi câu ấy à ? Liệu ông có đủ can đảm khi cần cứu sống vợ ông không ?

NGUYỄN-THẠCH.— Tỉnh là tỉnh, lý là lý. Luật pháp đâu cần biết chỗ đó.

THU-HÀ.— Thế thì đó là một thứ luật pháp mù quáng.

NGUYỄN-THẠCH.— Mù quáng hay không mù quáng vẫn là luật-pháp mà bà sẽ bị xét xử nếu tôi đưa vụ này ra Tòa.

THU-HÀ.— Tôi không tin như vậy. Liệu một người con có quyền tránh cho người cha hấp hối mọi nỗi âu lo phiền muộn hay không ? Liệu một người vợ có quyền cứu sống chồng mình hay không ? Tôi không biết nhiều về Luật, nhưng tất phải có những đạo luật cho phép những việc làm như thế chứ ! Ông là Luật-sư mà không biết tí gì về những luật pháp như thế à ? Ông chỉ là một Luật-sư hạng bét, ông Thạch ạ !

NGUYỄN-THẠCH.— Có lẽ. Nhưng liệu trong những vụ như vụ này chẳng hạn bà có cho là tôi dốt đặc không biết một tí gì không ? Được ! Bà cứ làm theo ý bà. Nhưng cho phép tôi nói điều này : nếu tôi bị mất việc một lần thứ hai, thì bà cũng sẽ không xong với tôi. *(Nguyễn-Thạch ngả đầu chào rồi đi thẳng ra cửa).*

THU-HÀ.— *(Có vẻ suy nghĩ một lát).* Vô lý ! Vô lý thực. Nó lại dám dọa mình như thế à ! Mình đâu có phải xoàng như nó tưởng. *(Thu dọn bàn ghế)* Nhưng mà !.. không, không thể được !

MẤY ĐUÔI TRẺ.— *(Đứng ở cửa buồng ở bên trái)* Má ơi ! Cái ông gì ấy đi rồi hử má !

THU-HÀ.— Ừ, ông ấy đi rồi ! Không được nói với ai về ông khách ban nãy nghe không ! Cả Ba nữa, không được nói cho Ba biết !

MẤY ĐUÔI TRẺ.— Không đâu Má ạ ! Nhưng má đến chơi với tụi con nữa đi !

THU-HÀ.— Không, không ! Bây giờ không được !

MẤY ĐUÔI TRẺ.— Nhưng Má hẹn tụi con rồi mà !

THU-HÀ.— Ừ, nhưng bây giờ không được ! Chạy đi chơi đi. Má còn phải làm nhiều việc lắm. Đi chơi đi ! *(Nàng đẩy bọn trẻ vào buồng, khóa cửa lại, rồi ra ngồi ở ghế Sofa, cầm cuộn len lên đan, nhưng lại ngừng lại ngay)* Hừ ! không được ! *(Nàng vứt cuộn len xuống ghế, đứng dậy đi ra phía cửa gọi lớn)* Liên ơi ! Đem cây thông lên đây tao *(Đi ra chiếc bàn phía trái, mở ngăn bàn rồi ngừng lại)*Ồ không thể được ! không thể nào được !

ĐUÔI HẦU GÁI.— *(Đi vào mang cây thông).* Đẻ ở đâu hử mẹ ?

THU-HÀ.— Đây, để ở giữa này cho tao.

ĐUÔI HẦU GÁI.— Có phải lấy gì nữa không ạ ?

THU-HÀ.— Thôi được rồi !

(ĐUÔI HẦU GÁI đi ra).

THU-HÀ.— *(bắt đầu trang hoàng cây Giáng-Sinh)* Một cây nến ở đây! Mấy cái hoa ở chỗ này... Ôi thằng cha thật đáng ghét, thật vô lý hết sức — Thôi sắp thế được rồi. Cây thông này thật là đẹp. Em sẽ làm mọi thứ để vừa lòng anh, anh Hoàng ạ! Em sẽ hát cho anh nghe, múa cho anh coi *(Hoàng đi vào, cầm mấy thứ giấy tờ ở tay)* Ôi! Anh đã về đấy à?

HOÀNG.— Ừ. Có ai vừa ở đây không?

THU-HÀ.— Ở đây? Không, có ai đâu!

HOÀNG.— Lại nhỉ? Anh vừa thấy thằng Thạch nó đi xuống đường.

THU-HÀ.— À có, em quên mất. Hắn vừa ghé vào đây một lát.

HOÀNG.— Hà! Anh nhìn cử chỉ của em anh cũng biết là nó đến van nài em nói với anh.

THU-HÀ.— Vâng, có thể.

HOÀNG.— Và em có vẻ đã tự ý nhận lời, em lại còn dấu không cho anh biết nó đến đây. Nó cũng yêu cầu em như thế à?

THU-HÀ.— Vâng, nhưng anh này...

HOÀNG.— Em có thể làm những việc như thế à? Nói chuyện với hạng người như nó, hứa hẹn với nó như vậy? và lại còn nói dối anh nữa?

THU-HÀ.— Em nói dối anh à?

HOÀNG.— Thế em chả vừa nói không có ai ở đây là gì? *(Trở tay vào vớ)* Bận sau em không được thế nữa nghe không? *(Vòng tay qua lưng vợ)* Duyên dáng như em không được nói sai một lời nào bao giờ! có đúng thế không? *(Buông vợ ra)* chúng ta sẽ không bao giờ nói chuyện này nữa *(Đến ngồi bên lò sưởi)* Chà ấm quá! *(giở giấy tờ ra đọc)*.

THU-HÀ.— *(im lặng một lát bên cây Giáng-sinh)* — Anh Hoàng ạ?

HOÀNG.— Gì thế em?

THU-HÀ.— *(Đến đứng sau lưng ghế Hoàng)* — Anh bạn không anh Hoàng?

HOÀNG.— Sao?

THU-HÀ.— Những giấy này là giấy gì thế?

HOÀNG.— Giấy tờ ở nhà Băng đây mà?

THU-HÀ.— Anh đã làm việc ở nhà Băng rồi à?

HOÀNG.— Không! Đây là Ông Giám-Đốc cũ bằng lòng để anh sắp đặt lại một vài công việc cần thiết. Anh định xem xét trong mấy ngày nghỉ này để qua năm, mọi việc ổn-định đâu vào đấy khỏi lộn xộn.

THU-HÀ.— Thảo nào mà lão Thạch...

HOÀNG.— Hừm !

THU-HÀ.— (*Tựa lưng vào thành ghế, vuốt tóc Hoàng*) — Nếu anh không bận, thì thế nào em cũng anh chiều em . . .

HOÀNG.— Thì bao giờ anh chả chiều em !

THU-HÀ.— Anh chọn màu áo khéo lắm. Em muốn anh đi chọn áo cho em, xem em mặc màu nào hợp.

HOÀNG.— A Hà ! Thế ra bây em lại cần đến anh trong việc ấy !

THU-HÀ.— Có chứ. Em không biết phải mặc kiểu áo nào, nếu anh không quyết định hộ em.

HOÀNG.— Được ! Để anh đi lựa cho em.

THU-HÀ.— Anh đáng yêu lắm, anh Hoàng. (*Đi ra phía cây Giàng-Sinh — Ngừng một lát*). Mấy cái hoa đỏ này đẹp đấy chứ, anh nhỉ ? À mà anh này, lão Luật-sư Thạch bị rắc-rối về vụ gì thế . . .

HOÀNG.— Hắn giả mạo chữ ký của người khác. Em thấy thế nào ?

THU-HÀ.— Có thể vì cần quá mà hắn phải làm như vậy.

HOÀNG.— Có thể, hay là vì làm ầu. Thiếu gì người vẫn làm ầu như vậy. Anh không đến nỗi quá khắt khe đối với một người, chỉ vì một chuyện như vậy.

THU-HÀ.— Tất nhiên rồi. Em biết anh đâu có khắt khe anh nhỉ ?

HOÀNG.— Nhiều người vẫn giữ được tư cách của họ sau khi đã nhận lỗi của mình và chịu nhận hình phạt !

THU-HÀ.— Hình phạt ?

HOÀNG.— Nhưng đảng này, nó lại không thế. Lão Thạch lại giờ thủ-đoạn của nó ra để che mắt thiên-hạ.

THU-HÀ.— Nhưng anh có nghĩ là...

HOÀNG.— Là một đứa lưu manh như nó lại còn dối trá, đóng kịch với mọi người. Anh thế tưởng-tượng được là nó lại có thể cứ đeo cái mặt nạ ấy với những người thân thuộc của nó, ngay cả trước mặt vợ, con nó. Nhất là con nó, thế mới tởm chứ.

THU-HÀ.— Sao lại thế.

HOÀNG.— Bởi vì một bầu không khí dối trá như thế sẽ đầu độc toàn thể cuộc sống gia-đình. Mỗi một hơi thở của trẻ con trong một mái nhà như thế sẽ nhiễm đầy mầm mống tội lỗi xấu xa.

THU-HÀ.— (*Đến gần chồng*). — Anh có cháo như thế không ?

HOÀNG.— Em ạ, anh được trông thấy đầy rẫy những cảnh như thế trong cuộc đời làm Luật sư của anh. Em vẫn chả thường thấy

người ta nói : phúc đức tại mẫu mà ! Phần nhiều do ảnh hưởng của người mẹ.

THU-HÀ.— Sao anh lại chỉ nói do ảnh hưởng của người mẹ thôi ?

HOÀNG.— Phần nhiều là thế, tất nhiên người cha cũng có ảnh hưởng chứ. Lão Thạch này nó đầu độc con cái nó bằng những lời dối trá, che đậy ; vì vậy anh mới bảo là nó mất hết tư-cách. (*giơ tay về phía Thu-Hà*) chính vì vậy mà anh muốn em phải hứa là đừng có bênh vực cho nó nữa. Đi ra đây với anh. Ra đây anh bảo. Làm sao thế là xong rồi. Anh đã bảo em là anh không thể nào làm việc với một người như thế.

THU-HÀ.— (*Kéo tay ra khỏi tay Hoàng, đi vòng ra phía bên kia cây thông*) — Ở đây nóng quá.. Em còn bao nhiêu việc phải làm nữa.

HOÀNG.— (*Xếp gọn mấy thứ giấy tờ*). — Ừ ở đây nóng thực. Anh còn phải đọc hết chỗ này trước khi ăn cơm. Và còn phải nghĩ đến áo của em nữa chứ. (*Đề tay bên trán vợ*) Cung của anh ngoan nhé ! (*Đi vào trong phòng riêng và đóng cửa lại*).

THU-HÀ.— (*một lát sau—khẽ thở dài*) : không được ! không đúng ! không thể nào thế được.

(*Vú An mở cửa phía bên trái*).

VÚ AN.— Mợ xem, mấy đứa này cứ đòi ra với mợ đây này !

THU-HÀ.— Không, không, không được. Không được để chúng nó đến gần tôi. Vú ở trong ấy với các em, nghe không ?

VÚ AN.— Vâng ạ (*Đóng cửa*).

THU-HÀ.— (*Mặt tái nhợt*). Làm hư hỏng bọn chúng nó ? Đầu độc chúng nó ? (*Một lát. Ngừng đầu*). Hừ, đâu có đúng. Đâu 'có thể nào như thế được.

(MÀN HẠ NHANH)

(*Còn nữa*)

cô độc

*Tôi sống giữa tình-thương
Mà như người cô độc.
Như kẻ khát yêu-đương.
Nỗi buồn dâng bão tố
Lòng sầu sâu giếng khơi
Tâm-hồn không lối ngõ
Vương-vương ngợp mây trời.
Miệng cười che cay đắng
Cờ đau nuốt lệ rơi.
A ha ! đâu hạnh-phúc
Trên sân khấu cuộc đời.*

ĐOÀN VĂN

ĐEN VÀ TRẮNG

Vụ Sinh-Viên da đen James Meredith xin nhập học một trường Đại-Học da trắng và bị từ chối đã kết thúc. Những người yêu và không yêu nước Mỹ, những người khâm phục và không khâm phục dân tộc Mỹ đã nhận xét và phê phán «vấn đề của Sam» dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

James chỉ là một cá nhân trong hàng triệu cá nhân những người có màu da đen ở Hoa-Kỳ và ở Nam-Phi. Vấn đề không phải là James được hay không được gia-nhập trường Đại-Học da trắng vì không thiếu gì những trường Đại-Học dành riêng cho dân da đen. Nhưng vấn đề là lương-tri của nhân loại giữa thế-kỷ 20 có chấp nhận sự phân biệt giá trị giữa con người và con người bởi màu da hay không?

Có người tự hỏi chẳng hiểu tại sao Thượng-Đế lại trổ trêu tô điểm cho dân da đen cái màu đen tối ấy ! Ông Adam và bà Eva đen hay trắng, hay vàng ? Nhưng thật ra không cần phải chất vấn Thượng-Đế mới có thể quan-niệm nổi sự bình đẳng giữa con người với con người dưới bất cứ màu da nào, chỉ cần chất vấn một lương-tâm trong sạch là đã có được câu giải đáp.

Người dân Mỹ tất cũng đã từng nhiều lần chất-vấn lương-tâm mình. Lý luận không cho phép người Mỹ trắng kỳ thị những « đồng bào đen » nhưng những xúc động tình cảm vẫn ưu thắng trong một nhiều số đầu óc con, cháu, chắt, chít những trại chủ các cánh đồng bông bát ngát miền Nam. Những xúc động tình cảm ấy vừa là những tự tôn mặc cảm, vừa là những thành kiến di-truyền.

Nói đến thành kiến là nói đến bức tường của sự ngoan-cổ, vừa cảm, vừa diếc, vừa ngạo mạn và vừa khó lay chuyển trong chốc lát. Thành-kiến được xây lên với thời-gian thì cũng chỉ có thể phá bỏ với thời-gian.

Sự thật, dân tộc Mỹ không được đại-diện bởi một viên Thống-Đốc Tiểu-Bang, một viên Đại-Tướng đã hồi hưu... Dân-tộc Mỹ được đại-diện bởi vị Bộ-Trưởng Tư-Pháp trẻ trung và cương quyết — Robert Kennedy — bởi vị Tổng-Tổng quả cảm và khả ái — John F. Kennedy — bởi hàng triệu những tâm hồn thực tế, khao-khát tiến-bộ, công bình, tình yêu, tự-do và bác ái...

Vấn đề Meredith không nên đặt quá lớn, nó bất công đối với dân tộc Hoa-Kỳ, dân tộc tràn đầy tinh-thần biên-cương, đã trưởng thành với một tốc độ kỳ-lạ. Nhưng cũng không nên bỏ quên « những Meredith và số phận của hắn » mặc dù dân tộc Mỹ đang phải thử thách trong nhiều giao động lớn lao hơn — giao động tại Cuba, tại Bá-Linh, tại khắp nơi trên thế giới...

Và đề cho niềm thông cảm được trọn vẹn, chúng tôi xin ghi nhận dưới đây một đoạn trong bức thư của một bạn Sinh-viên (luật khoa) nhờ chúng tôi gửi tới các bạn Sinh-viên Hoa-Kỳ.

Vài ý nghĩ của người Sinh Viên Việt gửi người Sinh Viên Mỹ (đen và trắng).

Vụ Sinh Viên Meredith đã chấm dứt. Kết quả chúng ta đều rõ, anh đã nhập học — tương đối bình yên — cùng các bạn da trắng.

Mọi tâm hồn ưa chuộng tự do và bình đẳng đều hoàn bỹ. Kể cả các quốc gia Cộng Sản thù nghịch cũng phải ca ngợi thái độ của Tổng Thống Kennedy, Pháp Viện và đa số công dân Hoa-Kỳ — trừ một thiểu số — đã cương quyết hành động cho lẽ phải, cho lương tâm nhân loại và cho sự hòa đồng trong ý thức hệ của con người ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Chúng tôi muốn gửi bàn tay thân ái đến anh James và các bạn cùng chung lý tưởng.

Nhưng một thành kiến được xây dựng qua nhiều thế kỷ không phải dễ dàng xóa bỏ trong phút chốc. Các bạn còn phải tiếp tục chiến đấu lâu dài với những cố rễ ăn sâu vào tâm não của một thiểu số. Chúng tôi cầu chúc các bạn thành công.

Mọi màu da, mọi biên thù, mọi ngôn ngữ... không làm phân cách chúng ta. Tất cả chúng ta chỉ bao gồm vào một thực thể duy nhất : con người. Con người với tất cả xúc động, ham muốn, đau khổ, hy vọng, thương yêu...

Chúng tôi muốn nhắc lại ở đây sự phẫn nộ của văn hào Shakespeare đối với sự bực đãi dân tộc Do-Thái (và da đen) :

« Một người Do-Thái không có mắt hay sao ? »

Người Do-Thái không có tay, các bộ phận, sự cân đối, những giác quan, tình thân mến và những sự ham muốn ? Nếu các anh đâm, chúng tôi không chảy máu hay sao ? Nếu các anh làm cho buồn cười, chúng tôi không cất tiếng cười hay sao ? Nếu các anh đầu độc, chúng tôi sẽ không chết hay sao ? Và nếu các anh xúc phạm đến chúng tôi, chúng tôi sẽ không trả thù hay sao ? »

(Hath not a Jew eyes ? Hath not a Jew hands, organs, dimensions, senses, affections, passions ? If you prick us, do we not bleed ? If you tickle us, do we not laugh ? If you poison us, do we not die ? And if you wrong us, shall we not revenge ? — Shakespeare)

Chúng tôi muốn thêm : « Nếu các anh tỏ tình thân mến, chúng tôi lại không thân mến các anh hay sao ? Nếu các anh đưa tay, chúng tôi không nắm lấy tay các anh hay sao ? »

Nếu...

Nếu chúng ta chân thành, sự xa cách về không gian không phải là sự xa cách trong tâm hồn, và chúng ta chẳng thể gần nhau trong gang tấc hay sao ?

Thân mến

TIẾNG HÁT BÍCH-CHIÊU

Gầm rú, gào thét, phẫn nộ, điên cuồng — *Bích-Chiêu*.

Nỗi loạn, đam mê, tha thiết, khao khát — *Bích-Chiêu*.

Bích-Chiêu hát, không, Bích-Chiêu nói, không ; Bích-Chiêu khắc khoải với những âm thanh vang động của những linh hồn bị ném vào lửa đỏ, rên xiết và thù hận.

Những đêm dài, càng dài vô tận với tiếng hát Bích-Chiêu, và bóng tối vô tận bao vây cuộc đời. Những vì sao than thở, than thở hoài hoài, và Bích-Chiêu nhại lại những than thở âm thầm của những vì sao cô độc ấy.

Bích-Chiêu cất tiếng hát; cả thể xác, tâm hồn, cảm xúc, thú tính dấy dựa trong tiếng hát của nàng.

Bích-Chiêu hát, bóng tối dâng lên ngập ngựa tuổi trẻ, mặt trời không dám mọc khi tiếng hát Bích-Chiêu chưa dứt, và chẳng bao giờ dứt. Vì chính đó là tiếng thét kinh hoàng của tuổi trẻ trụy lạc, sa đọa và chột thức tỉnh, và chột chóng mặt ngầy ngất trước hư vô.

Lũ tuổi trẻ vẫn đi, đi mãi, mù quáng, ngu xuẩn, khích động, hành hương về phía tiếng kêu gào quyến rũ của Bích-Chiêu."

Lũ ma quái thức giấc nhảy múa theo nhịp điệu mù phù thủy, mù phù thủy thù ghét mặt trời, ánh sáng, tình yêu, sự sống, hơi thở, cây cỏ, còn trùng.

Bích-Chiêu hát, nàng không hát cho nàng, cho một, hai hay ba người tình có thật hay tưởng tượng, nàng hát cho nỗi niềm chua xót của tuổi trẻ, cho sự đầy đọa của những thiên thần đã lỡ đánh mất thiên đường.

Và đêm đêm, tiếng hát của Bích-Chiêu làm vỡ nứt không gian, chuyển mình thành bão tố, tàn phá những mục nát bén rễ vào những mảnh hồn đi hoang trong cuộc thế...

Lần đầu tiên, mù phù thủy rửa nước mắt, và khóc...

NGUYỄN - NGUYỄN

đẹp xưa

*Mây xưa tan tác bên thành đồ,
Ngõ trúc đi về lạnh ánh trăng.
Một bóng sao xưa sâu vạn cổ,
Buồn xa xôi mây nẻo hàn băng.*

*Thời xa xưa ấy liễu thanh thanh,
Buông tỏa thêm son rũ nếp mảnh,
Chinh phụ hể trông vòri dặm cát!
Chinh phu hể khuất bóng dâu xanh!*

Trăng xưa một mảnh soi đôi nẻo
Từ buổi chia phôi cách dặm trường
Chinh phụ hể tóc buồn tựa liễu
Chinh phu hể râu trắng phong sương.

Trời xưa mây biếc xây sương khói
Gầm vóc rìng thu dật lá vàng
Chinh phụ hể quen đường thuộc lối,
Chinh phu hể gửi nhớ thương sang.

Thơ đâu võ kiếm lên yên ngựa !
Vui mấy đèo cao ruổi vó câu !
Đẹp chứ chân mây mờ ánh lửa !
Mộng đâu rửa thép giữa rìng sâu !

ĐIỂM SÁCH

Dieu est né en exil

NGUYỄN
TẠO
LÂM

của VINTILA HORIA

Nhà xuất bản Arthème Faryard

Giải thưởng Văn chương Goncourt
năm 1961

Khung cảnh : đế quốc La-mã thời suy vong, Thiên chúa giáo
chớm nở.

Nhân vật : một thi sĩ tài hoa chuyên làm thơ ca tụng ái tình,
lạc thú, vì một bài thơ châm biếm nhà vua nên bị mất lòng sủng ái của
vua, bị đày ra biên địa, sống ở một thành phố man mợi. Ở đây thi sĩ
của chúng ta (Ovide) ngồi viết nhật ký ghi lại tất cả những nhận xét
bên ngoài, những biến chuyển của tâm hồn, những thay đổi trong thời
đại. Thi sĩ giác ngộ thấy những điều mà người cho là hạnh phúc khoái
lạc trước đây chẳng qua chỉ là ảo ảnh, một tượng trưng và báo hiệu
cho những hạnh phúc khác chân thật và bền vững hơn. Những tôn thờ
của La-mã trước một tôn giáo đơn thần trở nên lỗi thời, lỗi lạc. Thi
sĩ muốn thoát ra khỏi thành phố tù đày, tìm nơi có lối sống phóng
khoáng, theo tôn giáo mới, nhưng bị chặn lại dọc đường và phải trở
vào thành phố, chứng kiến những ngày cùng của văn minh La-mã.

Khung cảnh vĩ đại được giới hạn trong một thành phố nhỏ vùng
biên địa của Đế-quốc La-mã, tức là vùng Đức-quốc ngày nay vậy.
Thỉnh thoảng khung cảnh được nới rộng thêm nhờ những kỷ niệm
của thi sĩ, những câu chuyện của các nhân vật phụ.

Nhân vật, thi sĩ Ovide được đặt thành một nhân vật tượng trưng và điển hình, một thứ tiên tri, một thứ La-Sơ hay Nguyễn-bỉnh-Khiêm. Có khác là người Đông phương tỉnh ngộ trước khi bị dun vào cảnh ngộ éo le, trong lúc người thi sĩ Tây phương phải đợi có hoàn cảnh dun đủ vào cảnh tù đầy bất xa lánh phồn hoa, bấy giờ mới tỉnh ngộ. Tuy khác nhau về thời gian, nhưng giống nhau về sự trạng, và kết thúc.

Cuộc hành trình cam go của Ovide, để thoát khỏi những câu nệ, những tôn thờ, những ràng buộc của văn minh cũ, lối sống cũ, tìm đến một tư tưởng, hay đúng hơn, một tín tưởng mới rất lâu dài khó nhọc. Quá nửa đời người đuổi theo hạnh phúc, theo cái mà người tưởng là hạnh phúc. Rốt cục mất tất cả : lòng sùng ái của hoàng-đế, một thứ thần linh nhập xác người, danh vọng, tiền tài và những thú vui mà tiền tài mang lại. Rơi vào cảnh bạc đãi tù đầy, sống với những người mà công dân La-mã khinh rẻ, coi là mán mọ. Đến lúc đó Ovide chợt tỉnh ngộ nhận ra văn minh La-mã không phải là một nền văn minh duy nhất và toàn hảo. Tuy nhiên tổ chức La-mã, cái (hóa bình La-mã) vẫn là điều cần thiết. Và đó là tất cả điều hay đẹp của La-mã. Thi sĩ Ovide còn nhận chân được chân lý không là độc quyền của một dân tộc hay một nền văn minh nào. Chân lý ở trong con người, nhưng con người có biết khám phá ra hay không lại là một việc khác. Và bây giờ thì Ovide, người công dân La-mã, thi sĩ La-mã, phát ngôn nhân của văn minh La-mã đã tìm thấy chân lý trong một tôn giáo mới đang bị La mã coi khinh và bắt bớ.

Cuộc hoá thân của Ovide bắt đầu bằng nhận định nhỏ, thật, về đời sống : « Trong thời thanh xuân, viết là một thú vui. Tất cả những gì tôi động đến người, sự vật, thần linh, đều trở nên thơ văn và hạnh phúc. Thế giới hầu như quên mất sự bi đát, bởi vì lúc đó cái chết đối với tôi chỉ là một ý nghĩ đơn sơ, khó thể tin được là một sự thực của từng người. Trong thời trọng niên thì tất cả những gì tôi động đến đều thành bi đát, cả những chuyện không liên hệ gì đến tôi, chuyện của người khác. Cái chết như ra hiệu cho tôi, nó dùng đến những kẻ vây quanh tôi để nhắc nhở tôi nhớ hoài đến nó từng lúc, để cho tất cả những gì quanh tôi đều trở thành một thế giới đặt dưới dấu hiệu của thần chết. Vì đo viết trở nên một điều buồn lòng. Mỗi chữ vì đó trở nên một bước dẫn tôi, một phút mất đi. . . » (trang 231)

Ovide, cũng như tất cả những thức giả của nhân loại, bao giờ cũng hướng về một tôn thờ bề bĩ, vô biên. Trước đây Ovide đặt vào La-mã, La-mã được thần thánh hóa đồng thời với tất cả những vua chúa của nó, tôn thờ nó và xem La-mã là sự bền bỉ trường tồn. Thi sĩ cố tìm trong những lời sấm những giải thích, bênh đỡ cho tín tưởng này. Nhưng bây giờ đứng trước cảnh tượng tan rã của đế quốc La mã Ovide không thể nào tín tưởng như vậy được. Bây giờ thì « Auguste đã chết, và những thi sĩ ca tụng ông ta cũng đã chết. Thời hoàng kim không dài lâu được mấy. . . Lương tâm tôi không thể

yên ổn được. Nhưng nguyên nhân nào đã làm cho tôi phủ nhận trong tập nhật ký này những điều tôi ca tụng ngày xưa...» (Trang 255) Cuộc hành trình của thi sĩ La mã đi tìm một tôn thờ mới gần đến kết thúc: tôn thờ mong đợi có thể nằm trong một tôn giáo mặc khải từ đông phương đem lại, được lồng vào trong tổ chức rộng lớn và toàn diện của La mã. Tôn giáo mới sẽ hợp với hình thức La-mã đi chinh phục thế giới.

Cuốn sách viết theo thể nhật ký, cuốn nhật ký của thi sĩ Ovide để sót trong chiếc rương ở thành phố lưu đầy vùng biên địa (Đức quốc ngày nay). Lời văn kéo dài như sự kể lể của một cụ già bên bếp lửa. Những nhận xét về thế giới bên ngoài làm cơ sở để phân tích nội tâm người viết. Và cả thế giới bên ngoài lồng khung cho những biến chuyển dẫn một thi sĩ tài hoa đến một ẩn sĩ, một hiền triết. Lịch sử chỉ ghi rằng Ovide bị đày vào cuối triều August, mà không nói đến những chuyện gì xảy ra cho Ovide sau đó, cũng không nhắc đến những biến chuyển nội tâm, vậy nên Ovide trong tác phẩm của Vintila Horia là một nhân vật biết quá năm phần mười. Tác giả mượn tạm một danh nhân lịch sử để lồng vào trong đó một hình ảnh, những ý tưởng, và một câu chuyện nảy sinh trong đầu óc tác giả. Điều này không ai ngăn cấm cả. Nhưng tác giả có diễn tả được hình ảnh, ý tưởng, và câu chuyện mình muốn diễn tả hay không? Cuốn sách trở thành một bài văn ngụ ngôn, có tham vọng mô tả sự suy tàn của một nền văn minh, và sự nảy sinh của một nền văn minh mới. Tác giả cuốn tiểu thuyết mệnh danh là Ovide mơ một thế giới trung hòa, hợp nhất giữa hai nền văn minh: tinh thần thiên chúa giáo, trong tổ chức La-mã. Giấc mơ đó bây giờ còn là giấc mơ mọi người, vào thời đại này, đang lập lại một vài cảnh lịch sử tương tự thời suy vong của La-Mã. Vintila Horia đã biến hóa Ovide thi sĩ tài hoa thành một sử gia của thời đại ông sống. Sự gượng ép này đem lại cho câu chuyện gặp nhiều gượng gạo khô khan.

Kết luận: câu chuyện có một dáng đẹp với những cái thực thông thường mà người Pháp gọi là những chân lý của Palisse.

BA SINH HƯƠNG LỬA

**Truyện dài của Doãn Quốc Sỹ —
Sáng Tạo xuất bản — Duy-Thanh,
Ngọc-Dũng trình bày minh họa.**

Người đọc : Thứ-Lang.

Từ lâu người ta vẫn chờ đợi một tác giả, đúng ra một nhà văn, đủ tin cậy ghi chép lại những biến chuyển trong nội tâm và trong thực tại — cuộc kháng chiến của dân tộc.

Một giai đoạn lịch sử tuy chưa quá xa, nhưng còn để lại quá nhiều xúc động và còn quá nhiều cá nhân đang hiện diện nên khó lòng có được những nhận định thực sự khách quan. Phải là người cầm bút đủ trong sạch, đủ chân thành, đủ sáng suốt mới có thể, và mới có quyền, làm sống lại trong tác phẩm cái thâm họa của những cá nhân bé mọn và của lịch sử một dân tộc.

Doãn-Quốc-Sỹ đã muốn thực hiện cái hoài bão ấy trong Ba Sinh Hương Lửa.

Ba Sinh Hương Lửa, tuy với 366 trang đầy chữ, mới chỉ là một phần trong cuốn trường thiên « Khu Rừng Lâu » mà Doãn-Quốc-Sỹ (có lẽ) sắp sửa hoàn thành.

Với sự phân chia làm ba phần rõ rệt, phần đầu dành để kể chuyện Tân và những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, phần hai dành cho Miên và Hiên — nhất là Miên — và sự biến chuyển từ hình thức kháng chiến sang cuộc đấu tranh giai cấp do Đảng Lao Động chủ trương, phần ba đánh dấu sự thức tỉnh trong tư tưởng của

những người kháng chiến vì dân tộc nhưng không bao giờ có thể họ tác với Cộng Sản để tiêu diệt Con Người và những tình cảm dù đơ giản nhưng thiêng liêng để phụng sự cho một chủ nghĩa phi nhân và không tưởng.

Dụng ý của Doãn-Quốc-Sỹ khá rõ rệt. Anh muốn mô tả và chứng minh rằng một xã hội đặt trên nền tảng trung hậu và lễ nghĩa trong tình thương yêu và giá trị tinh thần ; những con người của xã hội ấy, dù là trí thức, là những nông dân nghèo khó hay địa chủ giàu có không bao giờ chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản, chấp nhận sự tiêu diệt tình cảm, tinh thần để phụng sự cho vật chất như một cú cánh

Doãn-Quốc-Sỹ, một cách gián tiếp, cũng chứng minh rằng công khó của cuộc kháng chiến là của chính những người không chấp nhận Cộng-Sản, chỉ hợp tác, trong giai đoạn, vì nhu cầu và để thực hiện mục tiêu của cuộc kháng chiến.

Mặt khác, cũng một cách gián tiếp, Doãn-Quốc-Sỹ minh chứng rằng, những con người Việt được đào luyện bởi đạo lý, bởi tình đất nước và sự hòa đồng của thiên nhiên, bởi tình gia đình và bản chất « thiện » của con người, không bao giờ có thể bị Cộng Sản tước đoạt linh hồn dù với những phương pháp cực kỳ khoa học và mảnh lới cực kỳ gian ngoan.

Với chiều hướng ấy và chủ đích ấy, Doãn-Quốc-Sỹ đã xây dựng nên Ba Sinh Hương Lửa.

— *Ba Sinh Hương Lửa, ha ! Chúng mình thật là ba sinh hương lửa. Hiền và Miên ngơ ngác, Kha giải thích thêm :*

— *Này nhé ! hết Pháp thuộc đến Nhật thuộc rồi Việt-minh thuộc, thế chẳng là ba sinh hương lửa sao ?*

Nhưng thứ hương lửa này, nếu quả thật, thì là một thứ hương lửa cháy bóng, thiêu đốt tâm hồn của biết bao người Việt hiền hòa, làm sôi hục giòng suối trong mát vẫn chảy dịu dàng trên những cánh đồng xanh của dân tộc.

Nhưng điều đáng tiếc — có thể nói là đáng tiếc nhất — là tất cả các nhân vật của Doãn-Quốc-Sỹ đều là những nhân vật thụ động ; từ Miên, Hiền đến Tân, Kha, Đồng. Uy. . . đều không có một sức đề kháng nào đáng kể trước sự uy hiếp tinh thần của Cộng Sản. Tất cả phản ứng ở họ, ở những người Doãn-Quốc-Sỹ khoác lên vai họ một lúc hai trách nhiệm (Kháng chiến chống Pháp và đối lập với Cộng sản) chỉ có một thứ khí giới duy nhất là tin tưởng ở mình, tin tưởng ở người. Niềm tin « sặc mùi tiểu tư sản » như chính cộng sản nhận định.

Chống Cộng, không phải chỉ đơn thuần tin tưởng Cộng-sản không làm gì nổi mình, không phải chỉ tiếc hận « *tại sao không phải là khu rừng mía mà lại là khu rừng lau ?* ». Trong khi Cộng-Sản đã có thể biến Tài từ anh chàng si tình biết khen Miên là « *Nàng tiên đi dưới trăng* » thành một thứ cán bộ trung kiên, tuyệt đối trung thành với những giáo điều của Đảng thì những nhân vật mà Doãn-Quốc-Sỹ muốn giao phó trách

nhệm lịch sử lại đặt hết tin tưởng vào một thứ định mệnh lịch sử, để làm thành một thứ lý thuyết đấu tranh (hay lý thuyết chủ bại ?).

« Hồi đầu kháng chiến tôi có được nghe thuật tại lời của một lãnh tụ quốc gia — quốc gia chân chính, lẽ cố nhiên — ông nói : « Chúng ta chưa đến thời. Phải chờ cho cộng-sản thành công đã, nhiên hậu sự thành công chúng ta mới bền ». Hồi đó tôi còn đương hăng, không để ý đến ý nghĩa sâu sắc của lời nói, bây giờ càng nghĩ càng thấm thía. Chúng mình chỉ là những con vật cạnh thị, phản ứng thô-thiển. Bậc thức thời chối lợi đứng tít trên đỉnh cao, nhìn suốt dòng lịch sử, thấy trước những khúc quanh phải kinh qua, họ có độc thật !

Kha đặt nhẹ tay lên vai Hiền và nói : « Je suis grand mais solitaire ! ». (tr. 357)

Nếu Doãn-Quốc-Sỹ thật tin tưởng như vậy, người ta có thể quả quyết rằng Doãn-Quốc-Sỹ không thể, và không bao giờ, thành một chiến sĩ chống Cộng bên ngoài lãnh vực văn-hóa của anh. Mà ngay trong lãnh vực văn hóa, anh cũng không thể là một lý thuyết gia phản Cộng. Nhưng tiếc thay Ba Sinh Hương Lửa lại mang nặng ý hướng ấy và tất nhiên là anh khó lòng thành công.

Về hình thức, ngòi bút của Doãn-Quốc-Sỹ vẫn là ngòi bút nhẹ nhàng và truyền cảm. Nhưng chính vì quá nhẹ nhàng và mộc mạc, anh không đủ kích thích người đọc trong thể truyện đấu tranh (mặc dù chưa chắc anh đã thích được gán cho danh từ quá mạnh này).

Điều đáng nói khác là Doãn-Quốc-Sỹ quá mê thơ và có một lối kể chuyện thật thà quá đáng. Các bà già kể chuyện cho cháu cũng chỉ thật thà đến như Doãn-Quốc-Sỹ là cùng. Nhưng anh cũng có những đoạn thật khởi sắc, thật linh động như đoạn nói về Liệt (đoạn 4 chương 3 phần 2), về cuộc giải phẫu của viên cổ vấn thư thuật Trung Cộng (đoạn 5, 6 cùng phần, chương), đoạn nói về tình thân của đôi bạn nhỏ và thủ đoạn của Cộng-Sản đã làm đứt đoạn đau đớn tình thân ấy (chương 4 phần 3), và đoạn kể lại vớ bi hài kịch do Duy-Hoàn đạo diễn và thủ vở đánh một trận đòn nặng vào ban lãnh đạo khóa học tập tam phần (đoạn 4, 5, 6 chương 5 phần ba).

Về bố cục, nếu không được biết Ba-Sinh Hương Lửa chỉ là một phần của cuốn trường thiên, người ta có thể nghĩ rằng nó đã « hỏng » hoàn toàn. Tàu, vai chính trong phần một, mờ nhạt và không cần thiết trong phần hai, hầu hết phần ba được đề dành đề kể lại « phong trào tam phần » và làm lu mờ tất cả các nhân vật khác.

Nhưng dù sao, với Ba Sinh Hương Lửa, người đọc đã được truyền cảm sự tin tưởng chân thành của người viết. Phải nhận định rằng Doãn Quốc-Sỹ là một trong số hiếm hoi nhà văn xây dựng tác phẩm của mình bằng tất cả tâm hồn và sự trung thực. Trong hoàn cảnh văn học hiện đại, riêng điều đó đã đáng khích lệ biết bao trong khi không thiếu những kẻ cầm bút mặc áo giấy và tiêu bạc giả ?

SINH HOẠT

• *Tin Sinh Viên*

TRẦN-VĂN-NGÔ

Trong phạm-vi Đại-Học, tháng vừa qua không ghi lại một hoạt-động nào quan-trọng. Tổng-số Sinh-viên của Viện Đại-Học Saigon đến nay vẫn chưa được biết rõ là bao nhiêu nhưng chắc phải tăng-gia rất nhiều. Người ta được biết Đại-Học Khoa-học có 3.384 Sinh-viên so với 524 ghi tên trong niên-học 1954-55, trong số này có 338 nữ Sinh-viên.

Trong số 3.383 nói trên, 2.634 theo học 9 chừng-chỉ dự-bị còn 749 Sinh-viên theo 40 chừng-chỉ cử-nhân.

Số Sinh-viên Văn-Khoa là 3.675 người trong đó có 1.002 Nữ (so với 3.162 Sinh-viên của niên-học trước). Lớp Dự-bị Văn-khoa có 2.111 Sinh-viên (631 Nữ-sinh viên) và số còn lại 1.564 theo học 24 chừng-chỉ cử-nhân.

Tổng-số Sinh-viên các trường thuộc Đại-học Huế là 2.286 người, trội hơn năm trước là 197 Sinh-viên. Trong số này 748 Sinh-viên học ở Văn-Khoa, 228 theo Khoa-học, 242 học Sư-phạm, 213 học Luật, 159 ở Viện Hán-học, và 96 theo học Y-Khoa.

Một vài Phân-Khoa ở Saigon đã bầu Đại-diện hay Trưởng Ban, nhưng nhiều Khoa khác đang còn sửa soạn.

CÁC HỘI SINH-VIÊN

Qua các Hội Sinh-viên khác thì thấy có Hội hoạt-động có vẻ điều hòa, nhưng có Hội vẫn nằm yên. Trước hết, phải nói đến Tổng-Hội Sinh-Viên. Tổng-Hội sau nhiều lần đưa ra những phương-thức đề cải tổ cơ cấu, đang nằm êm « có lẽ để suy-gẫm một phương thức toàn hảo ».

Trong khu-vực của Trường Kiến-trúc cùng với Tổng Hội Sinh-viên, Ủy-Ban Quốc-gia Việt-Nam Tương-trợ Đại-học Quốc-tế WUS đang mở cửa mỗi chiều nhưng sách không đủ để cung ứng cho nhu cầu Sinh-viên. Trên nhiều phạm - vi khác, chúng tôi được biết rằng, WUS đang cố thực hiện những chương trình ích lợi cho sinh viên như Trung tâm Ronéo, những Nhóm Hoạt động văn hóa (English Speaking Clubs, Nhóm tranh luận) chương trình y tế Sinh-viên, giao dịch với các cư xá.

Hội Thanh niên Thiện chí, được xem là hoạt động điều hòa nhất, trong những ngày cuối tháng đã tổ chức một Trại công tác và Hội thảo tại Vũng Tàu. Đề tài Hội thảo là « Giá trị cần lao đối với Thanh niên Trĩ-thức. » Trong số người tham dự trại, ta thấy có giáo sư Nguyễn văn Trung, Đại học Văn khoa Saigon.

Trước đó, Hội Thanh niên Thiện chí dự định đưa Hội viên ra Huế công tác xây cất nhà cửa cho đồng bào bị lụt tại Huế. Nhưng không xin được phi cơ nên chương trình ý nghĩa này phải bỏ.

Chủ Nhật 21-10 vừa qua, Chị Phan - thị Ngọc - Quới đã nói về « Nhiệm vụ xã hội của giáo chức », trong chương trình hội thảo Liên Đoàn Sinh Viên Công giáo tổ chức ở Thanh Quan Lưu Xá. Tuần trước đó, Cha Lịch đã nói về vai trò Xã Hội của Người Sinh viên. Rất đông sinh viên—nam, nữ đến dự, và tham gia góp ý kiến trong những buổi nói chuyện này.

Liên đoàn Sinh viên Công giáo bao gồm các tổ chức Sinh viên Công giáo, Thanh sinh công Đại học, Sinh viên Công giáo Hiệp Hội Thánh Mẫu Sinh viên đặt trụ sở tại 229 Hiền Vương Saigon.

Đoàn Sinh viên Tin Lành cũng đã bầu lại ban Chấp Hành cho niên khóa mới, chị Phạm thị Sơn sinh viên Y Khoa là Tổng thư ký. Đoàn có những buổi học hội trong nội bộ và Lớp dạy Anh văn tại YMCR Vietnam ở đường Trần quý Cáp. Vì không được liên lạc nhiều nên chúng tôi không được biết được nhiều về hoạt động Đoàn.

PHÁI-ĐOÀN VIỀNG THẨM VÀ LIÊN ĐỐI LIÊN ẤP CHIẾN LƯỢC BÌNH-CHÁNH (GIA-ĐỊNH)

Ngày 5-7-1962 một phái đoàn của Tổng Hội Sinh Viên Việt - Nam Quốc Gia do anh Tổng Thư Ký Tổng Hội hướng dẫn đã tới viếng thăm các Ấp Chiến Lược Bình Chánh (Gia Định). Tham dự phái đoàn còn có

Trung Tá Lý Thái Như trong Ủy Ban Đặc trách Trung Ương Ấp Chiến Lược.

Nhân dịp này, Tổng Hội Sinh Viên đã tặng đồng bào ở các Ấp thuộc xã Bình Chánh một số thuốc thực dụng trị giá chừng 3500đ và một số tiền 2000đ để giúp vào quỹ Ấp, cùng một số sách báo phổ thông. Mặt khác, Tổng Hội cũng đã nhận liên đới liên ấp Chiến Lược Bình-Chánh.

Phái đoàn đã được đồng bào địa phương đón tiếp rất hoan hỷ và được hướng dẫn đi xem mọi nơi trong Ấp Chiến Lược. Đầu đầu đồng bào cũng tỏ ra có một tinh thần xây dựng rất cao tuy tại địa phương công cuộc xây dựng ấp không tránh được một vài trở ngại. Anh em Sinh viên đã ân cần hỏi thăm đồng bào và ngỏ ý ước mong được phát triển tình liên đới giữa những người cầm bút nơi học đường và đồng bào đang cầm cây cuốc đánh giặc và tăng gia sản xuất nơi thôn quê.

Buổi trưa, phái đoàn được ông Võ Văn Nghiêm, Dân biểu đơn vị sở tại khoản đãi tại tư gia.

Phái đoàn đã trở về Saigon hồi 16 g 30 với rất nhiều cảm tưởng tốt đẹp.

GIẢNG ĐƯỜNG 3 TRIỆU ĐỒNG CHO ĐẠI-HỌC KHOA HỌC HUẾ

Cuối tháng 2-1963 Sinh viên Đại Học Khoa học Huế sẽ có một giảng đường cao 9 thước dài 75 thước rộng 40 thước được xây cất theo lối kiến trúc mới tại một khu đất trong Tòa Khâm Sứ cũ.

Giảng đường này có chỗ cho 1.000 sinh viên và tốn phí 3 triệu do Ngân Sách Quốc gia đài thọ.

Công tác xây tác đang tiến hành khả quan.

KHÓA 15 THỦ ĐỨC.

Theo thông cáo của Bộ quốc Phòng, Khóa 15 Thủ Đức sẽ khai giảng vào đầu năm 1963. Kỳ này các Sinh-Viên 1937, 1938 sẽ được gọi. Đến ngày 31-10 Sinh viên muốn bổ túc hồ sơ hoãn nhập ngũ phải gởi gấp đến Nha Nhân viên Bộ-Quốc-Phòng.

Nếu tính nguyên, cũng phải nộp đủ hồ sơ trước ngày 15-12-62.

NHỮNG TÂN-KHOA.

Cô Bùi-Thị-Minh, Cử Nhân Văn Khoa đồ Cao Học (Triết) với Luận án « Civilisation et civilisations » tại Đại học Văn khoa Saigon hôm 3-10.

Tại Đại Học Khoa học Saigon, Ông Trần-Ngọc-Lợi, Cử Nhân Giáo Khoa Vạn Vật học cũng đã đậu Cao học Vạn Vật (trụ hạng, lời khen). Hai luận đề là *contribution à l'étude écologique du littoral rocheux de la baie de Nha Trang* và *conditions écologiques de la mer de chine meridionale*.

Ngày 29-10-1962, tại Đại Học Luật Khoa Saigon, Ông Nguyễn-Sĩ-Hải, giảng sư Đại Học Luật Khoa Huế, cũng đã đệ trình luận án lấy bằng Tiến Sĩ Công Pháp. Nhan đề là : « Tổ chức chính quyền trung ương thời Nguyễn Sơ » (1802 — 1847). Ông đã được chấm đậu với hạng Ưu (T.B).

PHÒNG BÀI LAO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM

Phòng bài lao cho Sinh Viên VN được khánh thành chiều ngày 23-10. Đây là một gian trong Bệnh Viện Hồng Bàng, có 20 giường cả nam và nữ trong 2 phòng cách biệt. Một phòng chung, bếp, kệ sách, có phòng tắm, vệ sinh riêng cho Sinh viên.

Phòng được thiết lập do sự trợ giúp của Bộ Y-tế, Bộ Giáo-dục và sự ân cần chăm sóc của Bác-sĩ Gauthier. Theo tài liệu của WUS/geneve, tỉ số Sinh-Viên bị lao ở Việt Nam là 2,33 %.

TIN SINH VIÊN THẾ GIỚI

Trên phạm vi quốc tế, phải công nhận rằng Sinh viên ngoại quốc đã có nhiều hoạt động cộng đồng và tương trợ, qua Tổng Hội Sinh viên (NUS) và các Ủy Ban Quốc Gia Tương Trợ Đại Học (WUS). Mỗi nơi đều có Trung tâm 'S.V. Thư viện Trung Ương cho S.V. Quán ăn, Quán sách, Cư xá, Trung tâm Ronéo, Bệnh viện. Nhiều nơi cũng lập thêm Phòng Tim Việc, Hướng Nghiệp, những Trại Hè, khóa Huấn Luyện...

HOA KỲ LẬP HỘI BẢO CHỈ SINH VIÊN (USSPA)

Trong Đại Hội 50 của Tổng Hội Sinh viên Hoa-Kỳ (USNSA), 50 đại diện Bảo Chỉ các Đại Học Hoa Kỳ đã lập Hội Bảo chỉ Sinh viên. Hội tự trị và phát hành 1 tuần 3 bản tin tức Sinh viên trong và ngoài nước.

72.113 SINH VIÊN NGOẠI QUỐC Ở HOA KỲ

Đó là con số của Viện Giáo Dục Quốc tế (IIE) cho biết về niên khóa 1961 — 62, tăng gia 8,5 phần trăm với năm trước.

Trong số đó, cuộc điều tra cho biết có 58.086 S.V. từ 149 quốc gia theo học tại các cơ sở giáo dục cao cấp Á-Châu chiếm 37 phần trăm trong tổng số đó.

Sau vụ Meredith-Barnett, tình hình Sinh viên Hoa Kỳ không có một vụ nào khiến ta phải chú ý. Trở về Á-Châu, người ta cho biết

SINH VIÊN ĐẠI HẠN CHỖNG LUẬT MỚI CỦA CHÍNH PHỦ QUÂN NHÂN

Hôm 17-10, Sinh viên tại một trường ở Hán-Thành đã lập kiến nghị đòi chính phủ bãi bỏ các cuộc thi thử sức, và đã kêu gọi tẩy chay

các kỳ thi đó. Những kỳ thi này được luật mới đề xướng và buộc Sinh viên phải qua mới được cấp bằng.

Hôm 12-10, cảnh sát Hán thành loan tin bắt 7,8 Sinh viên đã chống lại quyết định của chính phủ. Khi tin các sinh viên bị bắt được loan báo, nhóm Sinh-Viên tại Đại-Học Quốc Gia Hán-Thành, Đại học Yonsei và các Đại-học khác ở Đại-Hàn đã chấp nhận quyết định của chính phủ nhưng « mong muốn hợp tác với Chính phủ trên các quan điểm rộng rãi để chấm dứt mâu thuẫn ».

Đại tá Chung Wao Shik cảnh sát trưởng Hán thành cho biết 7 hay 8 sinh viên bị bắt vì đã nhóm họp bất hợp pháp và đã cử đại biểu đến đến ngăn cản Sinh-Viên ghi tên thi cử.

HỌC BỔNG HỒ-THÍCH.

Người ta vừa loan báo ở Nữu-uớc, một học bổng đã được lập ra để kỷ-niệm B.S. Hồ-Thích, lý thuyết gia Trung hoa, học giả và nhà ngoại giao.

Học bổng này gọi là « Hu Shih Memorial Scholarship Funds » sẽ cấp 100.000 Mỹ-kim dành làm học bổng về triết lý, lịch sử và văn chương tại Cornell University và Columbia University nơi B.S. đã từng theo học.

BS Hồ Thích mất tháng 2 năm 62 tại Đài-Loan.

Sau bức màn sắt, một vài tin tức đáng cho ta để ý.

BẢY SINH VIÊN XŨ GHANA BỊ ĐUỔI

Miroir des Etudiants cho biết Bảo gia Lợi đã đuổi 7 Sinh viên Ghana về nước. Nguyên do vì vụ kỳ thị chủng tộc xảy ra giữa dân Bảo và Sinh viên Ghana. Khiến nhiều Sinh viên Ghana bị thương về một người Bảo bị chết. Hiện nay có chừng 800 Sinh viên ngoại quốc học ở Bảo.

BA MƯƠI SINH VIÊN GỐC XŨ CAMEROUN

Cũng bị Trung-cộng trục xuất từ những đại học Trung Hoa lục-địa. Những Sinh viên này đã phản đối cách đối xử bất công tại các Đại-học ở Trung-cộng.

Mặc dù ở vào « địa-vị ưu-đãi », ở Trung-cộng, họ không được tiếp xúc với dân chúng cũng như không được vào những cửa hàng mậu-dịch mà Sinh viên da vàng hay trắng được vào. (MDE, 259 p3).

SINH VIÊN ĐÔNG ĐỨC LÀM VIỆC SUỐT MÙA HÈ TẠI NÔNG TRẠI

Mùa Đông, Sinh viên và học sinh theo học các lớp ở trường và vào mùa hè họ phải làm việc trong các xí-nghiệp sản-xuất nông-phẩm và tiếp tục học bằng hàm-thụ.

Trong khi đó số người vượt bức tường Bá Linh vẫn tiếp diễn. Trong đêm 18-10, đã có sự náo động ở dọc bức tường tại Kladow thuộc khu-vực Anh Cảnh binh Tây Đức cho biết; mặt khác, có 3 người Đông Đức tuổi từ 18 đến 23 đã vượt biên-giới sang tự nạn.

ĐỌC-BÁO SINH-VIÊN NGOẠI-QUỐC

« Bamboo Wall Divides Vietnam ».

Trong số 3, Tập 11, tờ *The Asian Student* cơ-quan của Hội Asia Foundation đã đăng ở trang nhất tin nói trên. (Bức Tường Tre Phân Cách Vietnam).

« Một Bức Tường Tre được nhà cầm quyền Bắc Việt dựng lên dọc phân ranh Bắc Nam. Bức tường cao từ 6 đến 9 bộ và dài chừng một dặm. Những thanh Tre được chuốt nhọn bên đầu.

« Những chuyên-viên quân-sự tin rằng... bức tường được thiết-lập để chặn đứng những cuộc trốn thoát vùng Bắc sang Miền-Nam... »

HAI CUỘC TRIỂN-LÃM QUỐC-TẾ

Nhân dịp Lễ Cộng-Hòa 26-10, hai cuộc triển-lãm Mỹ-thuật Quốc-tế đã được tổ-chức. Một về nhiếp-ảnh và một về hội-họa.

Cuộc triển-lãm nhiếp-ảnh có sự tham-dự của 34 quốc-gia. Đến nay, và nhất là với cuộc triển-lãm này, không ai còn nghi ngờ giá-trị của bộ môn « nghệ-thuật ánh-sáng ». Người ta thấy, qua sự ghi nhận của ống kính, những xúc động của người nghệ-sĩ trước sự phối-hợp của thiên-nhiên. Nhưng nhiếp-ảnh không phải chỉ thuần-túy ghi lại sự phối-hợp ấy, nhiếp-ảnh còn thể-hiện một sức sáng-tạo mãnh-liệt của các nhà « phù thủy ánh-sáng ».

Qua cuộc triển-lãm, người ta có thể nhận thấy nhiều sắc thái độc đáo của nhiều quốc-gia tham-dự. Các nghệ-sĩ Phương-Đông đã làm sáng tỏ thêm nhận xét « chụp bằng tâm-hồn chứ không chụp bằng ống kính ». Có thể gọi tác-phẩm của họ là những tác-phẩm luận-đề. Các nghệ-sĩ Tây-Phương đã muốn xử-dụng đường nét và ánh-sáng để khơi nguồn cho sức sống và muốn diễn-tả trong tác-phẩm, các « khối » sự vật và sự chuyển-động của sinh-lực dưới mọi hình-thái.

Chúng tôi không đề cập tới từng tác-phẩm được trao giải thưởng, không phải vì không ít nhiều đồng-ý với ban giám khảo, nhưng vì các giải thưởng không bao giờ làm ngu một giá-trị tuyệt đối, không nên căn cứ vào đó để định đoạt giá-trị của các tác-phẩm và tác-giả, thường chỉ dị biệt về trình-độ diễn-tả mà không dị biệt về trình độ xúc động thâm-mỹ.

Trong cuộc Triển-Lãm Quốc-Tế Hội-Họa Điêu-Khắc lần thứ nhất, hai mươi mốt quốc-gia đã tham-dự với 435 họa-phẩm và điêu-khắc phẩm. Họa-phẩm, gồm đủ loại, từ sơn dầu, thủy thái, mộc bản, thạch bản, thủ ấn họa, in lụa đến thủy mặc, bột màu, vẽ chì, sơn mài. Các tác-phẩm cũng đại-diện cho đầy đủ các khuynh hướng và các họa phái.

Xếp đặt một thứ tự giá-trị cho các quốc-gia, các tác-giả và họa-phẩm là một công-trình cực-kỳ tế-nhị và khó khăn. Hơn nữa, mỗi khuynh hướng có một sắc thái riêng, khó lòng tìm được một tiêu chuẩn duy nhất để định đoạt giá trị, nếu không nói rằng không thể có được một tiêu chuẩn duy nhất và bất cứ sự nhận định nào dựa trên căn bản ấy đều hàm hồ và phi nghệ thuật.

VĂN-HQC, trong số tới, sẽ cố gắng làm công việc khiêm tốn phân tích một cách khách quan các khuynh hướng đại diện cho thể giới hội học ngày nay, và chỉ tự giới hạn trong kích thước ấy mà thôi.

Cảm tưởng chung : Hai cuộc triển lãm mỹ thuật đã đủ hãnh diện về màu sắc quốc tế (nó làm thỏa mãn tự ái của quốc gia tổ chức) và đủ quyến rũ người thưởng ngoạn trước những công trình lớn trong lãnh vực nghệ thuật.

Và nhận định riêng : Cuộc triển lãm cũng còn lợi ích mở rộng tầm mắt của người nghệ sĩ Việt và những chiếc vỏ ốc, ít nhiều, cũng đã bị soi mòn.

MỘT DỰ ĐỊNH CỦA VĂN-HÓA-VỤ

Trong mục đích giới thiệu những văn phẩm đặc sắc của Việt-Nam với độc giả trong và ngoài nước, Văn-Hóa vụ sẽ xuất bản một tập truyện ngắn chọn lọc của những nhà văn danh tiếng.

Tuyển tập này gồm 12 truyện ngắn của : Linh-Bảo, Nam-Cao, Nguyễn mạnh-Côn, Khải-Hưng, Vũ-Khắc-Khoan, Nhất-Linh, Bình-Nguyên-Lộc, Võ-Phiến, Doãn-Quốc-Sỹ, Đỗ-Tồn và Nguyễn-Tuân (và ?).

Dự định ấy của Văn-Hóa-Vụ (theo đúng danh nghĩa, là một cơ quan chính thức phụ trách về vấn đề Văn-Hóa) tất nhiên là tốt đẹp, *trên nguyên tắc*. Dự định có mục đích khá quan trọng (giới thiệu những văn phẩm đặc sắc với độc giả trong và ngoài nước), chính vì thế càng cần thận trọng bởi nó sẽ có ảnh hưởng, rất tốt hoặc rất xấu, tới cái nhìn từ bên ngoài vào nền văn học và nghệ thuật của chúng ta.

Bởi vậy, không đáng lạ khi nguồn tin trên đã đặt ra khá nhiều câu hỏi và khá nhiều thắc mắc.

1.— Văn-Hóa-vụ đã có hay không có một tiêu chuẩn trong sự lựa chọn các nhà văn danh tiếng và những văn phẩm đặc sắc để đại diện cho văn chương Việt-Nam ? Không thể tin rằng một cơ quan như Văn-Hóa Vụ lại không có một tiêu chuẩn rõ rệt, vậy phải tạm kết luận là có.

2.— Đã có một tiêu chuẩn trong sự lựa chọn, Văn-hóa-Vụ nêu danh 12 nhà văn. Với danh sách được đề nghị ấy, lại phải tạm kết luận là tiêu chuẩn của Văn-hóa-Vụ không rõ rệt, bởi trong số « Thập Nhị Tú » ấy, có những vì sao ở hẳn những phương trời khác nhau. Một số ở thể hệ văn-chương đã hoàn thành, một số lẻ loi trong vũ-trụ của mình và một số khác ở vào thể hệ đang diễn tiến, chưa hoàn thành.

Tiêu chuẩn của Văn-hóa vụ, nếu quả thật có một tiêu chuẩn, chắc hẳn hàm súc một ý hướng mới mẻ nào đó, mà đáng tiếc là chưa ai được biết !

3.— Trong số nhà văn được lựa chọn, có những người đã chết (Nam Cao, Khải Hưng), có người vắng mặt (Nguyễn-Tuân) và có người

hiện diện nhưng đã ngừng sáng tạo (Nhất-Linh, Đổ-Tồn). Trích đăng những văn phẩm của họ, rất có ích về phương diện sưu tầm tài-liệu để nghiên-cứu một quá trình văn học, nhưng chắc hẳn khó đạt được mục-dịch giới thiệu những nhà văn danh tiếng (hiện đại) của chúng ta.

4.— Riêng trường hợp Nguyễn-Tuân là một thắc mắc lớn. Có hai Nguyễn Tuân: Nguyễn-Tuân tiền chiến và Nguyễn Tuân hậu chiến.

Nguyễn Tuân tiền chiến là một Nguyễn Tuân bạc nhược, không đại-diện cho khuynh-hướng riêng biệt nào cả. Nguyễn Tuân nghiện thuốc phiện, không có gì đáng trách, Nguyễn Tuân truy lạc về thể xác, cũng không có gì đáng trách; bởi chỉ riêng Nguyễn Tuân có bốn phận đối với bản thân. Nhưng Nguyễn Tuân, nhà văn, đã truy lạc về tinh-thần. Trong « Nhà văn hiện đại », Vũ-ngọc-Phan viết: « Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh-hướng về chủ nghĩa vật chất ». Chấp nhận Nguyễn Tuân là chấp nhận một ngọn đèn dầu lạc trong ánh sáng tung bừng của thể hệ văn-học hiện đại, trong và ngoài biên thùý của chúng ta.

Nguyễn Tuân hậu chiến lại là một Nguyễn Tuân xu nịnh. Thêm ăn, Nguyễn Tuân viết « Phở ». Bị Đảng áp đảo tinh thần, Nguyễn Tuân vội vã đầu hàng, vội vã « tự phê bình » xin « lột xác ». Nguyễn Tuân đang gắng sức phục vụ Đảng để được hưởng thụ ít nhiều quyền lợi của những kẻ trung thành với Đảng.

Không vì đứng trên hai trận tuyến đối lập mà chúng ta mạt sát Nguyễn-Tuân, mạt sát người vãng mạng không phải là điều đáng hãnh diện mà thường còn làm hại cho chính mình không ít. Nhưng chúng ta chỉ không chấp nhận Nguyễn-Tuân, cả hai Nguyễn-Tuân, nhất là trong hoàn cảnh chính trị hiện tại, lại càng nên thận trọng mỗi khi chấp nhận những kẻ ở bên kia trận tuyến, khi những kẻ đó chưa có một thái độ tư tưởng dứt khoát.

Dự định « xuất cảng Văn Chương nội hóa » quả thật tốt đẹp, trên nguyên tắc. Nhưng công tác văn-hóa thường không mấy giản dị. Sự sai lầm, dù nhỏ mọn, cũng dễ dàng đưa tới những hậu quả khó có thể đo lường trước.

Không nên vội thi nghiệm khi còn thiếu quá nhiều yếu tố, vì con đường xây dựng văn hóa có khá nhiều dốc trơn. Sự trơn trượt trong bước đầu dễ trở nên một thử mặc cảm, nó ngăn cản những thiện chí cần thiết cho nhiều công trình xây dựng trong tương lai.

VA NHẬN MỘT CUỘC THẢO LUẬN VỀ VĂN ĐỂ « VĂN HỌC VÀ CHÍNH TRỊ »

Một buổi nói chuyện của Giáo-sư Đại Học, ông Nguyễn-văn-Trung.

Một số ý kiến tham luận hiện còn đang đăng tải trên một tờ nhật báo của một vài thỉnh giả đã tới nghe ông Nguyễn-văn-Trung.

Một số những nhận định về « một nhận định mới » tuy chưa làm thành cuộc thảo luận trang trọng nhưng đã gần trở nên câu chuyện « thời sự văn hóa ».

Không nhất thiết tham dự vào cuộc tranh luận (vì rất dễ bị hiểu nhầm theo « chân voi hít bã mía » — ai cấm ông Trung hay các binh giả của ông nghĩ như vậy), chúng tôi không phát biểu ý kiến riêng, chỉ làm công việc giản dị là tóm tắt « nhận định mới » của ông Nguyễn-văn-Trung và những ý kiến bất đồng — chúng tôi nghĩ như vậy — với diễn giả. Công việc ấy có tính cách thuần túy « thông tin văn hóa ».

Diễn giả : Ông Nguyễn-văn-Trung, tiến sĩ triết học tốt nghiệp Đại Học Louvain (Bỉ). Trước 1961, giáo sư Đại Học Văn Khoa Huế, chủ trương tạp-chí Đại-Học. Năm 1961, vì lý-do riêng, được chuyển về làm giáo-sư Đại-Học Văn-Khoa Saigon. Tác-giả nhiều tác phẩm khảo luận về Văn-học và Triết học.

Đề tài buổi diễn thuyết : « Văn-Học và chính trị, một quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm Quỳnh — Ngô Đức Kế qua truyện Kiều ».

Với những lý luận khúc triết, ông Nguyễn-văn-Trung mở đầu bằng cách tường thuật lại cuộc tranh luận giữa Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế. Ông đã làm sống lại cuộc bút chiến sôi nổi giữa hai phái ca tụng Kiều và kết án Kiều, một đảng đại diện bởi Phạm-Quỳnh và đảng khác bởi Ngô-Đức-Kế. Phái ca tụng Kiều đã tâng bốc Kiều như một viên ngọc vô giá của nền văn-học nước nhà, Kiều là tuyệt phẩm, Kiều là thánh kinh, Kiều là vận mệnh của dân tộc. Phái lên án Kiều, trái lại, kết tội Kiều là một tác phẩm uơu hèn, ủy mỵ, đầu độc thanh niên. Ông Kế công kích Kiều, không phải chỉ thuần túy với mục đích học thuật, mà còn nhằm vào ông Quỳnh, nhằm vào chủ trương của ông Quỳnh, tức là nhằm vào một thủ đoạn của thực dân.

Tại sao nhằm vào ông Quỳnh mà lại là nhằm vào thủ đoạn của thực dân. Ông Trung giải thích :

1.— Trước hết, là tình hình chính trị lúc bấy giờ. Về phần người Việt, trước chủ trương bạo động đã thất bại, các sĩ phu nhận thấy phải thay đổi chính sách, chuyển cuộc đấu tranh qua lãnh vực văn-hóa. Phong trào Duy tân, Đông Du... ra đời. Về phần người Pháp cũng vậy, họ cho phép trong giới hạn do họ định đoạt, phát triển nền « Văn-Học bản xứ » với mục đích mị dân (ông Trung dùng chữ Démagogie) nhằm ru ngủ thanh niên trong lối học tầm chương trích cú, mơ màng ngâm hoa vịnh nguyệt để làm nhụt bớt nhuệ khí đấu tranh.

2.— Để thực hiện chủ-trương ấy, người Pháp dùng ông Quỳnh làm một thứ tay sai (ông Trung không nói hẳn như vậy, nhưng người nghe tất không thể hiểu khác), một thứ bồi bút (danh từ phổ thông hiện nay). « Theo Tây », ông Quỳnh tung ra cả một chiến dịch ca tụng Kiều, không với mục-dịch thảo-luận suông về Văn-Học, mà với mục đích đã nói, đánh vào cơ chính trị. Ông Kế với tấm lòng của người chiến sĩ quốc

gia, quyết chống lại ông Quỳnh không phải ở lãnh vực văn học, mà ở lãnh vực chính trị, cảnh tỉnh thanh niên trước tà thuyết của thực dân và tay sai (ông Quỳnh ?). Như vậy bản chất cuộc tranh luận không thể có bản chất văn học, mà *thực sự là bản chất chính trị*. Kiểu chỉ là một thứ « *nạn nhân ngẫu nhiên* »,

3.— Để minh chứng cho giả thuyết của mình, điểm khó nhất là làm sao mình chứng được ông Quỳnh là một thứ « tay sai » của thực dân và hạ được chiếc bệ sự nghiệp vững chắc của ông, điểm giả đã triệt để lợi dụng tài hùng biện của mình để nhắc đi nhắc lại ông Quỳnh « *từ một viên thư ký nhẩy lên làm Thượng thư Bộ Lại* ». Ông Nguyễn-văn-Trung hình như còn muốn dùng một thứ « tam đoạn luận » của lớp Triết Học đệ Nhất.

« *Mục đích của Tây là làm yếu hèn tinh thần dân tộc.* »

« *Sùng bái Kiều là làm yếu hèn dân tộc.* »

« *Ông Quỳnh sùng bái Kiều, vậy ông Quỳnh theo Tây* ».

Suốt hai tiếng đồng hồ trình bày, biện bạch, minh chứng, ông Nguyễn-văn-Trung muốn « giết một người đã chết », và nếu ông đạt được mục đích, hẳn ông Quỳnh không có thể còn chiếm được một địa vị nhỏ mọn nào để « sống » trong lịch sử văn-học.

Có lẽ vì nhận định của ông Nguyễn-văn-Trung còn mới, quá mới, nên một số thanh giả của ông đặt ra cho ông, và chúng ta (có toàn thể chúng ta trong đó vì ai nỡ yên tâm thưởng ngoạn một vụ ám sát đầy nghệ thuật) khá nhiều nghi vấn.

Trước hết, ông Đỗ Lăng phát biểu :

« Ta phải nghiêng mình trước quan điểm tươi tắn của ông Nguyễn-văn-Trung. Nhưng chúng ta vẫn không thể thỏa mãn ở vài điểm, ở những điểm mà Nguyễn-văn-Trung không thể lướt qua để đưa chúng ta đến quan điểm trên (Ph. Quỳnh theo Tây, bản chất chính trị của cuộc thảo luận) được. Vì muốn thay thế bản chất văn học trong cuộc tranh luận Q.K. bằng bản chất chính trị Nguyễn-văn-Trung đã cố ý chứng minh rằng cả hai Quỳnh và Kế đều là con người chính trị. Ông đã cố gắng trong từng lời nói để minh xác rằng đó là hai kẻ đối thủ chính trị chứ không phải là đối thủ văn nghệ. Theo ông, dù ông Quỳnh có *thực tâm* « *muốn cứu vãn phần nào một gia tài sắp tan vỡ* » hay « *muốn học cái hay của địch để đánh địch* », thì hoàn cảnh của Quỳnh bắt buộc mọi người khác phải coi Quỳnh là « *theo Tây* ». Sự kiện « *theo Tây* » ấy của Quỳnh, theo Nguyễn-văn-Trung, *đã có và phải có* dù chính thâm tâm của Quỳnh *không có* chăng nữa. Chúng tôi không đồng ý ở lối lý luận này. Chúng tôi xin nêu ra hai điểm :

1.— Nguyễn-văn-Trung đã bỏ cái thâm tâm chân thật của một con người, để chỉ hiệu con người qua hoàn cảnh. Vậy thì con người chỉ là một « *sự kiện vật lý* » hay sao ?

2.— Nguyễn-văn-Trung đã tự ý gia nhập vào trận tuyến của những người khác với Quỳnh. Như vậy Nguyễn-văn-Trung đã đối

tượng hóa Quỳnh mất rồi. Ông không chịu ném cái tôi của mình vào Quỳnh để hiểu Quỳnh, mà lại đứng bên ngoài Quỳnh để bàn về Quỳnh, như thế chúng tôi e không ổn chăng?... »

Một thỉnh giả khác của giáo sư diễn giả « luôn luôn đi tìm những nhận định mới » đã có một thái độ dứt khoát hơn :

« Về điểm này (về sự bất công khi gán cho Quỳnh là theo Tây) chúng tôi hoàn toàn đồng ý với lập trường của Nguyễn-hòa-Phong khi ông cho rằng cây bút xuất sắc (!) của Đại Học, trong một chừng mực nào đó, đã có tinh thần thỏa hiệp với bản án xử Phạm-Quỳnh hồi 45 (*bản án của Việt Cộng*). Nguyễn-hòa-Phong còn phân tích đến cái gọi là « tâm lý chinh trị, hoàn cảnh éo le... » Đây là một vấn đề khá tế nhị không thuộc phạm vi bài này. Riêng chúng tôi thì nghĩ rằng quau điểm phê bình mà Ông Nguyễn-văn-Trung gọi là mới chẳng có gì là mới cả. Bởi vì trong mấy năm gần đây, nghĩa là khi bàn tay Mác-Xít đã nắm trọn vẹn sinh mệnh văn nghệ miền Bắc rồi, tập đoàn lãnh đạo chính trị Hà-nội cũng ra lệnh cho một số cây bút khoác cho Phạm-Quỳnh đủ thứ tội. Hành động này chẳng có gì khác hơn là nhắm biện minh cho vụ án đến tới 45 do họ chủ động ».

Để tóm tắt sơ lược những quan điểm đối lập với diễn giả, chúng tôi xin ghi lại đây những điểm chính :

1.— Có nhiều bằng cứ chứng minh Phạm-Quỳnh là một chiến sĩ văn hóa trung thực, tha thiết với sự phát huy tư tưởng và học thuật nước nhà.

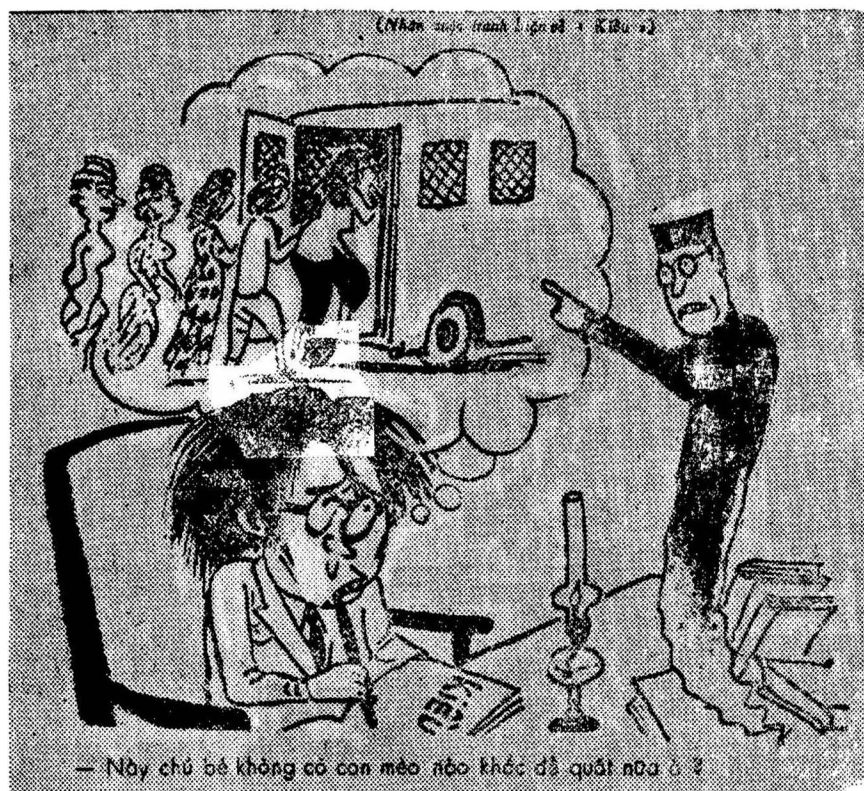
2.— Ông Trung có bằng cứ nào xác thực chứng tỏ Phạm-Quỳnh « theo Tây » hay ông chỉ phỏng đoán, với những lý-luận mơ hồ ?

3.— Chủ trương khai thác cái vốn dân tộc (với ý hướng tốt) của Phạm-Quỳnh phải chăng đã ngẫu nhiên trùng hợp với chủ trương một chính sách văn hóa bản-xứ (có ý hướng xấu) của Pháp, và vì thế ông đã phải mang một nỗi hăm oan khó giải ?

4.— Ông Nguyễn-văn-Trung đã « chụp mũ » lên đầu ông Quỳnh với mục đích gì ? Ông đã làm một « công tác văn-học » phi văn học và biết đâu, cũng chẳng là một « công-tác chính-trị » hoàn toàn phi chính-trị.

Cuộc thảo luận hiện nay vẫn còn tiếp tục, thực ra chưa thể gọi là một cuộc thảo luận, vì những người đòi được thảo luận vẫn chỉ dăm vào không khí, và ông Nguyễn-văn-Trung vẫn một mực giữ sự im lặng.

Chúng tôi đã cố gắng ghi lại, với một mực độ khách quan nhất có thể được, một bài diễn văn này lửa, một cuộc chất vấn ồn ào, những « quan điểm mới nhận định về một quan điểm mới » của một giáo sư triết học đã mất nhiều công cày sỏi với những mảnh vườn hoang của dân-tộc.



GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG NOBEL 1962

John Steinbeck, nhà văn Hoa Kỳ, đã được Hàn Lâm Viện Thụy Điển trao tặng Giải thưởng Văn Chương Nobel 1962. Steinbeck là nhà văn thứ sáu của Hoa Kỳ được vinh dự này.

Steinbeck sinh ngày 27-2-1902, tác phẩm đầu tay ta là cuốn *La Coupe d'or* (1929), tiếp theo đây là những cuốn *Les Champs du Ciel*, *A un Dieu Inconnu*, *Tortilla Flat*, *En un Combat douloureux*, *Des Souris et des Hommes*, *Les Raisins de la Colère*, *A l'Est d'Eden*...

Steinbeck là một nhà văn có khuynh hướng xã hội, khinh rẻ xã hội tư bản và đề cao nhân phẩm, quyền sống của con người.

Nói thêm : James Dean trong *A l'Est d'Eden* là một «hiện tượng» của thế kỷ, nhưng chính James Dean chứ không phải chức không phải Steinbeck hay tác phẩm của ông có một tâm trạng «phá phách» như chúng ta đã được xem trên màn ảnh.

